

Chân Thành Cảm Tạ

Trong dịp xuân Tân-Sửu vừa rồi, chúng tôi có nhận được rất nhiều thư và thiệp chúc mừng của quý Bạn xa gần, chúng tôi rất hân-hạnh và cảm-động vô-cùng trước cảm-tình nồng-nhiệt của quý Bạn đã dành cho tạp chí PHỒ-THÔNG. Hàng nghìn những cánh thư dịu dàng này, những tấm thiệp xinh xắn, đầy màu sắc vui tươi, đầy lời duyên-dáng, êm đẹp, mà các Bạn đã có hảo-ý gửi đến chúng tôi, sẽ là một động-cơ thúc-đẩy chúng tôi càng cố-gắng để tô-điểm cho tạp chí PHỒ THÔNG yêu-quí của chúng ta thêm phần hoàn-mỹ.

Nếu mùa Xuân mang đến các bạn những rung cảm nhẹ nhàng những nụ cười tươi đẹp, những nhựa sống tràn dâng, thì tạp-chí PHỒ-THÔNG cũng mong-mỏi sẽ mang đến các bạn thân-yêu một xuân-vị ngọt-ngào như thế.

Chúng tôi rất ân-hận không có đủ danh-thiệp để gửi đáp riêng mỗi Bạn, nên xin có mấy lời chân thành cảm-tạ chung tất cả quý bạn thân-ái, nơi trang đầu số Tân-Niên này. Xin Quý Bạn niệm tình thứ lỗi cho.

PHỒ-THÔNG Tân-niên đến với các bạn hôm nay, mở đầu một Năm mới huy-hào, rực rỡ. Chúng tôi kính-chúc quý Bạn và gia-đình thân mến của quý Bạn 365 ngày đầy vui tươi, thắng lợi và hạnh-phúc.

Nguyễn-Vỹ
và toàn Ban Biên-Tập
TẠP CHÍ PHỒ - THÔNG



Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn: 233 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 52 — 1-3-1961

- 1.— Tiếng súng đêm xuân (thơ) Nguyễn-Vỹ 7—9
- 2.— Đầu năm Nguyễn-thái-Học bói Kiều Phong-Cầm 10—13
- 3.— Xuân sâu (truyện ngắn) Hoàng-Thống 14—19
- 4.— Một bộ máy biết phép lịch-sự Philip Bracken 20—21
- 5.— Giao thừa (thơ) Đoàn-minh-Hải 22
- 6.— Một đời người (hồi-ký) Thiệu-Sơn 23—27
- 7.— Một bản đồ thế-giới cách nay 500 năm Nguyễn Triệu 28—31
- 8.— Chiếc găng (truyện ngắn quốc-tế) Đỗ-trung-Thịnh 32—36
- 9.— Lục-Du một nhà thơ đời Tống
(Văn thơ ngoại quốc) : Tặng-Chi 37—43
- 10.— Trận đánh hải đảo : Okinawa Hoàng-Nhân 44—51
- 11.— Vì một eon trâu (hồi ký trong tù) Nguyễn-Vỹ 52—60

12.— Sầu ca (thơ)	Thanh-Lệ-Hải	61
13.— Thời thế và anh hùng	Thanh-Vân	62— 65
14.— Giai thoại văn-chương Chăm Việt	Tam-Phan	66— 68
15.— Những người dân bà lừng danh	Tân-Phong	69— 77
16.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	78— 84
17.— Đời sống các danh nhân	Tân-Phong	85— 90
18.— Sầu xuân, Một (thơ)	Võ-huyền-Trân và Chiêu-Thiên-Thương	91
19.— Những áng thơ hay	Bàng-bá-Lân	92— 97
20.— Người lữ-hành cô độc (truyện dịch)	Hoàng-Thống	98—105
21.— Đọc sách: Lang thang	Nguyễn-Vỹ	106—110
22.— Sách báo mới	P.T	111—112
23.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn-Vỹ	113—120
24.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	121—130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp chí PHỒ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG, và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

*Diệu, Sùng
tên Xuân*

ĐÊM phẳng-lặng, tôi đang nằm thao-thứ,
Phòng vắng tanh, lòng cũng vắng mông-mênh.
Bồng bèn sông loạt sùng bắn vang-rền,
Như những mảnh trời xuân tan-tát đồ.
Kêu chan-chát đạn vèo, liên-tiếp nổ
Lửa lập.lòe như những ánh ma trời.
Kể tiếp nhau ngã gục những bóng người
Lăn tiếng sùng, tiếng kêu gào : « Giết! Giết! »
Ai say máu, chém đâm nhau ác-liệt ?
Ai rên-la thảm-thiết, khóc, kêu vang ?
Tâm.hồn tôi mông mảnh nát tan.hoang,
Hai ngón lẹ ứa-tràn đôi mi mắt.
Trời đất hơi, lại bao nhiêu xác chết !
Máu căm.thù ghi mãi hận giang-san ?
Bao vết thương Non-nước vẫn chưa hàn,

Xuân tái-tạo, phũ-phàng, ai hấp.hối ?...
Tiếng ai-oán, ai gào trong đêm tối ?
Lời trời-trấn ai gởi gió sương khuya ?
Ai thân-yêu, nhẩn-nhủ lúc chia.lìa,
Đang quần-quại rĩ-rên bên vũng máu !
Trời u.trệ, đìu.hiu Sao Bắc.đẩu.
Mây chập-chồng xây-đắp ải sâu-tang
Đêm không trắng, bùng.bít cả trần-hoàn,
Gà mớ gáy, kinh.hoàng trong yêm.mộng...!
Súng đua nổ ăm.ăm, rồi im.băng
Hạt mưa xuân nằng-nặng rớt trên hiên
Ai có nghe trong đêm thắm vô.biên
Tiếng gió mới gọi hồn Non-nước cũ ?
Ai có thấy muôn vạn mờ vô.chủ ?
Đoàn thanh-niên đang tiến tới Ngày mai,
Đang hân-hoan rền đúc chí anh tài
Bỗng ngã gục, không một lời vĩnh biệt !
Mỗi xác chết, một linh-hồn nước Việt,
Mỗi nắm mồ, là một mảnh tim ta.
Xuân muôn màu ngào-ngạt nở muôn hoa
Là mạch máu chan-hòa trong mạch đất !
Mỗi nhánh lá, một hồn thiêng phảng.phất,
Mỗi tim hoa, nước mắt đọng thành sương.
Cả non sông là một hận xuân trường.

Của thế.hệ loạn.cường trai đất Việt !
Ôi buồn lắm ! Lòng ta buồn da-diết !
Ta xót thương những số kiếp tài ba,
Nợ phong-trần đã vướng tuổi niên-hoa
Còn thử thách đá vàng thêm Quốc-Hận !
Một lớp trẻ chôn vùi ngoài chiến trận
Đã đem xương đem máu đắp-xây mồ.
Một lớp sau còn sống sót, bơ-vơ,
Khóc cũng dở, mà cười càng thêm dở !
Đêm xuân nay, nước mắt trào nức-nở,
Nghe vang rền tiếng súng nổ bên sông.
Gà gáy khuya, tỉnh giấc mộng hải.hùng
Tôi mở cửa, gió lồng, ớn-ớn lạnh.
Mưa rĩ-rả, thấm tê lòng cô-quạnh,
Tôi ra đi như một đũa lạc.loài,
Bước âm.thầm không muốn biết ngày.mai.

M. V.

(Đêm Xuân 1961)



NGUYỄN THÁI-HỌC

bói Kiều

★ PHONG-CẦM

SAU cuộc khởi nghĩa thất bại ở Yên-Báy, Hưng-hóa, Lâm-thao (9.10.2-1930), một số các nhà cách-mạng Việt-Nam Quốc - dân đảng chạy về miền xuôi, mạn ngược để trốn tránh sự lùng bắt của thực - dân Pháp.

Lúc bấy giờ hương-vị của ngày xuân đầm-ấm hây còn tràn ngập tâm-hồn của người dân Việt, nhưng âm - thầm có một nhóm người nào biết xuân là gì. Đêm nay đúng là đêm mừng 2 Tết Canh-ngọ, Nguyễn-thái-Học, Cô

Giang, Ký Con, Chánh Tôn, Lương Ngọc-Tổn, Vũ-Hoàng, tất cả sáu người trốn về xã Hùng thắng, huyện Nam-sách, tỉnh Hải dương, ẩn mật trong nhà một đồng-chí tá-diễn.

Đêm xuân, họ dừng chơn lại đây cốt tạm nghỉ bước gian-nan để tránh sa vào lưới bẫy kẻ thù, mà cũng để bàn định lại kế-hoạch cho ngày mai, họ không tin rằng cuộc cách-mạng đã bùng nổ có thể tan rã khi mà họ còn ở ngoài vòng kèm tỏa. Người vững niềm

tin nhứt có thể là đảng-trưởng Nguyễn-thái-Học. Nhưng giữa một đêm xuân gợi nhớ như đêm nay, các nhà cách-mạng không tránh khỏi đôi phút ngậm ngùi để lòng luyến nhớ đến gia-đình thân quyến. Giờ này những người thân yêu của họ ở đâu làm gì? Có được đoàn tụ với họ hàng thân thích dưới mái nhà xưa, hay cũng trải qua cảnh lạc loài buồn thương như họ?

Đã sang nửa đêm, trời lạnh, mọi người trần-trọc không ai ngủ được. Ngọn đèn dầu xung quanh họ khi mờ khi tỏ bập bùng như một ảo-ảnh cuộc đời. Buồn quá, rồi để xua đuổi mối tình tư-gia làm mềm yếu lòng mình, Nguyễn-thái-Học trùm chăn ngồi dậy vịn to ngọn đèn, pha trà để uống. Các bạn Học cũng ngồi dậy, có cái gì vướng víu nơi lòng làm họ không chợp mắt được.

Có người đề nghị nên đánh tam cúc để giết thời giờ. Một vài anh em đồng ý, còn Học thì thản nhiên ngồi uống trà đoạn với tay lên án lấy quyền truyện Kiều để ngâm những vần thơ tuyệt-tác của thi-nhân.

Lật qua, lật lại vài trang chẳng biết nghĩ sao Nguyễn Thái - Học nhìn xung quanh rồi bảo các bạn

mình:

— Đầu năm, mỗi người chúng ta cũng nên thử bói một quẻ Kiều....

Một hai đồng chí phá lên cười:

— Ái dà, làm cách-mệnh mà cũng tin bói toán nữa à?

Nghe tiếng cười, cô Giang từ trong một ổ rơm bò ra hỏi:

— Các anh vui gì mà ồn lên thế?

Một đồng - chí trẻ Nguyễn Thái-Học rồi đáp:

— Anh Cai (biệt danh của Học) đòi bói Kiều.

Ký-Con đang nằm, vùng chỗi dậy:

— Bói thì bói.

Thế là các nhà cách-mệnh xúm xít vây quanh ngọn đèn dầu. Các đồng chí đồng ý nhường cho Học bói trước.

Nguyễn Thái - Học ngồi xếp bằng. Hai tay áp lấy quyền Kiều trang trọng nâng lên ngang mặt như người lễ Phật, miệng lâm-râm khấn vái:

— *Hải-dương tỉnh, Nam-sách huyện, Hùng-thắng xã, Canh-ngọ niên, chính nguyên sơ nhất nhật, tôi là Nguyễn Thái-Học quê làng Thổ-lang, phủ Vĩnh-tường, tỉnh Vĩnh - yên..., lạy vua Từ - Hát,*

lạy vãi Giác-Duyên, lạy Vương
Thúy Kiều, lạy chàng Kim-Trọng
lạy chư vị...

Lương Ngọc-Tổn chợt xen vào:
— Đừng lạy chư vị lâu
xanh nhé.

Đoàn Trần Nghiệp tức Ký-
Con thích trí phá lên cười.
Nguyễn-thái-Học nghiêm mặt
quay sang bảo:

— Các anh đừng đùa hầy đề
tôi khẩn nót. Thế rồi anh tiếp:
lạy chư vị trong truyện xin cho tôi
bói một quẻ, lấy 4 câu về trang
tả, có lành, ứng lành, có dữ ứng
dữ...

Khẩn xong, hai tay Học mở
lấy quyền Kiều đưa ra trước ánh
đèn, đọc to lên:

« Thân ta, ta phải lo âu,
Miệng hùm nọc rắn ở đầu chổn
này.

Lệu đường cao chạy xa bay,
Ái-ân ta có ngần này mà thôi ».

Nguyễn-thái-Học vừa dứt lời,
Lương-Ngọc-Tổn vội vớ lấy quần
áo chạy ra cửa. Các đồng-chí nhìn
Tổn ngơ-ngác hỏi.

— Ô, anh chạy đi đâu?

Lương-ngọc-Tổn bảo:

— Ngụy đến nơi rồi. Ta chạy

đi, quẻ bói bảo rằng hùm đang há
miệng, liệu mà xa chạy cao bay.

Ký Con phải kéo Lương-ngọc-
Tổn lại và cố trấn-tĩnh mới lấy
lại được sự thảng bẳng trong
người đồng-chí bạn.

Cuộc bói Kiều lại tiếp tục.
Đến lượt Vũ-Hoàn, nhà cách-
mạng đồng quê với Phó-dức-
Chính. Sau khi khẩn xong, Hoằng
mở quyền Kiều ra chọn bốn câu
trạng hữu:

« Từ con lưu-lạc quê người,
Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm
năm.

Tin rằng sông nước cát lăm,
Kiếp này ai lại còn cầm gập
đây ».

Quẻ bói trước và quẻ bói này
cùng một diềm dữ. Tuy không
tin nhảm mà trên gương mặt các
nhà cách-mạng cũng thoáng hiện
nét buồn. Cô Giang lặng nhìn
người yêu là Nguyễn-thái-Học
rồi nhìn các đồng-chí với một vẻ
thần-thờ chưa từng thấy. Ký-
Con lặng lặng cầm quyền Kiều
ném lên bàn rồi bảo:

— Hoi đầu bạn tâm với những
cái mê-tín dị đoan.

Và dục Học với các đồng chí
nên đi ngủ để lấy lại sức khỏe hầu



đổi-phó với kẻ thù hung-bạo
đang rình rập khắp nơi,



Đêm mừng hai Tết năm ấy
trôi qua trong sự lặng lẽ, và những
ngày gian-khò kế tiếp trôi qua.
Sáu nhà cách mạng dừng lại ở
Hùng-thắng, chỉ sống một đêm
xuân đoàn tụ rồi phân tán mỗi
người một nơi, tiếp tục xây dựng
lại sự nghiệp cách mạng đã dở
nất: cô Giang trở về Bắc-giang,
Ký-Con lạc vào Nam-Định,
Lương-ngọc-Tổn đến Hải-phòng,
để rồi lần-lượt rơi vào lưới rập
của thực-dân Pháp.

Họ bị đưa về hỏa lò Hà-nội
được ít lâu thì đến lượt Nguyễn-
thái-Học. Sau khi chia tay các
đồng-chí, Học còn ở lại Hải-
Đương để tiếp-xúc với các nhà
cách-mạng ở hải-ngoại về, định
đưa Học trốn sang Tàu ẩn mặt
một thời-gian vì lúc bấy giờ Học

bị lòng bắt ráo riết, thực dân đã
ra giải thưởng về cái đầu của
Học. Đáng lẽ, biết rõ thời thế
Học nên xuất ngoại, nhưng vì
quá tự tin vào sức lực của mình,
coi nhẹ cái chết, Học không chịu
xuất dương.

Một hôm cải trang làm phu mỏ
trốn qua Phả-Lại, khi đến ấp Cồ-
Vị, Nguyễn-thái-Học bị vây bắt
đưa về hỏa lò Hà-nội, để ra
trước Hội đồng Đề hình.

Tháng 6 năm 1930, Nguyễn-
thái-Học và 12 đồng-chí
bị đưa lên đoạn-đầu-đài ở Yên-
Báy. Cô Giang cũng đến Yên-
Báy chứng kiến cái chết của chồng,
rồi về Thổ-tang dùng súng lục tự-
tử chết theo Học dưới gốc cây đa.

Đến nay, đã hai mươi mấy năm
qua, câu chuyện đầu năm bói Kiều
của nhà cách-mạng Nguyễn-thái-
Học thỉnh thoảng vẫn còn được
nhắc nhở ở miệng các nhà cách
mạng còn sống sót. Tin nơi bói
toán hay không đó là thuộc quyền
tự-do tín ngưỡng của mọi người,
sở dĩ chúng tôi thuật lại chuyện
này, không gì khác hơn nêu ra
đây một giai-thoại trong cuộc đấu-
tranh cách mạng.

(Theo tài liệu của báo
« Việt-Nam »
xuất-bản năm 1945)



TRUYỆN NGẮN

XUÂN SÀU

✱ HOÀNG-THẮNG

HAI người lặng lẽ nhìn đám mây trắng lơ lửng trôi trên nền trời xanh nhạt. Chợt Thìn nói:

— Chắc anh ngạc nhiên khi thấy vợ tôi không phải là Chi?

Hòa thú thật nỗi lòng thăm kín của mình:

— Vâng, đúng thế. Tôi rất ngạc nhiên và thắc mắc vô cùng. Đã có chuyện gì xảy ra giữa hai người?

Thìn nhún vai trả lời:

— Không có gì hết. Như anh đã biết, nàng là một người đàn bà đẹp, tôi đã từng chiêm ngưỡng nàng như một bậc thánh trong những ngày tù tội. Nhưng khi trở về, tôi thấy nàng không giống người mà tôi tôn thờ chút nào cả. Nàng thương quá. Rồi việc gì đến phải đến. Sau ba năm chung sống trong cái cọ, dằn vặt, chúng tôi đã ly dị nhau. Rồi tôi lấy vợ. Người vợ mới này sắc sảo, kiểu diêm dã, chắc anh đã biết. Tôi đã có hai cháu. Bây giờ tôi không

XUÂN SÀU

còn mong muốn gì hơn nữa, tôi thấy hạnh phúc quá rồi.

Hòa vồn vã hỏi:

— Thế còn Chi?

— Nàng cũng lấy chồng rồi.

— Nàng cũng lấy chồng rồi? Hòa kêu lên, anh như thấy một đám sương mù bao phủ quanh anh.

Như một người máy, anh vội vàng xin lỗi bạn đi ngay, như quên hẳn lời hứa ở lại ăn Tết với bạn làm Thìn ngạc nhiên đứng ngẩn người nhìn theo dáng đi vội vã của anh, trong lòng thắc mắc không hiểu.

✱

Thìn hiểu sao được nỗi lòng tê tái của Hòa. Anh lao đảo bước trên đường nhựa đầy ánh nắng vàng, lòng cảm thấy định mệnh phù phàng đang đè nặng chiu trên đôi vai bé nhỏ của mình.

Mới cách đây ít phút, lòng anh còn hân hoan, háo hức với những kỷ niệm êm đẹp thì lúc này, số mệnh cay nghiệt đã làm cho anh mất Chi, mất mãi mãi trong khi nàng không có biết đến mối tình mà anh đã đun cháy trong lòng mình từ lâu.

Anh còn nhớ khi bước tới trước cổng biệt thự — nơi vợ chồng Thìn ở — anh định giơ tay bấm chuông nhưng lại rút

rút tay lại. Lúc đi đường lòng anh rộn rã, vui thích bao nhiêu thì đứng trước nhà người anh định gõ, anh lại ngại ngừng bấy nhiêu. Trái tim anh đập thình thịch như trống làng, tay hơi run run.

Anh đứng phân vân nghĩ ngợi: « Có nên vào không? Rồi sẽ đi đến đâu? Không hiểu Thìn có nhà không? »

Hòa cũng không rõ mình cất ý đến thăm Thìn hay thăm Chi, nhưng trái tim rộn rã kia đã tự trả lời rồi. Chi bây giờ còn trẻ đẹp không, hay già xấu? Đã mười năm trôi qua rồi còn gì!

Mạnh bạo Hòa bấm chuông điện. Hai con chó béc-giê cao lớn từ trong nhà nhảy xổ ra cổng, bốn chân trước bám vào thành sắt, nghe răng găm giữ dọa khách lạ.

Một cô bếp rảo bước ra mở cửa sắt.

— Thừa ông, ông định hỏi ai?

— Tôi là bạn của ông Thìn.

— Dạ mời ông vào nhà.

Người làm mời Hòa vào phòng khách rồi xin phép vào trong báo tin cho chủ hay.

Một người đàn bà nhỏ nhắn bước ra, khuôn mặt trái soan,

đôi mắt đẹp khiến ai nhìn cũng không quên được, mái tóc uốn; nàng mặc chiếc áo dài màu hồng làm tăng màu da thêm sáng.

Hòa ngạc nhiên khi nhìn thấy người đàn bà bước vào phòng khách nhưng anh cũng đứng dậy chào hỏi:

— Thưa bà, tôi muốn được gặp ông Thìn.

— Ông ấy không có nhà, nhưng cũng sắp về. Ông có cần gặp gấp không?

— Thưa, còn bà Thìn?

— Chín tôi là vợ ông Thìn, người đàn bà nhỏ nhắn trả lời, đôi mắt đẹp nhìn khách lộ vẻ ngạc nhiên.

Hòa vội nhanh nhẩu đáp:

— À, bà thứ lỗi cho tôi. Tôi và ông Thìn là bạn quen nhau khi bị giam bắt làm tù binh trong thời chiến vừa qua. Sau khi được tự do, tôi sang bên Pháp ở và đã mấy năm nay tôi không nhận được thư của ông.

Người đàn bà nhà nhận nói:

— Chúng tôi lấy nhau đã được bốn năm nay. Mời ông ngồi chơi đợi nhà-tôi về. Chắc nhà-tôi sẽ vui mừng lắm khi gặp ông. À thế còn ông là...

— Thưa bà, tôi là Hòa.

Bà Thìn lịch thiệp đáp lời khách:

— Tôi thường được nhà-tôi nói về ông luôn.

— Ông bà đã được mấy cháu rồi?

— Cảm ơn ông, chúng tôi còn hiếm hoi lắm, mới được hai cháu, một trai một gái.

— Các cháu vẫn mạnh, thưa bà?

— Dạ, các cháu vẫn mạnh.

Sau khi mời khách dùng tuần nước thứ hai, bà Thìn trao cho Hòa mấy tờ báo mới rồi xin lỗi khách vào trong cho các con ăn sáng.

Còn một mình trong phòng khách, Hòa chăm chú nhìn quanh. Không có một hình ảnh nào của Chi. Bao nhiêu câu hỏi lớn vờn trong đầu óc. Chi đã bỏ đi? Hay là chết rồi? Còn người đàn-bà mới lạ này làm sao lại là vợ của Thìn được? Tại sao Thìn không gửi thư cho mình hay tin «lạ»!

Hòa thắc mắc, lòng anh rối như mớ bòng-bong. Những chuyện cũ xa xôi tự ngoài mười năm nay đột hiện lên ám ảnh anh.

Nàng đẹp quá! Nét duyên dáng của tuổi hai mươi lộ lộ trên tấm ảnh đập vào mắt Hòa mỗi khi Thìn — chồng nàng —

đỡ ra khoe với anh khi hai người bị giam trong trại giam tù binh.

Sống ngất ngỏi như những con vật giữa bốn bức tường bao bọc bên ngoài bởi những hàng rào giầy kèn gai cùng ổ mìn, trước mũi súng đen ngòm lắm lắm muốn nhả đạn trong tay một bọn mặt mũi lúc nào cũng sát khí đằng đằng, tình bạn đã nảy nở giữa Hòa và Thìn.

Hai người nằm cạnh nhau nên dễ bề tâm sự cùng nhau. Cứ sau mỗi bữa cơm trưa và chiều — gọi là bữa cơm cho sang trọng, sự thật mỗi người chỉ được một nắm cơm nhỏ bằng nắm tay với chút muối trắng — Thìn lại móc túi áo lấy tấm ảnh của vợ ra ngắm nghía rồi khoe với bạn. Nhìn hình vợ, anh mê mẩn nói như một con chiến ngoan đạo đang say mê cầu nguyện dưới chân tượng Đức Mẹ Đồng Trinh.

« Đây là hình vợ tôi. Vợ tôi đẹp lắm anh ạ. Nếu anh gặp vợ tôi anh cũng phải sững sờ vì sắc đẹp của nàng. Chúng tôi mới lấy nhau được sáu tháng thì tôi bị bắt. Tình ái đang mặn nồng bây giờ đang dở tôi đau khổ quá anh ạ. Không hiểu Chi của tôi

bây giờ ra sao. Nàng có khổ sở không? Liệu nàng có chờ đợi tôi trong tình trạng sống chết chưa biết ra sao? »

Hòa không buồn chú ý tới những lời thì thầm của bạn, anh chỉ chăm chú nhìn tấm ảnh. Thật là một tấm hình khêu gợi. Đúng là tấm hình khêu gợi trong một hoàn cảnh rất đặc biệt.

Lấn lộn trong đám người gầy còm, ốm yếu, xanh xao, bần thủ, đầu tóc rối bù đầy chấy, quần áo hôi hám, rách tả tơi, đột hiện ra một người đàn-bà với đôi lông mày cong cong, nụ cười xinh xắn — dù chỉ là một tấm ảnh — cũng đủ làm cho Hòa ngây ngất.

Nhìn tấm ảnh, Hòa có cảm tưởng mình là một kẻ bộ hành sắp sửa bị chết khát giữa bãi sa mạc mênh mông đầy cát nóng bỏng thì được trông thấy một lịch nước có bóng dừa in trên làn nước trong veo, mặc dù, rất có thể lịch nước đó chỉ là một ảo ảnh. Của sự mong ước quá độ trong tuyệt vọng. Hòa thấy mình tin tưởng ở ngày mai hơn mỗi khi được nhìn thấy ảnh của Chi; khi Thìn khoe với anh.

Nếu Thìn không lái nhải hàng

bữa những lời nhớ nhung với tấm ảnh, anh cũng có thể nói lại đúng như thế và có thể còn nói nhiều lời say đắm hơn nữa. Vì.. anh đã yêu tấm ảnh đó rồi.

Tấm ảnh người con gái hai mươi đã ám ảnh Hòa nhưng cũng là ngọn lửa sưởi đốt tâm hồn khô héo của anh. Anh yêu tấm ảnh nên anh đã yêu sự sống của anh trong không khí chết chóc của trại giam. Tấm ảnh đã làm cho anh tin tưởng vào một ngày mai sáng lạn trong lúc chung quanh anh đã nhiều người bạn đồng cảnh phải thở hơi cuối cùng vì đói ăn, khát uống và thiếu cả không khí trong sạch.

Mỗi lần Thìn sờ tấm ảnh ra, Hòa lại nhìn « ngấu nghiến » như muốn hút cả hình ảnh đó vào đôi mắt sâu hoắm của mình. Những lúc đó, máu trong người anh như cuộn cuộn chảy trong huyết quản. Anh thấy mình say say như được uống một ly rượu mạnh.

Khi Nhật đầu hàng Đồng Minh không điều kiện, luồng gió Tự Do đã thổi bay các hàng rào dây kẽm gai, lửa vào các trại giam bắn thiu, bôi hám để tung mọi người ra ngoài lộ.

Khi được thả hết không khí Tự-Do rồi, Hòa mới nhận chân được sự thật. Trong lúc bị giam hãm trong bốn bức tường chết chóc, đời sống lúc nào cũng bị đe dọa, anh đã yêu Chi — vợ người bạn cũng bị giam — qua tấm ảnh. Giờ đây anh mới nhận thấy mình điên rồ trong cuộc yêu đương mơ mộng phiêu lưu này.

Hoàn cảnh thực tế không cho phép anh được thổ lộ tình yêu đó với người đàn-bà mà chính họ cũng không biết anh là ai.

Bị dầy vò bởi mối tình tuyệt vọng. Hòa xin giấy tờ sang Pháp để tránh phải đến thăm bạn và cũng để tránh khỏi phải nhìn thấy Chi, người đàn-bà hiện thân của tấm ảnh có nét đẹp duyên dáng của tuổi hai mươi.

Đủ mười lần tuyết là tả rơi phủ khắp trời Tây và cũng đã lâu rồi, anh và Thìn không trao đổi thư từ với nhau.

Đã mười năm qua, dù sống giữa kinh thành ánh sáng, đầy đầy người đẹp quyến rũ, có những đôi mắt xanh như lá chuối non đầy nhựa sống hoặc nâu như màu hạt dẻ thơm phức,

có những bộ tóc bạch kim hoặc vàng nuột như tơ tằm hay hung hung, anh cũng không thể quên được mẫu tượng mà anh đã tôn thờ say đắm, giữa lúc chơi vơi trong biển chết.

Khi ở Pháp về, anh nhất định đến thăm Thìn để được nhìn lại người anh đã yêu qua tấm ảnh.

Khi anh ngồi trong phòng khách của bạn, thì người đẹp trong tấm ảnh đã không còn ở đây nữa. Hòa thở dài lững thững bước tới bên cửa sổ. Ánh nắng buổi trưa tràn ngập đầy vường. Đồi chó béc-giê đang đuổi chân thiu thiu ngũ trên lớp sỏi, dưới bóng cây phượng vĩ. Những bông hồng rung rinh theo làn gió nhẹ.

Một chiếc xe Huê-kỳ từ từ đỗ trước cổng. Một hồi chuông reo. Hòa nhận ra người bạn trong lao tù. Anh bước vội ra hàng hiên đón bạn. Anh nhận thấy Thìn béo mập hẳn ra.

—Ồ anh Hòa, Thìn reo lên, anh ở đâu tới đây bao giờ?

Hai bàn tay siết chặt. Hai nụ cười tươi tắn.

—Tôi mới ở Ba-Lê về, việc đầu tiên là tới thăm anh và có lẽ tôi sẽ ở lại đây ăn Tết với anh không chừng.

Ồ! thật quý hóa quá, anh làm tôi sung sướng quá. Nhất định anh phải ở đây ăn Tết với vợ chồng chúng tôi đây nhé. À, anh đã gặp nhà tôi chưa?

—Có, tôi đã gặp. Nhưng...

*

Hòa thần thờ bước trên đường nhựa đầy ánh nắng, đầu óc trống rỗng.

Thời thế là hết rồi. Không được gặp Chi nữa, chuyến hồi hương này đối với anh chẳng còn gì là thi vị cả. Ngay cả cái Tết sắp đến đối với anh cũng chỉ là những ngày nhạt nhẽo vô ích.

Anh ngơ ngác nhìn chung quanh, miệng gọi khẽ: « Chi ơi, bây giờ em ở đâu? ».



* Vợ tôi cận-thị

Một ông góa vợ đến thuê người thợ làm bia khắc mấy giòng chữ trên tấm bia của vợ ông. Người thợ bia hỏi:

— Ông muốn khắc chữ lớn hay chữ nhỏ?

— Chữ thật lớn, vì vợ tôi cận thị.

Một bộ máy

BIẾT PHÉP LỊCH-SỰ

(THIS BRAIN KNOWS ETIQUETTE)

* Philip Bracken

Một bộ óc máy hiện đang được chế tạo tại trường Đại-Học Phân-Khoa University College ở Luân-đôn. Ở Thờì đại khoa học tiến bộ này, tin trên đây không có gì là lạ thường. Nhưng «bộ óc» này, không giống những bộ óc máy khác, nó sẽ giúp cho hiểu biết hơn về bộ óc của người ta. Chiếu máy thí nghiệm này sẽ giúp ích cho bộ óc của người ta tăng thêm hiệu lực và có thể phát minh thêm được những «bộ óc máy khác» hiệu nghiệm hơn. Thật là rất khoa học, như Philip Bracken nhấn-mạnh trong bài tường-thuật dưới đây gửi từ Luân-đôn về.



BỘ «óc máy» người ta đang chế tạo tại trường Đại-Học Phân-khoa University College ở Luân-đôn hình như có một đặc điểm phi thường. Rất có thể là bộ óc máy ấy sẽ không chịu làm việc cho bạn nếu bạn không trình diện với nó một cách lịch sự. Trong chốc lát, bạn sẽ hiểu.

Ngày nay, không có tuần lễ nào là không có tin sáng chế ra một kiểu bộ óc máy. Bộ óc máy không những giải đáp được những bài tính đồ khó, lại còn lựa thư từ, khai mỏ than, làm phép kế-toán, đặt hàng, chấm thi, vắt sữa bò trong các cuộc đấu xảo canh-nông và biết đánh thuế nữa. Những bộ óc máy làm được các công việc kể trên nhờ có một phương pháp dị kỳ rất khó cắt nghĩa, rất là đối với tôi.

Nhưng «bộ óc» mới ở Luân-

MỘT BỘ MÁY BIẾT PHÉP LỊCH SỰ

đôn thì khác những bộ óc trên. Nó là một bộ óc được chế tạo để nghiên cứu bộ óc của người ta. Những vấn đề các nhà phát minh mong đợi bộ óc mới giải quyết là luyện cho bộ óc của người ta hiệu nghiệm hơn và tìm ra nguyên nhân tại sao bộ óc của con người bị hư hỏng và sinh ra những bệnh tinh thần.

Cho tới ngày nay, những «bộ óc máy» hay máy tính đã giúp ta giải thích bộ óc người ta hoạt động ra sao, song bộ óc người ta làm việc theo những nguyên-tắc khác các máy. Ngày nay, một bộ máy có thể được chế tạo để giải quyết hầu hết mọi vấn đề miễn là được cung cấp những mã số điều khiển máy sẽ phải làm những gì.

«Bộ óc mới» sẽ không giống những bộ óc này. Người ta mong rằng khi hoàn thành, ước chừng một năm nữa, «bộ óc» sẽ có thể đọc, viết và nói được, trong một phạm vi nào đó. Một bộ óc tương tự, nhưng nhỏ hơn hiện đã được xử dụng. Nó nói chuyện bằng cách phát ra những âm thanh cao thấp khi nó nhận ra được một số hình và chữ đặt trước nó. Người ta mong đợi bộ óc mới sẽ nhận ra được mặt người, và có thể là bộ máy này sẽ không tuân lệnh của

một người mà nó nhận ra là không có thẩm quyền ra lệnh cho nó làm việc.

Người phát minh ra «bộ óc» ấy là Tán sĩ W.K. Taylor, tin rằng đó là bộ máy độc nhất đã được trù liệu vào việc nghiên cứu trí óc con người. «Bộ óc» sẽ cao 2 thước 75 và rộng 5 thước rưỡi. Tán sĩ Taylor và ba người cộng tác với ông tin rằng sau cùng có thể chế cho người ta những «bộ óc máy».

Bộ «óc máy» ở Luân-đôn, theo lời Tán-sĩ Taylor nói, «được đặc biệt chế tạo để giải quyết những vấn đề liên quan đến một súc vật hay một người», vậy không có lý do nào khiến nó sẽ không là bộ óc máy đầu tiên giải-quyết được những vấn đề hàng ngày của những người làm chủ nó.

Bộ óc máy này sẽ có thể gây nên những ác mộng cho những người phải sống với bộ máy thiên tạo cũ rích ở trong-dầu. Có những bộ óc máy Anh làm được 30 000 tính cộng trong một giây đồng hồ hay đọc hết trọn sáu cuốn tiểu thuyết trong khoảng thời gian ngắn ngủi ấy. Nếu ai có một bộ óc như vậy thì tôi mong không bao giờ phải bàn cãi với người ấy.

Anh, thằng con trai không cha, không mẹ,
Tôi, một thằng người mất cả quê hương
Chúng mình gặp nhau ở giữa đoạn đường;
Thành đôi bạn mặc dầu chia Nam Bắc
Quê anh đây, quê tôi chừ muốn dăm
Kẻ còn quê hương lại mất tình thương
Nhưng anh ơi! Tôi kẻ mất quê hương
Thì đau khổ, thì tràn đầy tủi hổ,
Rồi ngày mai khi mái đầu bạc trắng,
Trở về quê! Còn đâu nữa mà mong
Sống tha hương trời ơi, chết cõi lòng...
Mấy mùa Xuân tôi sống trên đất bạn,
Mấy mùa hoa tôi muốn nhờ cánh nhạn
Mang tin về xứ sở của riêng tôi
Nhưng anh ơi khi cánh nhạn tung trời
Thì gió loạn mịt mờ như đêm vắng,
Và đêm nay, đêm giao thừa vắng lặng
Tôi và anh uống cạn rượu ly-bồi
Để quên đi ánh mắt của cuộc đời...
Giờ trừ tịch đêm nay vang tiếng pháo,
Máu bùng lên tôi thấy lòng huyền ảo
Trường chừng như tiếng gọi của tình thương
Nhưng đêm nay lòng lộng gió muốn phương
Đêm trừ tịch! Đêm giao thừa! Năm mới
Hai mái đầu gục vào nhau điện vơi,
Kẻ mất quê hương, kẻ thiếu tình thương
Ngồi bên nhau nước nở dạ vương vương.
Một xuân nữa nhuộm dần hai mái tóc
Rượu ly-bồi cạn dần quên cô-độc.



Buồn lên mỗi hai kẻ mất niềm thương
Đôi mái đầu bừng dậy thấp nén hương...
Mắt long lanh: Ừ đêm nay... trừ tịch.

ĐOÀN-MINH-HẢI

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI

XXIV

Georges Duhamel, một tâm hồn đẹp

(Tiếp theo P.T. số 50)

THIỆU-SƠN



Cao - ủy
Bollaert mời
cho được
ông Georges
Duhamel

qua viếng Đông-Dương và mạng
danh cho ông là một vị sứ - thần
văn-hóa. Cuộc viếng thăm này tốn
kém và bận rộn lắm nhưng Cao-
ủy-phủ thiếu gì tiền đề đài-thọ,
thiếu gì người đề phục-vụ một
ngôi sao sáng của nền văn-học
Pháp.

Văn-hào Duhamel có chưa
trong Hàn-Lâm-Viện Pháp. Ông
thích âm-nhạc, thích giàn-dị,

thích sáng sủa, yêu trẻ con, yêu
nhân loại, ghét chiến tranh và
chuộng hòa - bình. Ông thích
nếp sống yên - tĩnh làm cho
con người được thỏa-thích trong
suy tư. Ông ghét ồn ào, ghét
tiếng động, ghét cơ-giới và thứ
nhứt là ghét cái máy vô-tuyến
truyền-thanh, cái mà ông gọi ngạo
là Téhesff. Ông có một sự-nghệp
văn-chương đồ-sộ và có một lối
văn trong-sáng lạ-lùng. Ông đã
từng làm quân-y bác-sĩ, băng bó
và điều-trị những nạn-nhân của
chiến-tranh 14-18. Gần-gũi với
đau-khổ ông đã cảm-dộng mà viết
sách "Đời sống của những kẻ

hy-sinh » (La vie des martyrs)

Ông lại phải chứng kiến một trận giặc thứ hai nữa. Ông đã lên tiếng thóa-mạ cái dã-tâm của Đức quốc-xã.

Trong thời-kỳ bị chiếm-đóng, ông đã giữ một thái-độ can-dảm và xứng-dáng, nhứt-dịnh không cộng-tác về phương-diện nào với kẻ nghịch đề giữ tròn thanh-danh và tiết-tháo.

Tôi là một trong số những người hăm-mộ ông. Văn-nghiep của tôi cũng chịu phần ảnh-hưởng của ông. Nhưng ông là thượng-khách của Cao-ủy-phủ và lại qua chơi giữa hồi khói lửa mịt mù làm cho chúng tôi thêm hoài-nghĩ và càng thêm dè-dặt. Sự dè-dặt đó đã khiến tôi viết những lời này trên Công-Lý :

«...Hiện nay Việt-Pháp tương tranh, những bậc trí-thức xứng-dáng của chúng tôi đương tử-chiến với đế-quốc thực-dân để đòi quyền tự-do độc-lập. Những kẻ còn ở lại Saigon lúc này như chúng tôi tự thấy không đủ tư-cách tiếp-xúc với một người cao-thượng như ông. Chừng đâu trong khi dơ tay ra bắt, ông không có ý khinh thăm rằng chúng tôi là những người đã

lãng xa nghĩa-vụ.

Pháp quốc vẫn tự-hào rằng đã làm tròn cái sứ-mạng văn-hóa ở Việt-Nam. Nhưng nếu những kẻ đã nhiễm văn-hóa Pháp mà cam-tâm sống trong đời nô-lệ u-tù, hỏi những kẻ đó có xứng-dáng với cái ơn giáo hóa của mình không ?

Thưa ông Duhamel,

Lần này chúng tôi đối với ông chỉ xin « kính nhĩ viễn chi » Mai mốt, chúng tôi được tự-do độc-lập, nổi lại tình giao hảo với nước Pháp hết thực-dân, lúc đó chúng tôi mới dám đến gần ông mà xin một chữ ký. »



Mặc dầu chúng tôi đã bày tỏ thái độ một cách quá số-sàng, vị sự thần văn hóa Pháp cũng vẫn muốn tiếp xúc với giới trí-thức ngoài vòng ảnh hưởng của chánh quyền.

Cố-nhiên là Cao-ủy-phủ đã cho ông nghe nhiều chuyện và gặp nhiều người đề tạo cho ông những thành-kiến không tốt đối với cuộc kháng chiến Việt-Nam,

Nhưng nghe mãi một tiếng chuông ông cũng thấy nhàm tai nên tỏ ý muốn nghe nhiều tiếng

chuông khác và thứ nhứt là muốn tiếp xúc với giới trí thức của các nghề tự-do. Cao-ủy phủ buộc lòng phải cho ông được thỏa-nguyện nhưng cũng chuẩn bị châu dáo và cho rất nhiều người đi hộ tống nhà văn. Liên-Hiệp Trí-Thức cùng Hội Pháp-Việt lo tổ chức buổi tiếp-xúc tại biệt thự của luật-sư Trịnh đình-Thảo. Phòng tiếp tân khá rộng mà dường như không đủ chỗ để chứa người. Những nhà trí-thức dân-chủ Việt-Pháp quây quần chung quanh vị khách quý để trao đổi những ý kiến về văn-hóa và thời cuộc. Ông Nguyễn-văn-Vỹ Hội-Trưởng L.H.T.T. đã tỏ bày tất cả tâm sự của hạng trí thức Việt-Nam trong những giờ phút lịch-sử của đất nước. Ông nói : « Chúng tôi thấm-nhiễm văn-hóa Pháp, tin-tưởng ở nó mà thành ra tin-tưởng luôn ở nước Pháp. Nhưng chúng tôi đã thất-vọng vì lời nói chẳng đúng với việc làm... Dân-tộc Việt Nam đòi tự-do, độc-lập là quyền chánh - đáng của họ. Người Pháp tự-hào là tiên-phong của Tự-do sao lại không noi gương Mỹ mà cứ áp-chế chúng tôi hoài. Chúng tôi ở đây không có ai là cộng-sản hết. Dân-tộc và kháng-

chiến V.N. cũng chỉ có thiếu-số cộng-sản mà thôi. Muốn hòa-bình phải nói chuyện với những người cầm súng. Chúng tôi hết thấy đều đứng sau lưng họ... »

Ông Prétou, Hội-trưởng Hội Pháp-Việt tiếp lời ca-ngợi bực văn-hào có thanh danh quốc tế và cảm ơn ông đã tiếp xúc với những phần tử dân-chủ mà ở đây người ta coi như những kẻ phiền loạn. Ông nói : « Chúng tôi, kẻ Pháp người Việt ở đây đã hiểu - biết nhau, thật tình thương-yêu nhau và cam đảm tỏ - hiệp lại để bình vực một chánh-nghĩa ».

Nhà văn hào, một ông già trên 70 tuổi, đầu sói, mặt sáng như gương và đầy vẻ hiền từ đứng lên nói một cách chậm rãi. Ông nói ông không có sứ mạng chánh-trị nhưng ông có thể đại-diện cho những kẻ cầm viết và cây viết của họ có thể nói lên sự thật và bình-vực cho lẽ phải. Theo lẽ phải thì Việt-Nam có một hạng trí-thức xứng-dáng, có tư-cách hưởng quyền độc-lập và sẽ được độc-lập. Nước Pháp đương lâm vào một cảnh bối-rối khó-khăn nên chậm-chạp một chút, nhưng dân-tộc Pháp đã biểu đồng-tình rằng Việt-

Nam phải độc lập. Ông yêu - cầu chúng ta đừng nên so - sánh tình-trạng ở Việt-Nam với tình-trạng ở Pháp hồi Đức-thuộc. Dầu sao nửa Việt - Pháp vẫn còn những mối liên - lạc nên duy - trì và sự thỏa hiệp theo ông không có gì khó cả. Ông muốn nói tới những liên - lạc tinh - thần. Ông khen người Việt-Nam nói tiếng Pháp thật hay và không muốn cho chánh - trị làm tổn - thương đến cái thanh - khí giữa những con người đã thông-cảm được nhau. Ông còn nói thêm để chấm dứt bằng một nụ cười duyên : « Nếu có chậm-trễ một chút, xin các ông đừng phiền, nghe ! »

Ông muốn nói tới sự chậm-trễ trong việc giao - trả độc - lập cho Việt-Nam.

Có lẽ ông nghĩ tới những giải-pháp chánh-trị của Cao - Ủy cần phải mất nhiều thì-giờ mới có thể thực - hiện được. Nhưng chắc ông phải lấy làm ngạc-nhiên mà thấy không một người nào nhắc tới tên Bô-Đại ở đây. Dầu sao ông cũng là một người thành-thật, nhả-nhĩn, tể-nhị, có một tâm-hồn đẹp, một tâm-hồn nhân-bản.

Một số vài anh em chúng tôi còn hẹn tới đáp lễ ông ở tận nhà

ông. Cuộc tiếp-xúc sau này vì có ít người nên thân - mật hơn. Ông nhắc tới một thanh - niên Việt-Nam đã đem đến cho một bản dịch Chinh - phụ - ngâm đề đăng vào tạp - chí Mercure de France mà ông làm giam - đốc. Ông vỗ đầu, bóp trán mà không nhớ ra tên người thanh-niên đó nhưng ông nói : « Chàng đẹp lắm có khuôn mặt thông-minh và dễ-thương đáo-đề ». Chúng tôi nhắc tới tên Hoàng-xuân-Nhị thì ông liền nhớ ra và ngỏ ý muốn gặp anh. Chúng tôi nói anh đã đi kháng-chiến rồi thì ông tỏ vẻ ngậm-ngùi và tỏ ý muốn gặp anh. Ông nói : « Nếu có anh nào bắt liên lạc được với nó thì nói giùm tôi nhớ nó và muốn được gặp nó. Tôi hứa rằng có thể nói với Cao-ủy đảm-bảo cho nó thông-thả về chơi với tôi và sẽ đảm-bảo cho nó được thông-thả trở lại chiến-khu để theo đuổi công-việc của nó ». Chúng tôi nói khó bắt liên-lạc được với anh và dẫu anh có thương ông cách mấy cũng không lẽ bỏ dờ việc chúng mà lo tới tình riêng. Chúng tôi đề nghị : « Hay là ông vào chơi trong bưng — chắc chắn là ông sẽ gặp Nhị và còn gặp nhiều trí-thức Việt - Nam đáng cho ông lưu ý »

Ông đáp : « Tôi già quá rồi, đi đứng khó khăn. Và lại là khách của Cao-ủy, không thể làm một việc bất lịch sự đối với ông.

Nhưng đầu tôi không gặp Nhị, tôi cũng muốn gửi một lời chào thân-ái cho nó. Nhờ mấy anh chuyển giao giùm ».

Ông còn nói thêm ba điều, bốn chuyện và mới huyếch tẹt ra rằng những nhân vật mà ông đã được gặp trước chúng tôi do Cao-ủy phủ giới-thiệu hầu hết đều có những ý kiến trái ngược với những ý kiến của chúng tôi.

Mặc dầu vậy, ông cũng được nghe cả hai tiếng chuông và tiếng chuông của chúng tôi cũng được ông lắng tai nghe kỹ, nghe với cả một tấm lòng. Anh Nosmas đã nói cho tôi biết trước rằng tôi phải thận-trọng trong bài tường-thuật cuộc tiếp-xúc với ông Duhamel. Tôi đã hết sức thận-trọng nhưng làm sao có thể nói sai sự thật được ?

Quả - nhiên, sau bài tường-thuật thì có lệnh đóng cửa báo Công-lý.

(Còn tiếp)



* Luận Việt ngữ : CON BÒ CÁI

Làm bài luận Việt ngữ về đề tài « con bò cái », một em bé ở lớp đệ thất tả như sau đây :

« Con bò cái là loài có vú. Nó có 6 phía : phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới, phía trong, phía ngoài. Phía sau nó có cái đuôi để đuổi ruồi. Phía trước nó có cái đầu để mọc hai cái sừng. Phía trên lưng để người chăn bò cỡi, phía dưới bụng có sữa bò. Phía trong để ăn thịt bíp-tết, phía ngoài để lột làm da. »

MỘT BẢN ĐỒ

THẾ-GIỚI

CÁCH NAY 500 NĂM

* NGUYỄN TRIỆU

CÁC cụ đời xưa thường nói : « hậu sinh khả úy », cho rằng con cháu các cụ sau này đáng sợ, là có ý tưởng-tượng kẻ hậu-sinh sẽ tấn phát nhiều hơn ông cha về văn-học cũng như khoa-học, cơ-khí, v.v... vì trong thời các cụ thì đã làm gì có nguyên-tử-lực, và nguyên-tử năng, đã làm gì có máy bay cùng là hỏa-tiến...!

Đang suy nghĩ xa gần trong trí óc như vậy, sau khi tôi được đọc một bài trong tạp-chí Pháp, thuật về một bản hải-đồ của PIRI REIS từ đầu thế-kỷ XVI và tìm thấy ở Bảo-tàng-viện

Istamboul (thuộc Turquie, Thổ-Nhĩ-kỳ).

Piri Reis là ai mà ít thấy tên tuổi trong bản liệt-kê danh-nhân lịch-sử?

Vậy xin giới thiệu cùng bạn đọc rằng nhân-vật này chỉ là một hải-khẩu quốc tịch Egypte (Ai-cập) hồi năm 1551, đem quân lâu-la đến đánh chiếm thành Mascate thuộc xứ Arabic, sau trở về Egypte bị vua Ali Pacha tịch thu hết cả tài sản cùng những vàng bạc của-cải mà hắn đã kiếm được và kết cục bị vua Turquie là Soliman bắt đem xử tử. Piri Reis có để lại cho đời 2 bản hải-đồ về Hồng Hải (Mer

MỘT BẢN ĐỒ THẾ GIỚI

Rouge) và Mer Egée rất có giá-trị và đúng mực vô cùng. (1)

Ngoài ra còn bản-đồ thứ 3 nữa do Piri Reis họa từ năm 1513-1525 trình bày cả Nam và Bắc Mỹ-châu cùng Đại Antartique tức quần đảo ở Nam-cực, rất tỷ-mỷ và đúng tuyệt-diệu.

Bản đồ này vẫn được lưu-trữ trong những trần-liệt-phẩm của Bảo tàng viện Istamboul.

Mấy năm gần đây, một kỹ-sư của Hải-quân Hoa-Kỳ, có ghé thăm Bảo tàng viện Istamboul, để coi lại bản đồ kia ngó hầu lập một bản riêng khác để dùng cho đường hàng-không của Mỹ. Sau khi đã xem xét tường-tận bản đồ xưa với những phương-pháp tối tân về khoa-học, những nhà chuyên môn cũng phải nhận rằng bản đồ này vẽ từ thời Christophe Colomb (1451-1506) và không khỏi kinh-ngạc sau khi đã thấy những vị trí của Tân-Đại-lục cùng các đảo Antartique ở Nam-Cực đúng mực vô cùng và không có chỗ nào là thô-sơ hoặc sai trật. Theo Hải quân Mỹ (U S. Navy) thì khoảng đường bể từ Cựu-Đại-lục với Tân-Đại-lục cùng các đảo Açores, Madère và quần đảo Canaries rùng rợn tất cả các vị

trí ở bờ biển đều đúng cả và ghi chép rất tường tận và tỷ-mỷ.

Không cần nói đến các bờ biển ở miền duyên-hải, vào đến trong nội-địa thì cũng vậy; không đâu là sai lạc.

Ngoài những thành-thị và làng mạc, những sông ngòi cùng những rừng núi cao trùng trùng điệp-điệp... đều có ghi đủ cả và những cao độ của các ngọn núi thì cũng đều có chua với những con số đúng hệt như những bản đồ lập trong khoảng 1959-1960.

Các nhà bác-học chuyên môn không khỏi thắc-mắc và cho rằng là, một khi muốn lập một bản đồ nội địa có núi như thế này thì tất phải phỏng theo những bản đồ chụp ảnh trên máy bay thì mới được, thế nhưng thời này đâu đã có máy bay cùng đồ chụp ảnh! Nhưng các nhà chuyên-môn lại còn ước-đoán rằng trước ta đây năm ba chục thế kỷ biết đâu các cụ cũng có thể có máy bay hay khinh-khí cầu thả lên cao rồi lên trên ngời ngó xuống mà họa, theo khoa-

(1) Tài-liệu rút theo La Grande encyclopédie tome 26 page 967.

(Parta-Poilpot)

học và căn cứ vào lịch-sử, ta chưa thể tin được nhưng cũng có thể tưởng tượng được là thế...!

Coi tấm bản đồ xưa của Piri-Reis này, các nhà chuyên-môn đều nhìn nhận rằng là trùng hết và không kém những bản đồ đời nay ! Và ở Thế-giới hiện nay chưa chắc đã có bản đồ mới nào được trùng và tường tận hơn được !

Ngoài ra, Piri Reis còn ghi và chưa thêm ngoài lẽ rằng, trong khi y họa bản đồ này, là đã phỏng theo khá nhiều các tài-liệu và bản đồ khác của người Bồ-đào-Nha và đã coi đến cả bản đồ của chính tay Christophe Colomb vẽ.

Người ta lại còn biết thêm được rằng Piri Reis lại cũng còn cộng sự với một người da đen xưa kia là « bạn cầm lái » của Colomb và trong mấy cuộc lữ hành đi tìm Tân-Đại-Lục cũng có người này đi theo.

Trong khi Piri Reis lập bản đồ này thì y cũng còn áp dụng khá nhiều những đồ khác và tài-liệu xưa của người Grecs (Hy-Lạp) từ đời Vua Alexandre le Grand (356—323 trước T.C.)

Người đời xưa, thường vẫn

phỏng đoán một cách vô-lý rằng là trái đất bằng phẳng và dẹp hai đầu, cũng như người Trung-hoa thì cũng cho là « Đất vuông, trời tròn » (thiên-viên địa phương), nhưng trước đây 2.200 năm, nhà triết-học Ai-Cập là Eratosthène đã phỏng đoán một cách đúng về chiều dài 1 độ đường kinh tuyến là 59,5 hải-lý — mà thật ra, đến đời nay, theo khoa học tính ra thì 60 hải lý. Như thế thì người đời xưa tính cũng không sai trật mấy.

Hơn nữa, có mấy ngọn Núi mà các nhà thám hiểm vừa mới tìm thấy vào hồi năm 1952 thì cũng đã có ghi cả trong bản đồ của Piri Reis họa từ năm 1513 trước đây 447 năm ! Không phải là chỉ ghi chép một cách mập mờ. Piri Reis có chưa rõ ràng cả cao độ (altitude) của những núi ấy nữa là khác !

Nói đến đất Groenland nhà thám hiểm chuyên môn về Nam-Bắc-Cực người Pháp Victor Paul-Emile ở thế kỷ XX này đã tới đất này kiểm soát kỹ càng rồi về viết báo và viết sách, cũng khá nhiều...

Xem đến bản đồ của Piri-Reis từ thế-kỷ XVI thì lạ thay y cũng đã có kìa chữ và ghi cả các chi tiết không khác Victor

Paul-Emile trong thế kỷ này.

Thế này thì cũng không có gì là kỳ quái, vì ta đã học thấy trước đây 40—50 thế kỷ, người Trung-hoa đã chế ra những địa bàn (boussoles) thô-sơ ; người Egypte sáng chế ra những cái nhật-quỹ (cadran solaire) để dõi theo nhật-động của mặt Trời mà làm lịch và cũng đã am hiểu một phần lớn về bản đồ những tinh-tú trên bầu trời ; người xứ Polynésie (gần Úc-châu) xưa kia

đã biết xem sao trên trời để nhận định phương hướng mà đi biển.

Biết đâu trước đây mấy chục thiên-niên-kỷ không có những nhà hàng hải còn văn minh nhiều hơn ta bây giờ nhưng tiếc rằng quãng thời gian kia khá lâu và dài đã xóa mờ lịch sử nên ta không thể biết được những người ấy là ai và ở nước nào vậy.

NGUYỄN TRIỆU



★ TỪ 10 TỚI 10

Bạn có biết vua Budonin của nước Bì hiện giờ, sinh năm 1930, bị quân Đức bắt bỏ tù năm 1940, lên ngôi vua năm 1950, và vừa mới cưới vợ, năm 1960 !

★ KHOE VỢ.

Hai người bạn xa cách nhau lâu ngày, vừa mới gặp lại ở Saigon. Xuân hỏi Thu :

— Thế nào, nghe nói cậu đã cưới vợ rồi. Vợ cậu ra sao ?

Thu :

— Vợ tôi là một nàng Tiên !

Xuân :

— Ô ! Nàng chết hồi nào mà đã thành Tiên ?



DŨNG bấm tay vào thành cửa sò, rồi nhẹ nhàng buông người xuống đất không gây một tiếng động. Anh đảo mắt nhìn quanh. Ngôi nhà nằm về phía ngoại ô, cách xa mặt đường và được bao kín bởi một bức tường đá khá cao. Lúc bấy giờ vào khoảng 2 giờ đêm, mọi vật đều chìm trong bóng tối. Vả lại nơi đây ít khi có người lai-vãng vào khoảng giờ này, nên Dũng cảm thấy hoàn - toàn yên tâm. Ngay khi vượt ngang vườn cỏ, Dũng cũng không ngờ là mình có thể bình-tĩnh như vậy.

Trước đây, Dũng đã phạm vào nhiều tội trọng, nhưng những ngày ấy đối với anh đã xa lắm rồi.

Mười năm sau này, từ ngày anh trở nên một nhà kim-hoàn có uy-tín ở tỉnh lỵ Bình - Dương, anh đã hoàn toàn tôn-trọng luật pháp. Cho đến lúc bàn tay anh bấu lấy mồm đá trên thành tường. Anh vẫn bình - tĩnh nghĩ đến những vật quý giá ở trong túi anh

CHIẾC GĂNG (THE GLOVE)

* R. U. Joyce

mà mới đây còn thuộc về Ông Thế-Tài là người hiện đang nằm gục trên vũng máu trong căn phòng anh vừa ra khỏi. Anh đã không có ý-định sát nhân, nhưng hoàn cảnh bắt anh không thể làm khác hơn.

Dũng cảm thấy đầu sao anh cũng chỉ là nạn nhân của hoàn cảnh. Những rắc rối xảy đến cho anh khi một người bạn quen lúc còn ở trong tù đã nhận ra anh. Rồi tiếp theo là những bức thư tố tụng tiền với đầy lời lẽ hăm dọa gởi đến tay anh. Công việc làm ăn của Dũng tuy có phát đạt nhưng sự đòi hỏi của kẻ tố tụng tiền càng ngày càng tăng quá khả

năng tài-chánh của anh.

Dũng cố-gắng tìm cách kiếm thêm tiền bằng cò bạc. Nhưng ý - định kiếm thêm tiền bằng những cuộc đồ đen càng làm anh kiệt quệ, và cuối cùng sự phá sản đã đến trước mắt anh. Gặp bước đường cùng, Dũng đành trở lại con đường cũ.

Dũng nghĩ đến Thế-Tài, một thâm-phán hồi hưu nổi tiếng là người thích sưu-tầm các vật cồng quý giá. Những vùng lân cận cũng thường đồn rằng Thế-Tài có nhiều vật cồng quý báu bằng vàng. Chính lúc đó, Dũng đang là nhà buôn những nữ-trang cũ để nấu lại thành vàng nén. Bởi thế, Dũng nghĩ rằng những kim vật đánh cắp được ở nhà Thế-Tài có thể phi tang một cách yên-ôn để đem đến cho anh một số tiền lớn. Việc đột nhập vào nhà Thế-Tài là một chuyện dễ dàng. Dũng đã biết phòng nào chứa bảo vật, và muốn đột nhập chỉ cần leo vài bước theo ống máng xối là đến khung cửa sò thường bỏ ngõ. Ở tỉnh này ít xảy ra những vụ mất cắp, nên người ta không đề-phòng kẻ trộm một cách cẩn mật. Khi vào được căn phòng chứa đầy bảo vật, Dũng nhặt đầy túi những vật bằng vàng, và nội đó cũng trị giá bằng một

gia-tài nhỏ.

Lúc Dũng đang sửa soạn ra về, bỗng nghe một tiếng thò mạnh phía đằng sau. Anh giật mình quay lại. Trước mặt anh cánh cửa buồng đã mở từ lúc nào, và ông Thế-Tài đang đứng ở đấy. « Dũng. — Đó là tiếng duy nhất mà Ông Thế-Tài đã thốt ra. Dũng đưa mắt liếc con dao dài, nhọn và sắc như nước, kiêu phượng đông mà anh đang cầm trong tay. Không kịp suy nghĩ, anh chồm tới đâm ngấp lưỡi dao vào ngực ông Thế-Tài. Thế là xong. Dũng kéo xác chết vào trong phòng, đóng cửa lại, kéo màn cửa xuống, xong anh tắt đèn và thoát ra lối cửa sò như khi anh vào.

Dũng không cảm thấy một chút hối hận nào. Anh nói thầm : « Ta không làm khác hơn được. Nó đã nhận ra ta, và ta phải hành động như vậy hoặc vào tù ». Dũng mỉm cười khi nhớ đến nét mặt đầy kinh ngạc của Thế-Tài. Dũng cũng không cần nghĩ đến rồi đây anh có gì để hối hận không ? Cái chết của Thế-Tài cần thiết cho đời sống yên ổn của anh, và ngoài anh ra ; không còn ai biết anh đã làm những việc ấy. Dũng thầm nghĩ : « Dầu sao, Thế-Tài cũng đã già và già lắm rồi ta cũng chỉ sống

thêm được vài năm. "

Dũng cảm thấy an tâm. Ai có thể nghĩ ngờ được một nhà kim hoàn đứng tuổi và có vẻ buồn chán sự đời như anh về tội sát nhân, trộm cắp? Hơn nữa, anh không để lại một dấu vết gì khả nghi. Anh không gặp ai trong lúc đến cũng như lúc về. Con đường nhỏ vắng vẻ và hoàn toàn mờ tối như lúc anh do cửa hông vào nhà. Anh sống độc thân trong nhà này. Hàng ngày, một thiếu phụ đến giúp việc cho anh, nhưng ngoài anh ra, không ai ngủ lại đây.

Giường ngủ của anh ở phía sau, nhưng trước khi bật đèn, anh cần thận buông tấm sáo xuống và kéo tấm màn dày che cửa sổ. Kể đó, anh cho tay vào túi và lôi ra một chiếc găng tay. Với một vẻ kinh ngạc, anh soát lại một lần nữa trong túi, nhưng anh vẫn không tìm thấy vật anh muốn tìm. Anh thọc tay vào những túi khác, lần mò giữa những vật bằng vàng chứa đầy trong túi. Anh không dám lôi những vật này ra ngoài. Không hiểu vì lẽ gì, anh cảm thấy sợ hãi mà không muốn nhìn những vật ấy. Anh định chỉ giốc những vật ấy ra khỏi túi khi nào anh đã sẵn sàng bỏ ngay những vật đó vào trong cái nôi nấu kim khí

trong một gian phòng nhỏ ở phía sau cửa hàng dưới nhà. Cuối cùng, anh thôi không lục lại trong túi nữa. Mặt trắng bệch ra với một vẻ sợ hãi khủng-khiếp.

Còn một chiếc găng tay nữa bị rơi mất. Dũng nhớ là lúc ở nhà Thế-Tài, anh còn thấy đôi găng trong túi, và anh đã lấy nó ra để trên bàn trước khi cho những vật đánh cắp được vào túi. Dũng nhớ một cách chắc chắn là anh đã bỏ cặp găng đó vào túi trước khi vội vã ra về. Thật là một việc tối nguy hiểm, vì ở đường viên của chiếc găng bị mất có theo tên và địa-chỉ của anh.

Nghĩ đến việc phải trở lại căn buồng chỗ Thế-Tài nằm yên không cử-động, Dũng cảm thấy sợ hãi, một thứ sợ hãi khủng khiếp và rùng rợn. Hình ảnh kẻ chết, mặt ngửa lên với cái nhìn kỳ quái vì kinh ngạc lại hiện ra trước mắt anh. Anh đứng giữa phòng, mặt nhợt nhạt và lăm lăm những giọt mồ-hôi. Đầu óc rối-loạn, không biết phải quyết-định ra sao.

« Không thể được... » — Anh lăm bầm — « Ta không thể... »

Nhưng rồi hình ảnh một chiếc máy chém hiện ra trước mắt Dũng, anh rùng mình, người lạnh toát

như lên cơn rét. Trong những ngày tù tội trước, anh đã sống trong những nỗi phập-phồng lo lắng, khủng khiếp về cái máy chém. Nỗi lo sợ cũ lại xâm chiếm anh mãnh liệt gấp trăm lần, anh càng cảm thấy hãi hùng lo sợ hơn bao giờ hết. Anh vội vã bước ra khỏi nhà, biến mình vào trong con đường tối tăm vắng vẻ. Cuộc hành trình giống như một cơn ác mộng. Trong trí tưởng tượng rối bời của anh, mỗi góc đường tối đều như thấp thoáng một bóng ma, và mỗi lần nhìn thấy một mảnh giấy sáo sạc tung bay giữa lối đi, anh bỗng bật ra những tiếng kêu khàn khàn vì lạc giọng. Những hình ảnh ấy hiện ra trước mắt anh như một thầy ma đang nằm trong vũng máu.

Khi đến được nhà ông Thế-Tài, mồ hôi Dũng toát ra như tắm, tứ chi bủn rủn, anh cố lấy bình tĩnh bám ống máng xối treo lên cửa sổ. Căn phòng vẫn tối đen như lúc anh ra đi, nhưng anh cũng nhận thấy một vật đen thẫm nằm dưới sàn nhà phía gần cửa cái. Dũng thấy cần phải có ánh sáng để tìm chiếc găng, nhưng chỗ bậc cửa lại gần cái xác. Cố thu hết can đảm,

Dũng kéo tấm màn, vượt cửa sổ vào trong và tiến về phía phòng kế bên. Chân anh bỗng vấp phải một vật mềm mềm; anh nhảy lui lại, thở hào hển, tim đập dữ dội. Dũng đưa bàn tay run rẩy ra tìm cái bật điện và sau cùng căn buồng tràn ngập ánh sáng.

Xác ông Thế-Tài nằm dưới chân Dũng. Anh muốn quay mặt nhìn chỗ khác, nhưng ở xác chết như toát ra một sức thôi miên kinh khủng thu hút cặp mắt anh phải nhìn ngay vào nó. Tuy cảm thấy hết sức ghê tởm, nhưng không hiểu nghĩ sao, anh cúi xuống cái xác, dơ tay ra nắm lấy chuỗi dao.

— Giơ tay lên, đồ sát nhân!

Dũng giật mình ngược nhìn lên về phía có tiếng hét. Sự bất ngờ làm thần kinh anh căng thẳng và anh cảm thấy như muốn ngất đi. Cánh cửa mở toang, người con trai ông Thế-Tài hiện ra với khẩu súng trong tay đang hướng về phía anh...

✱

Viên thanh-tra áp-giải Dũng về quận cảnh-sát là người thích trò chuyện; và trong một lúc cao hứng, anh đã tạm quên rằng đối với luật pháp, một vị cáo nhân

vấn vô tội cho đến khi nào Tòa
đủ chứng cứ để kết tội anh.
Nhưng trong trường-hợp này,
viện thanh-tra tự cho rằng tội của
Dũng đã quá rõ ràng, không còn
gì phải bàn cãi nữa.

Viên thanh tra cười bảo Dũng:

— Chúng tôi không thể nào ngờ một người như anh mà phạm tội sát nhân được. Nếu anh không bị bắt gặp ở trong phòng với cái xác và các vật đánh cắp trong túi anh, chúng tôi chẳng bao giờ nghĩ đến anh. Thật không may cho anh, anh đã không tẩu thoát kịp.

Dững im lặng không buồn đáp. Nhà Dững nằm trên đường đi đến quận cảnh sát, anh xin viên thanh tra cho phép anh tạt vào nhà lấy chiếc áo choàng vì lúc ấy



* Câu hỏi khó trả lời

Một Chú hề gánh xiếc, hỏi toàn thể khán giả :

— Ồ thưa quý Ngài, con voi và con muỗi có cái gì khác nhau ạ ?

Tôi đã hiểu lầm, giả trong rạp suy nghĩ mãi, không biết chú hề hỏi
meo gì đấy, nên không trả lời được. Thế rồi chú hề đáp :

— Trời ơi, dễ quá mà quý ngài không biết ! Con voi to hơn con muỗi !

gần về sáng, gió thổi lạnh buốt.

— Được, nhưng chúng tôi sẽ theo sát anh.

Nói xong, viên thanh-tra mở cửa phòng đi trước, Dũng vào nhà. Hai viên cảnh binh đi sau Dũng. Dũng đang ngâm ngùi nghĩ đến số phận không may của mình thì bỗng chân anh đạp phải vật gì nằm dưới sàn nhà. Dũng cúi xuống nhặt vật ấy lên, và anh bỗng cảm thấy có một cái gì kỳ lạ. Ngay lúc ấy, viên thanh-tra vịn đèn lên. Dũng nhìn vật đang cầm trong tay.

Đó là chiếc găng tay mà anh
trưởng đã bỏ quên trong phòng với
cái xác của ông Thế-Tài và
cũng chính vì chiếc găng này mà
anh phải trở lại nhà kho chủ đề
bị bắt...

ĐỖ-TRUNG-THỊNH dịch

MỐI TÌNH THƠ' MỘNG

của Thi-sĩ **LỤC - DU**

ĐỜI NHÀ TỐNG

★ **TẶNG-CHI**

TẠI Trung-Hoa, mỗi triều đại có một kẻ văn chương lừng danh đặc-biệt : thời Chiến-quốc, nước Sở có Tao-thê (Ly Tao của Khuất Nguyên); nhà Hán có Phú ; Biền văn rất thịnh trong khoảng Tề, Lương ; triều nhà Đường là hoàng-kim thời đại của Thơ ; nhà Tống nổi tiếng về Từ rồi đến Khúc rất phát-đạt ở Nguyên-Triều.

Riêng ở triều nhà Tống, tuy vẫn có câu «Tống chi từ» nhưng không phải dưới triều đại ấy không có người trứ danh về các thể văn chương khác.

Chỉ nói riêng về các vị mà
tiếng tăm tràn lan cả trong đại-

chúng, ta phải kể các đại-danh
Tô Đòng Pha, Chu Bang Ngạn
và Lục Phóng Ông, ba vị nổi tiếng
cả về Thơ lẫn Từ.

Trong số đó, có lẽ Lục Phóng Ông giàu tình cảm hơn hết, tình chân gối, tình non sông đều dồi dào, sâu đậm thách cả thời gian cả không gian : năm 86 tuổi, lúc sắp từ trần, mới tỉnh đối với phát-thế, đối với Tổ-quốc càng thêm nồng hậu.

Trộn tưởng tìm hiểu về đời
tình cảm của ông lão đa-linh ấy
cũng là một cái thú.

Lục Phóng Ông (1.125-1.210),
chính tên là Du, tự là Vực-Quan,
biệt-hiệu là Phóng Ông. n.ười
đất Sơn-Âm thuộc Châu-Việt,
Tiên-sinh thiên-tư mẫn-tuyệt, khỉ-

trượng hiên ngang, năm 12 tuổi, thơ văn đã thông thạo. Đã giàu tình cảm lại rất chăm xem sách và ra công trừ tác, nhân đó, sự nghiệp văn-chương có thể coi là vĩ-dại.

Ngoài bản « Thoa đầu phượng » lừng danh, đáng kể nhất là : 1) bộ Vị Nam văn tập 50 quyển và 2) bộ Kiếm Nam Thi cảo 85 quyển, tình cảm nhiệt liệt, tư-tưởng thuần-túy cho nên Tiên-sinh được suy-tôn là « Ái-quốc thi-nhân » và được đứng đầu « Nam Tống tứ đại gia ».

Là dòng dõi tấn thân, trước hết, Vụ Quan nhờ phụ-ấm được bổ làm Đẳng-sỹ lang. Sau, vua Tống Hiếu Tông đặc cách cho y được liệt vào hàng tiến-sỹ xuất thân, giữ chức Thông-phán châu Quý ở Tứ Xuyên.

Khi Phạm-thành-Đại làm soái tại Thục, Lục Du được tiến cử làm Tham-nghị quan. Vốn đã có tính-tình khoáng-đạt, đối với Phạm-Soái lại có giao tình về văn tự, Vụ Quan thường không chịu giữ lễ-phép, có người chê trách là « quá ư phóng dật », Tiên-sinh liền tự đặt biệt hiệu là Phóng Ông.

Từ thời Trung-tuế trở đi, phần sâu nổi nước, phần đau nổi nhà, Phóng Ông lại càng khích-ngang, cuồng phóng.

Trong gia-đình đã xảy ra tấn bi-kịch gì khiến cho con người đa-cảm ấy phải đau lòng sót

dạ ? — Khoảng năm 20 tuổi, Lục Vụ Quan vâng lệnh huyện đường (mất cha từ thuở còn thơ !) kết duyên với một nàng thực-nữ họ Đường, chính do bà thân-mẫu tự chọn lấy một người cháu gái rước về làm dâu.

Thật là một đôi giai ngẫu ! Vợ chồng tâm đầu ý hiệp, triu mến, quý trọng nhau, rõ-ràng là một cặp khả liên-trùng. Ai cũng nghĩ rằng đôi lứa ấy sẽ cùng nhau trăm năm đầu bạc. Ngờ đâu áo vẫn lành canh vẫn ngọt mà Lục mẫu lại ghét cay ghét đắng người con dâu đã do chính bà kén lấy ; bà cứ khăng-khăng một mực bắt con trai, phải bỏ vợ.

Đau khổ thay ! ái-ân tuy rất sâu đậm nhưng lệnh của mẹ không thể không theo ! Vụ Quan đành phải ruột sầu cắt ái. Tuy xa cách nhau, hai vợ chồng vẫn yêu mến nhau thêm thắm thiết. Lục Du phải lên dựng một ngôi nhà nhỏ nhỏ xinh xinh để tàng-trữ người yêu.

Cũng tưởng :

*Một cặp uyên-ương, một túp lều
Trăm năm hòa điệu, ử tình yêu*

Nào ngờ :

*Tình yêu ai nữ đang tay đứt
Ngưu-Chức đôi bờ sống tịch liêu.*

Cuộc chung sống vụng trộm ấy, cả hai người đều hết sức giữ cho kín-đáo ; thế mà chẳng bao lâu, Lục Thái Thái cũng dò biết được. Tam bành của bà mẹ

chồng quái ác nổi lên ! Đường-thị bị một phen sỉ-nhục đến điều, Lục Du cũng bị quở mắng thậm tệ.

Muối tròn chữ hiếu, Vụ Quan phải nuốt nước mắt cưới một người vợ khác. Than ôi ! đôi vợ chồng cùng nhau tình cảm nặng đầy như thế mà phải chịu cảnh uyên chia thủy rẽ !

Đường-thị đã rập tâm ở vậy nhưng cha mẹ để và cô bác đều tức-giận về cách đối-xử của Lục Thái Thái, nay khuyên dỗ mai thúc-bác nàng cho nên, một năm sau, nàng đành phải gả nghĩa trăm năm với một người đồng-quận, người chồng mới của nàng là Triệu-sỹ-Trinh, ở trong Tôn-thất nhà Tống, vốn là một trang phong-lưu, tuấn-nhã.

Triệu-lang đối với Đường-thị ân-ái cũng rất nồng-nàn chẳng kém gì họ Lục nhưng, tuy âu duyên mới, nàng vẫn quyến-luyến tình xưa. Đối lại, Lục-Du ăn ở với người vợ mới chẳng qua chỉ vì bổn-phận như tấm lòng yêu thương người vợ trước lại vì cảnh-ngộ mà thêm phần nồng-nhiệt.

Họ Đường đi lấy chồng khác được một năm rồi. Một hôm, đương tiết trọng xuân tươi đẹp, trăm hoa đua nở, chim ca bướm nhón, Triệu-sỹ-Trinh cùng vợ đi hành-hương tại chùa Vũ Tích

thuộc đất Thiệu-Hưng.

Ngẫu-nhiên, Lục Du cũng đương nhàn-tản đi chơi trong vùng ấy, thành ra, không hẹn mà nên, Đường thị bất thành-linh được gặp người cũ ; bất-giác, tình xưa bỗng-bột nổi dậy. Nàng tỏ-rõ nỗi lòng với họ Triệu.

Vốn tính hào-mại, Triệu-lang vui-vẻ sai gia-đồng đến mời họ Lục. Tuy mới nhất kiến, hai người cùng nhau truyện trò thật là tương-đắc. Sỹ Trinh lại gọi vợ ra hội-kiến với Lục Du và mời Lục Du cùng nống rượu trong vườn nhà họ Trầm ở phía Nam chùa Vũ Tích.

Hai chồng một vợ cùng nhau chén tạc chén thù, cảm-tình hăm mỗi người một khác. Ai cũng ngợi khen Sỹ Trinh đã có cái hành-vi rất quân-tử. Còn hai người, tình xưa nghĩa cũ thì bao nhiêu mừng, vui, tiếc, hận, khó nói nên lời. Nhưng Vụ Quan xúc-động quá nhiều, cảm lòng không đậu, chàng cất bút đề ngay trên vách nhà họ Trầm bài từ « Thoa đầu phượng », một tác-phẩm văn-chương được truyền tụng hết đời này qua đời khác.

Năm ấy là năm Ất Hợi, niên hiệu Thiệu Hưng thứ 25 đời Tống Cao Tông, Lục Du 27 tuổi.

May được Sỹ Trinh là cao nghĩa, Vụ-Quan được hợp mặt với người vợ cũ, y được thỏa

đạ nhưng cũng rất khổ tâm. Y thấy mối tình đối với người vợ cũ càng nên xuống nó càng bốc lên ; y sợ rằng nếu cứ ở gần nhau mà vạn nhất có điều bất chính xảy ra thì « yêu nhau chẳng bỏ bằng mười phụ nhau ». Y bèn tự nhủ : « thôi đành tạm dứt tình thương, Gạt sầu, quyết chi lên đường lãng du. »

Túi thơ bầu rượu đề-huê, Vụ Quan cư thông-thả vừa đi vừa ngắm nghĩa non sông, xét xem phong-tục các vùng đã được Tiên-sinh để lại dấu giày vết ngựa.

Năm Mậu Dần, niên hiệu Thiệu Hưng thứ 28, Tiên-sinh giữ chức Chủ bạ huyện Ninh Đức. Nhưng một chức quan vi mật ấy sao có giàng buộc nổi con người khoáng-dạt. Thật vậy, chưa đầy hai năm, Tiên sinh đã xin từ chức, cho rộng thi giờ ngao du sơn thủy ; khắp hai tỉnh Chiết-Giang, Sơn Đông, chỗ nào cũng được nhà thơ lịch-lãm.

Năm Thiệu Hưng thứ 32, Tông Cao Tông nhường ngôi cho Thái-tử. Tự quân là Hiếu Tông rất yêu quý tài cao của họ Lục, đặc cách cho là Tấn-sỹ, thụ chức Biên Tu quan tại Khu Mật viện và, hai năm sau, cải nhiệm làm Thông Phán quân sự tại phủ Long Hưng. Giữ chức mới này được một năm thì lòng quê bỗng bật nổi lên. Tiên-sinh lại nghĩ rằng tuế-

nguyệt có thể làm nhạt phai được mọi kỷ-ức, thì câu chuyện tình cũ duyên xưa tất cũng không ám-ảnh quá mãnh-liệt như mấy năm qua.

Nào ngờ về nơi cố lý chưa được mấy ngày, mớ lửa tình xưa lại ngùn-ngụt bốc lên nấu đốt gan lòng khách đa cảm, đốt nung quá nóng đến mực Tiên sinh không sao nán ở lại ngôi nhà đã chứng kiến lễ nghênh-hôn và trong đó chỗ nào vật nào cũng như nhắc nhở dấu vết yêu quý của ý trung nhân Đường-thị.

Tiên-sinh phải đến cư trú trong một ngôi nhà xinh nhỏ ở chân giấy núi Tam Sơn bên cạnh Kính Hồ (hồ gương) ; túp lều duyên dáng ấy được tao ông mệnh danh là Tam sơn Thụ trai.

Tuy Tiên-sinh đã cần-thận đến thế, nhưng nỗi nhớ niềm thương vẫn cứ bùng nổi dậy, không mấy lúc không thấy tâm thần hoảng hốt.

Miền cường sống ở quê nhà được ba năm, Tiên-sinh lại phải rời quê lánh nạn. Đến kinh thành Lâm An làm quan được ít lâu, Tiên-sinh vẫn thấy ruột nóng thịt rung, cho nên lại phải xin đi thật xa, sang tận Từ-Xuyên giữ chức Thông Phán phủ Quý-châu.

Tại đây, cách sinh hoạt của Phóng Ông lại thấy chuyển biến rất nhiều. Tiên-sinh sơ cuồng, phóng - đỉnh, ngày ngày chỉ mượn rượu tiêu sầu. Cuộc tình duyên thời trai trẻ lại thấy phục sinh nồng thắm như trong tuần trăng mật. Đêm đêm chần chọc thâu canh, mỗi khi mệt quá thiếp đi là hình dáng yêu diệu của người xưa lại ra trong giấc mộng. 1 hậm chí Tiên-sinh không dám sống cô độc, ngày thì cùng bạn chơi non chơi nước, đêm thì cùng bạn uống rượu ngâm thơ.

Ác tà thổ lặn, niên hiệu Thuần Hy thứ 16, mái tóc đã nhuộm màu sương, Tiên sinh lại rời gót trở lại phía Đông.

Khi về đến cố-hương, Phóng Ông phải tiếp-nhận một tin vô cùng bi-đặt : người vợ cũ họ Đường đã thệ-thệ từ năm Thiệu-Hy thứ 2. Mặc dầu năm ấy Tiên sinh đã 66 tuổi, trái tim sẵn sào, trán má dần-deo, khi nghe thấy cái tin sét đánh ấy, ông lão đa tình ấy cũng thấy mình như gan bào ruột xé. Bao nhiêu kỷ-niệm thân quý của mối tình đầu cứ lần lượt xuất-hiện, kích-thích tâm-não tiên-sinh rất mãnh-liệt. Thời thường, Tiên-sinh vẫn đi bộ đến chùa Vũ-Tích nhìn ngắm lại cái chỗ đã được cùng Đường-thị tái-hội trong vườn nhà họ

Trầm : buồn, đau, tiếc nhớ lớp lớp sóng cồn, trào tình dào-dạt, Phóng Ông đã tùy hứng viết ngay lên vách một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt vô hạn bi ai :

Thành thượng dương tà họa giốc
ai

Trầm viên vô phục cựu tri dật
Thương tâm kiều thượng xuân ba
lục

Tằng thị loan-hồng chiếu ảnh lại
nghĩa là :

Bóng xế, thành cao tiếng ốc
sầu

Vườn Trầm ao cũ bám rêu đầu !
Trên cầu buồn thấy sóng xuân
biếc

Bao độ loan hồng đối bóng nhau.

Tiên sinh ở quê nhà sống vất-vưởng với sầu thượng như thế đến 8 năm trường, sau lại rời quê đi làm quan vài năm nữa. Số tuổi càng thêm cao, thành sầu cũng thêm cao, cụ bộ đa cảm họ Lục bèn dà g sớ cáo lão xin trở về nơi cố-ly.

Nhân một ngày thu âm đạm, gió vàng hiu-hắt, lá vàng xào-xạt, Lục-công lại đến vườn nhà họ Trầm ngắm lại cái nơi yêu quý đã được cùng nàng Đường thị chước chén tương-phùng rồi lại đến thăm mộ nàng, bao nỗi ai-hoài lại được diễn tả trong một bài thất tuyệt với mấy lời tiêu tự : « Cảnh chùa Vũ Tích, có cái

vườn nhỏ nhà họ Trầm; bốn mươi năm trước, ta đã đề thơ trên vách; nay, ngẫu nhiên, ta lại đến thăm vườn, vườn đã ba lần đổi chủ, lòng ta buồn rầu biết mấy»

Phong diệp sơ đồng, giải diệp
hoàng

Hà dương sầu mẩn khước tân
sương;

Lâm đình cựu cảm không hồi thủ;
Tuyền-lộ bằng thủy thuyết đoạn

trường!

Dịch nghĩa:

Lá đỏ cây phong, lá giải vàng,

Hà-dương tóc héo mới pha sương;

Lâm-dình cảm cũ đau đau nhĩ,

Chín suối thương ai những đoạn
trường.

Bốn chục năm cách biệt mà tấm lòng quyến luyến vợ trước không hề phai nhạt một chút nào.

Những khi ngày dài đêm vắng, Phóng Ông tiếc nhớ tình xưa cho nên năm 81 tuổi, da mồi tóc bạc mà một đêm xuân cũng nằm mơ thấy được cùng Đường thị gặp gỡ tại Trầm-viên.

Cảnh huống ấy của Vụ Quan thật đúng như thi sỹ Trần kế Xương đã nói:

« Tỉnh ra lại tiếc người trong
mộng.

Mộng thể thì bằng tỉnh mấy
mươi »

Trong giấc chiêm - bao được hội kiến với họ Đường thị vui thỏa đến đâu; thế mà khi tỉnh

ra, nào có gì đâu, duy chỉ thấy lòng sầu dạ não! Tơ sầu chỉ não, cụ lão chung tình lại đem dệt thành mấy câu thơ tuyệt diệu:

Thành nam tiểu mạch hữu phùng
xuân.

Chỉ kiến mai hoa bất kiến nhân.

Ngọc cốt từng trần tuyền hạ thổ.

Mặc ngân do tỏa bích gian trần!

Nghĩa là:

Hèm phía nam thành lại gặp
xuân.

Thấy mai, chẳng thấy ý trung nhân

Suối vàng, người ngọc xương
thành đất

Trên vách lời thơ, bụi phủ dần.

Ấy đấy, về tình chăn gối, Phóng Ông đã bị đau khổ như thế; vận số của Tồ-quốc Tiên-sinh cũng làm cho Tiên-sinh đau sót vô cùng.

Thuở ấy, nước Kim đang kéo hùng-binh xâm lược nước Trung-Hoa.

Vốn là một kẻ sỹ khích-ngang, khảng-khải, Vụ Quan vẫn ôm ấp cái hùng-khí khu-trục Hồ-lô, khôi phục sơn-hà thậm chí trong giấc mơ cũng thấy mình hùng-dũng cầm quân đi giết giặc hạ thành:

Tam canh phủ trâm hốt đại khiêu:

Mộng trung đoạt đắc Tùng lăng
quan.

Dịch nghĩa:

Nửa đêm vỗ gối, ta hô lớn:

Trong mơ hạ dứt cửa Tùng Lăng.

Phóng Ông theo triều đình nhà Tống chạy xuống Giang-Nam; xuân về, ngóng lên phía Bắc, mù khói mịt-mùng, không làm sao đuổi trừ được giặc dữ, uất-kết đầy lòng, bèn thốt ra lời thơ:

Tảo tuế na tri thế-sự nan!

Trung-nguyên Bắc-vọng khí như
san!

Đại ý là:

Năm sớm, việc đời càng thấy khó,
Ừn-ừn núi khói phủ Trung-Nguyên

Mấy câu thơ trên cũng đủ chứng tỏ rằng lòng yêu nước của Tiên sinh thật là sâu đậm, lúc nào cũng mong đất nước thoát khỏi cái ách xâm-lăng.

Niên-hiệu Khai-Hy thứ 2, Phóng Ông 83 tuổi, được phong tước Vị Nam bá, năm 86 tuổi thì tạ thế. Cho đến lúc sắp sửa từ-trần, điều ước-nguyện bách thiết nhất của Tiên sinh vẫn là « Nước nhà khôi phục. »

Khi hấp-hối, Tiên sinh đã khẩu chiếm mấy vần thơ tuyệt mệnh như sau:

Từ khứ nguyên tri vạn sự không
Đãn sâu bất kiến Cửu-châu đồng!

Vương sư bắc định Trung nguyên
nhật,

Gia tể vô vong cáo nãi ông!

Nghĩa là:

Chết đi vẫn biết mọi đều không
(thầy đều không)

Hận chưa nhìn thấu cả núi sông.

Bắc tiến bao giờ ta đắc thắng,
Cháu con lẽ nhớ khấn cha ông.

Bốn câu thơ trở lại con cháu ấy chứa đựng bao nhiêu tình cảm; ngày nay chúng ta càng ngẫm tụng càng thêm quý phục Phóng Ông và càng nhận thấy rằng tấm lòng trung thành yêu nước thường cùng tăng thêm với tuổi thọ.

Chúng ta sinh sau Phóng Ông đến gần 800 năm, nay đọc thơ của Tiên sinh, tìm hiểu được một phần tâm trạng đau-sót của Tiên sinh, ta cũng thấy đau sót thay cho một kẻ sỹ thật dạ yêu nước thương nòi; trong lòng sẵn có mười vạn tinh binh (ung trung thập vạn binh) nhưng thời cơ ngang trái, đành phải ôm hận xuống tuyền đài.

Phóng Ông vốn đa tình đa cảm lại gặp phải cảnh nước vỡ nhà tan, tấm lòng khảng khái càng thêm nồng nhiệt mà cả thơ lẫn từ, mỗi lời là một hạt châu, mỗi câu là một giọt máu, nhiều bài rất hùng tráng mà bi ai cấu tạo thành một áng huyết lệ văn chương cho nên đương thời và hậu thế đều suy tôn Tiên-sinh là « Ái quốc thi nhân ». Ta lại tán phục con người thủy chung duy nhất, đối với phát thế cũng như đối với Tồ quốc, tấm lòng yêu quý càng thêm thâm thiết với tuổi già.

to nhất trong Lịch-sử

N G À Y
chủ-nhật

1-4-1945, ngày
lễ Phục-sinh,
ngày cầu-
nguyện và hy-
vọng của thế-
giới trong
chiến-tranh, là

một ngày nắng đẹp trong biển
TRUNG-HOA, Đại-dương yên-
ng, khí trời mát-mẽ, bờ biển
hiểm-trở của Okinawa cất hình
rõ-rệt lên nền trời xanh thẳm.

ĐÁNH HẢI ĐẢO OKINAWA

✱ HOÀNG-NHÂN

Một thủy-đội khổng-lô tiến dẫn
vào hải-phận Nhật-bổn gồm: gần
40 hàng-không mẫu-hạm, 18



TRẬN ĐÁNH HẢI ĐẢO OKINAWA

thiết-giúp hạm, 200 khu-trục
hạm, hàng trăm tàu vận-tải, tuần-
dương hạm, tiếp-tế hạm, trục-
lôi hạm, pháo hạm, v. v. gần
1321 chiến thuyền chở binh-sĩ,
số quân có đến 183.000 người.

Đó là cuộc hành-quân Băng-
son (Opération Iceberg) — để
chiếm cứ đảo Okinawa. Đại
Task Force 58 là một đội quân
có tiếng nhất trong những cuộc
đột-kích vào địch quân, đã chuẩn
bị sẵn sàng, đặt dưới quyền chỉ-
huy của Thủy Sư Đô-Đốc
« Pete » Mitscher. Một hạm-đội
hàng-không mẫu-hạm của Anh
hạm-đội Home Fleet, lần đầu-tiên
dự-chiến tại Thái-Bình-Dương,
bắn phá gắt gao vào phi-trường
của Nhật-Bổn. Ngoài khơi « Bãi
Xanh » (Plage Bleue) « Bãi Đỏ »
(Plage Rouge) những tàu vận-tải,
chiến thuyền, đưa lên đất liền
những đơn-vị tấn-công Thủy.
Bộ binh với một sự dễ-dàng
không thể tưởng-tượng.

Ngoài xa những khẩu đại-
bác đặt trên những tuần dương
hạm thì nhau nhả đạn — đại-bác
của Hoa-Kỳ. Trên không, phi-
cơ bay lượn, đâm bổ xuống và
oanh-tạc — cũng phi-cơ của
Hoa-kỳ.

Địch quân yên-lặng một cách
kỳ lạ. Mọi pháo-binh của 7è D.

I. đưa tay lau mồ-hôi chảy như-
nhai ở trán, sau khi vượt lên
một trong những mũi nhọn của
Okinawa và nói:

— Tôi đã sống từ lâu mà tôi
không thể tin nó được.

Okinawa là một quần đảo của
Cửu-châu, bị viền tua bởi những
đá hàn có san-hô, dài gần 100km
rộng từ 3 đến 30km, giống như
một con thằn-lằn. Phần hẹp nhất,
ở 1/3 chiều dài kể từ miền Nam,
tách miền Bắc — miền núi —
thực-vật dày đặc — miền Nam
— những dốc lồi-lồi. Trong ấy,
người Nhật Bản giằng bịch chống
giữ, giữa những ngòi mộ cổ-
kinh, những cánh đồng mía,
khoai tây, lúa, đậu nành, bằng
cách dùng những hang sâu trong
những gò đá vôi.

Thế trận cho hay rằng không
thể nào thắng mặt giao-phong
với những phòng-tuyến ở nội-
quốc nước Nhật, cho nên sau trận
đánh ở Iwoshima quân Hoa-kỳ
liên khởi thể tấn-công mạnh vào
Okinawa.

Theo kế-hoạch của Đại-
Tướng Mac Arthur thì Okinawa
sẽ là một bàn-đập để tập
trung lực-lượng và xua quân đi
đánh Nhật. Nhưng sau này có

2 trái bom nguyên-tử quân Nhật phải đầu hàng vì thế hải-đảo Okinawa không phải dùng đến. Cuộc đổ bộ này là một kết quả đương - nhiên của chiến - lược Hoa-kỳ trong Thái-bình-Dương. Từ đảo này họ hy-vọng, 780 oanh tạc cơ trung-bình và cộng thêm những phi-cơ phóng pháo B 29, hành quân quần đảo Mariannes, Okinawa còn phải dùng làm một căn-cứ cho cuộc hành quân « Olympic », cuộc đổ bộ lên đảo Cửu-châu, cách đó 350 dặm mà họ định vào ngày 1-11 năm ấy. Người ta nhận thấy rằng cuộc chinh phục hải-đảo Okinawa không cần thiết cho cuộc chiến thắng sau này, mặc dù, sau 2 tháng của cuộc chinh-phục đảo này, địch-quân quyết định đầu hàng. Nhưng ở thời-kỳ đó người ta tin rằng Nhật quân có thể chiến-đấu từ 1 năm hay 18 tháng nữa. Đối với Nhật, nếu trận đánh ở Okinawa bất lợi thì chắc chắn quân Nhật không còn cơ thắng trận cuối cùng nữa; ngược lại nếu đánh bại được quân-đội Hoa-kỳ ra khỏi hải-đảo thì Nhật có hy-vọng chiến thắng. Nhưng những hy-vọng cuối cùng của những nhà quân-

sự đã chết từ đây. Người ta thấy rằng cuộc hành quân không quá 1 tháng và người ta ước-định lực-lượng địch quân có từ 55.000 đến 65.000 người đặt ra 198 bộ phận to.

Người ta cũng cảm thấy không vui gì ở phương diện này. Gần 110.000 người Nhật bị chết, 7400 đầu hàng: sự hao tổn của Hoa-kỳ lên đến 26.000 người. Bộ chỉ-huy Nhật-bốn quyết giữ Okinawa và dùng một phần lớn không quân và thủy-quân để hủy-diệt thủy-đội Hoa-kỳ. Sự tiêu-hủy này là một mục phiêu chính. Để làm công việc ấy cho xong họ tin cậy vào « Đội tấn công đặc biệt », đội Thần-phong mà những phi-công là những cảm-tử-quân. Những chiến-hạm Hoa-kỳ là những tiên-vị của sự kinh khủng mà họ phải chế-ngự.

Ngày 3-3, chiếc thiết-giáp hạm Indianapolis treo cờ Đô-Đốc R. A. Spruance bị bắn ở hông trái; chiếc Adams cũng bị thương; chiếc Le Murray bị chạm thủy-lôi, chiếc Skylark bị nổ tung bởi một quả mìn.

Ngày 3-4, ở Kerama Rhetto, tàu bắt đầu xao động. Ngày 6 là ngày quang-đăng, với ngọn gió

thoảng khá mát. Ở trên đất, một trận chiến dữ-đội, một trận chiến đấu đầu-tiên kinh-khủng để phá hủy phòng-tuyến Shuri.

Ở Tây nam có 17 hàng-không mẫu-hạm hộ-tống, phi-cơ tựa vào sự hoạt-động của bộ binh và tạo những đội tuần-tiểu bảo-vệ cho chiến-thuyền. Những thiết giáp hạm và tuần dương hạm oanh-tạc vị-trí địch-quân. Ở bãi những tàu đổ-bộ và vận-tải « nhả ra » một làn sóng người và dụng-cụ lên đảo. Từ 13 giờ đến 18 giờ của ngày đen tối này, 182 phi-cơ Nhật đến Tiểu-khu Okinawa và xuất trận, 22 lần tấn công đối thủ.

Họ ném bom hay thả thủy-lôi hoặc hơn nữa họ lái bay bỏ vào một chiếc hạm Hoa-Kỳ; nhiều chiếc tuần dương hạm khu trục hạm là nạn-nhân.

Chiếc Rodman và Emmons là 2 khu-trục hạm, chạy với vận-tốc 8 gút (nœuds) ở bề-yên-lặng, lúc xế chiều. Thủy-thủ đoàn lên phòng chiến, nhưng radar không báo hiệu sự hiện-diện của địch-quân. Nhưng tức khắc, vào khoảng 15 giờ 30, 3 phi-cơ hiện ra thành-linh trên mây và khởi sự tấn-công liên-tiếp. Một trong

2 bị tan vỡ ở mạn hông bên trái, chiếc Rodman, trong một bể lửa, mặc dù một cây nước tung lên vì một trái bom nổ gần đó.

Chiếc Rodman bị hư và đoàn thủy-thủ quyết chiến-đấu để cứu nó. Tàu bị thủng, nước vào ở boong tàu. Để cho được nhẹ nhàng họ liệng xuống bể thuốc súng vì nó có thể cháy được. Vào lúc 16 giờ cơn hỏa-hoạn đã được dập tắt, nhưng Nhật quân đến khắp hướng, những thanh-niên đầy ước vọng chết cho Thiên-hoàng mà muốn trả nợ ấy là lái Thần phong đâm qua đâm lại trên không trung với chiếc phi-cơ phát hỏa như những vì sao băng. Nhiều chiếc bị đội tuần-tiểu hạ; một chiếc thần-phong nhào xuống định làm nổ chiếc tàu ra làm hai mảnh; một chiếc khác đâm bổ xuống phòng của viên Thuyền trưởng. Họ phải dời phòng Thuyền trưởng lại sau lái. Nhiều người nhảy xuống biển, 58 người ở lại trên mạn thuyền, còn bao nhiêu xuống tàu cứu-cấp. Khi màn đêm buông xuống ngọn lửa đã dập tắt, chiếc thuyền từ từ tiến với vận tốc 6 gút.

Ngày 7-4 hồi 3 giờ 25 nó tiến

vào Kerama Rhetto, và được cứu cấp ngay. Chiếc Emmon không có được dịp may ấy; nó bị đắm một lúc với 2 chiếc khu trục hạm khác, chiếc L. S. T. cháy từ đầu đến cuối, chiếc Logan Victory, một chiếc tàu vận tải đạn được bị nổ tung trong bể lửa như pháo bông sau khi đụng với 2 chiếc Thần phong, 9 khu trục-hạm hộ-tống đều bị hư hao khá nặng. Những lỗ trống được lấp ngay, Nhật quân tổn-thất nặng-nề: gần 400 phi-cơ trong ngày 6-4 và sáng ngày 7. Trong số ấy 300 chiếc rơi ở tiền-đồn. Ngày 7 là ngày tan vỡ của chiếc tàu chiến lớn nhất của thế-giới. Thiết giáp hạm Yamato chạy về hướng Okinawa với một chiếc tuần-dương hạm và 8 chiếc khu-trục-hạm, trong một sự cố-gắng cuối-cùng, anh-hùng và vô hy-vọng để tẩy-trừ kẻ xâm-lăng. Ở trên đất Thủy-quân quét sạch miền bắc của đảo không gặp phải một sự chống đối nào, nhưng ở miền Nam pháo-binh vấp phải «bức tường sắt». Ngày 11 và 12, một số đồng những phi-cơ của đội Thần-phong xuất-hiện thỉnh-linh trên mây. Họ tập-trung vây quanh đội Task Force 58, cách đảo độ 5 dặm. Chiếc

Entreprise — hàng-không-mẫu-hạm lão — luyện trong trận chiến Thái Bình Dương và làm cho Nhật cũng tổn-thất khá nặng-nề. Chiếc Essex cũng bị tổn-hại như nhiều hộ-tống hạm khác. Cuộc tấn công mãnh liệt vào ngày 12, ngày mà Tổng Thống Roosevelt chết. Ở Okinawa, tin ấy loan truyền rất nhanh chóng, nhưng mà họ đâu có thì giờ mà cầu-nguyện, nhiều người chết trong ngày ấy cũng như Tổng Thống của họ. Vào lúc xế chiều, 175 chiếc phi-cơ địch đến mặt trận, theo 17 cuộc tấn công khác nhau. Nó được «tiếp rước» bởi những đội tuần-tiểu chiến đấu, hoặc những khẩu đại-bác của thủy-dội mạnh nhất trong lịch sử, nhưng nó làm tổn-thương khá nặng-nề các tiền-đồn. Hồi 18 giờ 58, chiếc Cassin Young hạ được 4 oanh-tạc cơ nhưng rước lấy một thần-phong ở trước mũi, gần buồng máy, 1 người chết, 54 người bị thương. Hồi 14 giờ chiếc Jeffers bị hư khá nặng bởi một chiếc phi-cơ nổ gần nó; khu trục hạm M.L. Abele bị chìm: 6 người chết, 34 người bị thương, 74 người mất tích. Thiết-giáp-hạm Tennessee bị trúng đạn;

chiếc New Mexico rước lấy một tạc-dạn của địch, từ trên đất liền. Giữa khoảng ấy, trước phòng tuyến Shuri, Nhật quân đưa ra những truyền đơn «Chúng tôi bày tỏ với các anh tất cả những lời chia buồn của chúng tôi về cái chết của Tổng Thống Roosevelt, cái chết này bất-túc cho cái «bi kịch của Hoa-kỳ» mà nó vừa diễn ra tại đây. Okinawa. Bạn đã thấy bạn đã bị mất gần 70% hàng-không-mẫu-hạm; 73% thiết-giáp-hạm gần 150 000 người chết hay bị thương. Chúng quanh cái đảo nhỏ này gồm có một thủy-dội Hoa-kỳ to nhất, gồm gần 500 đơn-vị. Chắc bạn đã thấy những con thần lân đứt đuôi, một ngày kia bạn sẽ như thế. Chúng tôi không muốn một giọt máu còn chảy ở đây nữa.»

Ngày 17 cũng là ngày bi-thảm nữa, chiếc hàng-không-mẫu-hạm Intrépid bị trúng đạn, chiếc khu trục hạm bị đắm. Spruance báo ngay cho Nimitz «Sự khéo-léo và cố gắng của những phi-cơ cảm-tử, cứ như thế họ sẽ tiêu-hủy hết những chuyển thuyền của ta, giờ ta phải thử dùng mọi biện-pháp có thể được. Tôi khuyên nên gửi tất cả lực-lượng không-quân sẵn sàng ứng chiến

kể cả Không-dội XX ở trên phi trường Cửu-châu và Đài-Loan.

Những phi-trường này bị dội bom và hỏa-tiến khí nhiều, nhưng «đội quân tấn công đặc-biệt» ở rải rác và cải trang một cách khéo léo. Phòng tuyến Shuri không còn nghi đến nữa. Thủy-dội chuẩn-bị một cuộc tấn công. Vào cuối tháng, 20 đơn-vị họ bị đánh đắm, 157 bị hư hại, mà 90 chiếc, bị phi-cơ cảm-tử phá hủy. Trận chiến đấu kinh-khủng kéo dài gần hai tháng, lúc bấy giờ cơn đen tối đã qua cho những chiến thuyền mà những sự thất bại không làm cho họ ngao ngán. Còi báo động liên-tiếp trong 40 ngày và đêm — chỉ được nghỉ khi trời xấu. Sĩ-quan và thủy-thủ bị rối loạn tinh thần, và mất sức-khoẻ. Một câu chuyện khôi hài khá tức-cười, trên một pháo-hạm thủy-thủ để một tấm ván và kẻ «Phi-công Nhật — Đội Task Force 58 ở đây».

Trên đất liền, binh-sĩ tiến từ trước một ở phòng-tuyến Shuri, nhưng sự phòng thủ của Nhật quân vẫn toàn vẹn. Ngày 22-5 Đô-Đốc chỉ huy Đệ Tam thủy-dội báo rằng thủy-quân không khi nào không gặp một giàn trọng pháo.

Cuối tháng 5, mưa rào bắt đầu rơi xuống đảo. Bùn ngự-trị cả, đạn được được chuyên chở bằng những xe cam-nhông của thủy-quân. Trên biển trận chiến tiếp diễn. Nhiều tiềm-thủy-dĩnh cùng chiến-thuyền cảm-tử hiệp cùng Phi-đội Thần - Phong oanh-tạc thủy-đội Hoa-kỳ. Quân Nhật còn oanh-tạc phi-trường Yontan và Kadena, rồi 5 chiếc phi-cơ đổ bộ ngay. Nhưng 4 chiếc bị hạ, chiếc thứ 5 xuống được tại trọng-tâm. Mười người lính hiện ra, trước khi họ chết, họ phá hủy 7 chiếc phi-cơ làm hư 26 chiếc, đốt 250.000 lít xăng.

Ngày 27 đội Thần-Phong lại thành từng đoàn như đoàn ong, 115 chiếc bị hạ trong ngày ấy. Khu-trục-hạm Drexler chìm, nhiều chiếc khác bị trúng đạn. Cũng ngày hôm ấy vào khoảng nửa đêm, Đô-Đốc Spruance và Mitscher trao quyền chỉ-huy lại cho "Wild Bull", Halsey và Sidney John McCain. Cuối tháng 5, 50.000 quân Nhật bị chết dưới những mảnh vụn của phòng-tuyến Tướng Mitsuru Ushijima rút quân lại miền Nam để đánh trận cuối cùng. Lá cờ Hoa-kỳ bay phất phới trên lâu đài Shuri, lâu đài này của một

vì vua cắt, rất cổ-kính, tường kiên - cố dày đến 6m. Trong những mảnh vụn đổ nát. Thủy quân đảo được 2 cái chuông cổ khác hàng chữ Tàu : « Làm thế nào đổ chuông. Nó đánh thức những người ở xa cũng như một tiếng gầm, nhưng với một sự trong sạch và hoàn-toàn trong sạch. »

Ở đầu cũng có mùi thịt thối. Ngày 3-6, 75 chiếc Thần Phong lại tấn công nữa, ngày sau thiên nhiên giúp sức với hành-động phá hoại của họ. Một trận bão nổi lên, nhưng lượng sóng khổng-lồ « mang đi » cái mũi của chiếc khu-trục-hạm Pittsburgh làm tổn hư chiếc hàng không mẫu hạm Hornet và nhiều chiến thuyền khác nữa. Ngày 5, nhiều phi-cơ cảm tử nổ tan trên chiếc Mississippi và Louisville. Ngày 6, nhiều trận tấn công mới ở miền Bắc. Địch quân, họ bán đất sinh mạng của họ. Tướng Simon Boliver Buckner Tư-lệnh Đệ thập Lộ-quân Hoa-kỳ bị tử thương trong một cuộc đi thị-sát Thủy-quân vào ngày 18. Ngày 21, Tướng Ushijima, Tư Lệnh Sư - Đoàn 32 của Nhật. Hoàng, Tướng Isamu Tyo, Tham-Mưu-Trưởng tự-sát. Biển

cổ điển tả cho chúng ta biết bởi những dòng chữ trong một từ-thị.

— Đầu bếp của 2 vị Tướng Lãnh sửa soạn một bữa cơm thịnh-soạn vào nửa đêm. Sau khi ăn xong, hai vị Tướng và Bộ Tham-Mưu trao nhau những ly rượu mừng ngày ly-biệt, đó là rượu Whisky mang từ Shuri đến. Than ôi ! Ngôi sao của các tướng lãnh cũng lần-khuất một lúc với ánh trăng trên trời Mabuni. Cũng đêm đó, thế-giới biết rằng sự chống giữ Okinawa đã kết liễu.

Ngày sau, lá cờ Hoa-kỳ được kéo lên một cách long-trọng và trang-nghiêm trên một hải-đảo đầm máu. « Một luồng gió làm nó tung bay trên nền trời xanh thẫm và quang đàng. » Trần Okinawa là một trong những trận tàn bạo nhất của chiến tranh. Không còn đâu những trận chiến đấu giữa phi-cơ và phi-cơ, giữa phi-cơ và hạm-đội như thế nữa.

Không lúc nào, hạm-đội cảm thấy bị thất-bại trong khoảng thời-gian ngắn như thế. Chắc-chắn không khi nào địch-quân bị tổn như thế trong 3 tháng trời. Có những trận trên mặt đất hơn, những trận không chiến kéo dài, nhưng Okinawa là một cuộc hành-quân hỗn-hợp có tính.

cách đại-quy-mô không khi nào có tái-diễn như thế. Những con số chứng-minh việc ấy. Hơn 110.000 người Nhật chết, mất 16 chiến hạm, mà chiếc Yamato, một chiếc thuyền trọng-tải to nhất bị tiêu-hủy bởi phi-cơ đồng-minh ở Kerama Rhetto và 287 khẩu đại bác.

Trên 12.281 quân-sĩ Hoa-kỳ chết trong đó có 5.000 thủy-quân, 36 chiến thuyền bị đắm, 368 chiếc hư bị loại (kể cả những chiếc bị hư hại trong trận bão, cập bến, v.v...) về phần phi-đội Thần - Phong 26 và 164 chiếc. Những trận tấn-công của không-quân phá hủy 2 chiến thuyền và tổn hại 61 chiếc. 7830 phi-cơ Nhật bị phá hủy trong 3 tháng, trong đó độ 3.047 chiếc bị Thủy-quân phá-vỡ, 409 bị đại bác, 2655 chiếc trong những tai-nạn, hàng trăm chiếc bị phá-hủy hay phát hỏa ở những phi-trường. 558 chiếc bị mang về xưởng B. 29, hàng trăm chiếc đâm đầu tự sát.

Chúng ta mất 768 chiếc phi-cơ mà chỉ có 458 chiếc bởi địch-quân. Không có một chiến hạm to nào chìm cả, nhiều chiếc bị trọng thương được sửa chữa nhanh chóng. Nhật quân cũng không đánh đắm được 1 chiếc hàng-không-mẫu-hạm, thiết-giáp-hạm hay vận-tải-hạm nào của Hoa-kỳ cả.

Vì Một

✱ NGUYỄN - VỸ

Cả trại giam T. S. (1) Trà - Khê đều xôn-xao về cái tin ấy. Vừa mới « ăn Tết » xong, một lễ Tết thật là vui - vẻ đầm-ầu ở trong tù, bỗng tiếp nhận được cái tin bất-hảo do một người lính Radhé (giống dân thiểu-số ở miền Núi Trung - Việt, canh-gác trại tù) cho biết, tất cả 150 T. S. đều phần - nộ. Thật là một triệu-chúng không tốt tí nào trong lúc tân-niên, và một số anh em, nhất là mấy anh ở phòng Ho-lao, đều tức - giận la lên : « Một món quà Năm Mới mà Cô Cai tặng cho tội mình đó ! »

T. S. 69 hết sức phân-vân, bảo với tất cả anh em :

— Người lính Y-Gút cho biết thế, nhưng các anh đề tôi hỏi kỹ lại xem cái tin ấy có đích - xác

không đã. Nếu quả thật như thế thì chúng ta sẽ bàn cách đối phó.

T. S. 69 có bồn-phận đi dò-hỏi, và lo về vụ này vì anh em trong trại đã cử nó đảm-nhiệm hai trọng-trách : Vừa đại-diện cho anh em trong mọi việc « ngoại-giao » với viên Đồn-trưởng Pháp, vừa phải giao-thiệp với Cô Cai, một thiếu-phụ thầu việc tiếp-tế lương-thực cho nhà tù. Khó nhất cho chúng

(1) Xin nhắc lại về hai chữ T. S., *Travailleurs Spéciaux* (Lao-dộng Đặc-biệt), là danh-từ chính-thức để chỉ các « tù-nhân chính-trị nguy - hiểm » bị người Pháp giam tại các trại an - trí Trung-Việt hồi Đệ-nhị Thế-chiến 1940-1945.

(coi lại P.T. Xuân 1959)

Con Trâu...

tôi, vì Cô Cai lại là tình-nhân của viên Đồn - trưởng, Bazia. Hề cô ấy muốn gì, là lão Bazia đều nghe theo cả.

Nhà và tiệm tạp - hóa của cô ở cách Đồn lính Radhés và Trại-giam T. S. chừng một trăm thước. Tuy gần như thế, nhưng chúng tôi ở trong trại bị hầm-hố cấm chông nhón bao-bọc chung quanh, và hai vòng rào giây kẽm gai ngăn - cách, chúng tôi đứng nơi sân trại trông thấy rõ nhà cô Cai nhưng không bao giờ bước chân ra đến đấy được.

Muốn mua một món dùng nhỏ gì, một lọ dầu Nhị - thiên-đường chẳng hạn, cũng phải biên vào giấy đưa lên xin phép Đồn-trưởng, có Đồn - trưởng ký - tên chấp - thuận rồi mới nhờ lính ra tiệm cô Cai mua đem về cho chúng tôi. Cô là nhà thầu các thứ lương-thực của nhà tù, nhưng cô đưa vào món gì, tốt hay xấu, ngon hay

dở, thối hay thơm, chúng tôi đều phải nhận cả, không được từ-chối, không được lựa chọn Đồn-trưởng Bazia, cựu đội-trưởng Lê-duyng Pháp, là tình - nhân của cô, luôn luôn bênh-vực quyền-lợi của cô và đàn - áp bọn tù, mặc dầu chúng tôi, 150 T. S., toàn là người trí-thức rất đứng đắn, muốn đời sống êm dịu trong tù hơn là gây chuyện ồn-ào náo-dộng.

Đây là vài ba danh - tánh T. S. ở trại giam Trà - Khê : CHA HUỆ, Linh - mục, T. S. số 148, người ở trong « Đảng Ngô-dinh - Diệm », 72 tuổi, một vị Giáo-sĩ rất nhiệt tâm ái-quốc, và bạn thân của Đức - Cha Ngô-dinh-Thực ; HÀ-HUY - GIÁP, Cộng-sản, T. S. 1 ; BUI-CÔNG-TRUNG, Cộng-sản, T. S. 2 ; HỒ-TÙNG-MẬU, cựu bí-thư của Hồ-chí-Minh, T. S. 40 ; LƯƠNG-D.U. cựu đốc - học ở Huế, « Đảng

Quốc-gia Ngô-dinh-Diệm », T.S. 124, hiện làm Tỉnh-trưởng ở miền Trung ; VÕ - NHƯ - N. Cựu Tham-phán tòa Khâm ở Huế, T.S. 125, sau làm Dân-biểu Quốc-hội Việt-Nam Cộng-Hòa, khóa I; LƯU-QUÝ-KỶ, T.S. 27, cựu sinh-viên Cao-dẳng mỹ-thuật Hà-nội, TRẦN-CÔNG-KHANH, cựu sĩ-quan quân-đội Pháp, T.S. 59; TRẦN-ĐÌNH-TRI, giáo-sư, T.S. 90, v.v...

Tuy là 150 T.S. trong trại gồm đủ các đảng - phái, từ Cộng sản đến Quốc-gia, Cao-dài, Đại-Việt, Quốc-gia Độc-lập, v.v... nhưng tất cả chúng tôi đều chủ - trương đời sống yên - tĩnh trong nhà tù, nhẫn-nại đợi chờ ngày giải phóng, không gây chuyện lộn - xộn trong trại giam. Cho nên chúng tôi đã nhiều lần tránh được mọi nguy-biến do cô Cai nhà thầu và viên Đồn-trưởng Bazia gây ra về việc tiếp-tế lương-thực rất tồi-tệ, rất thiếu-thon.

Không ngờ, Tết năm 1944 vừa vui-vẻ êm - thấm, thì kế đó, xảy ra một vụ lỗi-thời, mà sau chúng tôi gọi là « Vụ Con Trâu ». Cái tin... « kinh - khủng » mà tôi sắp nói, thật ra, nếu là ở ngoài đời thì chỉ là một việc tầm - thường, rất tầm-

thường, không đáng lưu-ý. Nhưng ở trong tù, đối với đời sống đã quá kham - khổ của chúng tôi, lại luôn luôn gặp những chuyện bất-trắc, thì quả thật nó là một chuyện... « kinh-khủng » ! Nó bắt đầu bằng một dư - luận xôn - xao phần - uất trong trại, và kết - thúc bằng mấy tiếng súng nổ đoành... đoành... trong sân tù.

Câu chuyện chẳng có gì cả. Tôi kể ra đây, chắc các bạn đọc phải mỉm cười : vì đầu đuôi chỉ tại cô Cai có một con trâu. Vâng, chỉ có thế thôi. Trâu của cô ăn trong núi, bồng hòm mồng 7 Tết, trâu gặp cạp, cạp vỗ trâu, trâu chém cạp, cạp thua bỏ chạy vào rừng. Nhưng trâu cũng bị nhiều vết thương nặng, máu chảy đỏ cả mình - mẩy, còn rấn về đến chuồng của cô Cai rồi mới chết. Kề con trâu cũng khôn, nhưng tại nó khôn đó mà thành ra chuyện lộn-xộn cho chúng tôi.

Nếu con trâu chết ngoài rừng, và cô Cai đào lỗ chôn nó, thì hẳn là không có chuyện gì. Có lẽ, anh em chúng tôi sẽ gởi lời chia buồn với cô, gọi là có một chút xã-giao Năm mới.

Nhưng cô Cai nhà thầu lại có một ý-nghĩ không được « xã-giao.

lắm. Một tên lính tên là Y - Gút, mét với tôi rằng cô Cai đang làm thịt con trâu chết đã thúi-hình, để bán thịt cho lính « Mọi ». Nhưng toàn thề 50 gia-dình lính Radhés đều chê thịt tanh hôi, đã có đòi - nên không mua. Cô lại định tiếp-tế thịt ấy cho T. S. chúng tôi, thay vì thịt bò và thịt heo thường-lệ.

T.S. 69, kẻ đã được anh em cắt-cử phụ - trách về việc ngoại-giao và tiếp-tế, tôi có bồn phận mét lại với anh em cái tin kinh-khủng ấy. Dĩ-nhiên là toàn - thề T. S. đều xôn-xao, náo-dộng. Tôi hứa đi hỏi lại tin-tức đích-xác, rồi sẽ định liệu với anh em một thái-độ.

TÔI tìm hỏi viên Đội Y-Blil, nhưng không gặp y. Tôi vừa trở vào nhà Bếp để thảo-luận với anh Xếp Bếp (Xếp Bếp, T.S. 12, là một giáo-sư, người Quảng-Nam) thì có lính gác gọi tôi:

— T.S. 69! Ay yêu! (1)

T.S. 69 ra cổng trại, theo người lính đi lên văn-phòng Đồn-trưởng. Ông Bazia đang ngồi uống bia ở ngoài hè với bà vợ Đằm mặt thù-hù. Bà Bazia cười chào tôi:

— Bonjour 69! Chà va?

Ông Bazia cũng cười, rót một ly rượu bia mời tôi. Tôi từ chối, vì không biết uống. ông bảo:

— Anh giận tôi hả?

— Tại sao tôi giận ông?

— Đội Y-Blil vừa báo-cáo cho tôi biết rằng các anh định phản-dối không nhận thịt trâu của cô Cai tiếp-tế, phải không?

— Ông muốn nói: thịt con trâu bị cạp vỗ chết đó chẳng?

— Ai bảo với anh là con trâu của cô Cai bị cạp vỗ chết? Con cạp bị trâu của cô Cai chém chết thì đúng hơn. Trâu của cô Cai khôn lắm, thông - minh lắm, chứ nó có ngu như bọn T.S. các anh đâu...

— Xin lỗi ông Đồn-trưởng... Tôi không ngờ rằng ông gọi tôi lên đây để chửi tôi một câu rẻ tiền như thế...

Bà Bazia can chồng liền:

— Ô! Antoine!

Lão Bazia hạ giọng ngay:

— Không! Nhưng tôi không hiểu tại sao các anh lại từ chối thịt trâu? Thịt trâu ngon lắm chứ! Tất cả người An-nam-mít đều ăn thịt trâu. Người Pháp chúng tôi

(1) Ay Yêu, tiếng Radhé, nghĩa là: ông Quan gọi.

thỉnh thoảng cũng ăn thịt trâu.

— Tôi không tin rằng người Pháp ăn thịt trâu chết.

— Tôi đây, 69 à, tôi là Antoine Bazia đây này. tôi cho anh biết rằng hồi tôi đánh giặc ở Syrie, tôi ăn thịt ngựa chết ở ngay chiến-trường. Và tôi thề với anh rằng thật là ngon... Nhưng chắc - hẳn là không ngon bằng thịt trâu.

— Thưa ông Đồn-trưởng, tôi xin phép nhắc ông nhớ rằng Trà-Khe không phải là một chiến-dịa, và trong quy - chế của chính-phủ nói về sự tiếp-tế vật-thực cho T.S. không có nói đến việc cho T. S. ăn thịt trâu.

— Nhưng đầu năm, chưa có thề mua bò được thì các anh phải ăn thịt trâu.

— Thưa ông Đồn-trưởng, tôi rất tiếc mà nói đề ông biết rằng toàn - thể T.S. chúng tôi từ chối món thịt trâu của cô Cai.

— Tại sao?

— Tại vì con trâu ấy bị cạp vồ, chết đã hai ngày, thịt đã thúi. Chính vợ con của lính và lính của ông, tất cả 50 gia-dình « Mọi », họ ăn chuột, họ ăn rắn, họ ăn nhái, nhưng họ không ăn thịt trâu chết. Tôi cầu xin ông có tình nhân-dạo hơn.

Đồn-trưởng Bazia liền xoay đôi mắt tròn, chăm-bám ngó tôi :

— Tao đếch cần nhân - đạo ! Mà quên rằng tụi mày là tù ? Là một lũ tướng cướp ! Đáng lẽ người ta đã đem chúng mày ra bắn cho chết hết, mà hiều chưa ? Chúng mày được ở đây, được chính-phủ nuôi, cho ăn, cho mặc, là nhân-dạo rồi còn nhân - đạo nào nữa ? Mày muốn sống đây - đủ như một trại Hè của sinh - viên hả ? T.S. 69, tao truyền - lệnh cho mày về trại giam nói với tất cả bạn đồng - lao của mày rằng nếu 12 giờ trưa nay tụi mày không nhận lãnh 150 kí-lô thịt trâu của cô Cai, thì tụi mày sẽ biết tao ! Tụi mày ngốc lắm, thế mà tụi mày là bọn trí - thức đó ! Tụi mày là giáo-sư, là y-sĩ, văn-sĩ, thi - sĩ, họa - sĩ, nhạc - sĩ, ông Tham, ông Phán, ông gì gì nữa. tao không biết nữa ! Vậy mà trí - nghĩ hẹp-hòi, ngoan-cổ, có thông-minh gì hơn bọn Mọi đâu ! Cô Cai từ-tế với chúng mày biết bao nhiêu ! Nàng đã giúp đỡ cho đời sống của chúng mày biết bao nhiêu ! Nàng không những là một thiếu-phụ trẻ, đẹp, nàng lại còn là hiền-lành, phúc-dức nữa... Phải thế không, Nina ?

Bazia quay lại hỏi vợ. Bà Đăm già mập thù - lù, ngồi làm thỉnh

mạn đôi vớ rách của chồng, không trả lời một tiếng. Ông lại quay lại T.S. 69 :

— 69, Mày phải biết rằng tụi mày ở nơi hoang - vu quạnh - quẽ này, mà có Cô Cai lo tiếp-tế cho từ bao gạo, bao muối, hủ mắm, cho đến lọ dầu nhĩ-thiên-dương, cây kim, sợi chỉ, mà nàng cho chúng mày trả với cái giá không đắt lắm, nàng ăn lời ít thôi, thì quả thật nàng là một nàng Tiên của T. S. một vị nữ-Thần của đảng thiêng-liêng sai xuống đất Trà - Khe này để giúp-dỡ chúng mày. Ấy thế mà chúng mày không biết ơn nàng ! Nàng đưa thịt trâu cho chúng mày ăn, mà tính có nửa giá tiền, chúng mày còn từ - chối, có phải là ngốc không ? Thôi, tao không nói nữa ! Mày đi về trại, bảo với chúng bạn của mày, nếu không nhận hết 150 kí-lô, thì nhận 80 kí - lô, để cho Cô Cai vui lòng. Nếu không, tao sẽ... tao sẽ... Rồi mày sẽ thấy tao sẽ làm gì cho chúng mày biết. Y-Blil ! Y-Prong ! Y-Bléa ! Cầm lưới lè vào hòng sủa, nạp đạn vào, rồi dẫn T. S. 69 về trại !

T. S. 69 bình - tĩnh nói với Bazia :

— Thưa ông Đồn-trưởng, tất cả những lời ông chửi chúng tôi

từ này giờ, tôi không trả lời. Nhưng tôi thưa với ông rằng ông không cần đợi đến 12 giờ trưa, và tôi không cần phải hỏi lại ý-kiến của 150 T. S. ở trại. Tôi có thể trả lời ngay đề ông biết rằng toàn - thể T. S. đều đồng-ítanh từ-chối món thịt trâu thúi của nhà thâu, dù là một gramme.

Bazia dơ tay lên, toan nhảy tới bạt tai tôi, thì bà Đăm níu ông lại, rầy ông :

— Đừng đánh 69 !

Bà kéo ông ngồi xuống ghế mây. Mấy chai rượu bia và ly dĩa trên bàn mây, bị cánh tay ông dụng mạnh, đổ lộn - ngổn xuống đất. Ông đỏ mặt, run cầm-cắp, còn truyền lệnh cho viên đội Radhé :

— Blil, mày đưa 69 về trại. Nếu nó rục - rịch, hay là T. S. trong trại làm náo-dộng, mày cứ bắn vào, chết bỏ !

CHÍNH GIỜ đêm. Trong trại giam tối đen tối thui, chỉ còn một ngọn đèn dầu mỡ heo, cháy liu-liu ở cây cột giữa nhà. Đóm lửa xanh-lè như một hồ ma bập-bùng, lúc như sáng lúc như tắt... Một trăm năm chục T.S. nằm dài trên 150 chổng tre kê song-song hai giầy. Riêng Cha

Huệ, 72 tuổi, còn ngồi lù-lù một bóng đen, quây mặt ra cửa sổ rào chằng-chịt giây kẽm gai. Vị Linh-mục đáng kính-trọng, đang lần chuỗi hạt và âm-thầm đọc Kinh cầu-nguyện như mọi đêm. Toàn thề T.S. chưa ngủ. Ai nấy nằm im, nhưng vẫn thì-thầm bàn tán chuyện con trâu chết của cô Cai-T.S. 69 đang nghĩ bài thơ «Trâu hỡi Trâu!»

Bỗng một tiếng súng nổ « Đùng ! » ngoài sân trại, bay véo lên nóc nhà tranh. Im phăng phắt. Kế tiếp một loạt súng tạch-tạch-tạch... nổ phía nhà bếp. Hai cánh cửa gỗ ngoài sân trại mở ra, kêu kệt-kệt, rùng-rợn. Rồi tiếng mở ổ khóa và giầy xích ròn-rang của hai cánh cửa trại. Cánh cửa nặng nề, được đẩy ra, một ánh đèn pin chói-lọi rọi vào phòng giam.

Tiếng lính gọi :

— 69 !

Toàn thề T.S. cùng một loạt ngồi dậy trên giường. Tất cả đều hồi-hộp, lo sợ... T.S. 69 lên tiếng, đáp tiếng gọi của lính :

— Có tôi đây.

— Ay yêu !

T. S. 69 bước ra cửa. Tất cả anh em đều đứng dậy, theo nó. Một cảnh - tượng đột - ngột, hãi-

hùng, hiện ra trước 150 cặp mắt kính - ngạc của T. S. 20 lính Radhés chia hòng súng cầm lưỡi-lê vào phòng giam, đứng sắp hai hàng ngoài sân, ngay trước cửa phòng. Ngoài rào kẽm gai, 20 lính khác bao vây, cũng chia hòng súng vào trại, lưỡi-lê sáng ngời. Đồn-trưởng Bazia, mặc quần-áo kaki vàng, tay cầm khẩu súng lục, đứng ngay giữa sân, nét mặt hăm-hăm, gọi :

— T. S. 69 ! Ra đây !

T. S. 69 cố hết sức giữ nét mặt và điệu bộ điềm tĩnh, đáp :

— Xin chào ông Đồn-trưởng.

— Ra đây ! Một mình mày ra thôi. Nếu đưa nào ra nữa, hav rục-rịch, sẽ bị bắn ngã gục liền !

T. S. 69 bước ra, giữa hai hàng lưỡi-lê và hòng súng chia vào nó.

Nó tiến đến trước mặt Bazia và đứng thẳng người, làm bộ nói chuyện dả-lả :

— Thưa ông Đồn-trưởng, anh em chúng tôi rất cảm-động hồi sáng nay nghe tin con trâu của cô Cai bị chết hôm qua một cách rất anh-hùng. Nó đã chết ngay tại chuồng của nó, ở sân nhà chủ nó. Sau khi nó đã oanh-liệt chống-cự với con cạp hung-dữ ở ngoài rừng.

Đồn-trưởng Bazia đã bốt về mặt sát-khí, hơi dịu-giọng bảo :

— Anh tưởng cô Cai không buồn gao ? Nàng đã khóc khi thấy con trâu chết. Con trâu đó, anh biết không, có thằng chủ Mọi làng Boum-Ma-Blong đã muốn mua, trả giá 200 đồng, mà nàng không bán. Rồi bây giờ, như thế đó... Năm mới, mà nàng gặp chuyện không may, cho nên nàng buồn lắm. Tôi cũng buồn và tất cả lính, cai, đội ở đây đều buồn. Nhưng tôi giận các anh, — à, anh biết tôi giận như thế nào ! — là tại vì các anh không muốn làm vui lòng người thiếu - phụ hiền-lành đáng kính ấy. Nàng bảo với tôi rằng mặc dầu là trâu chết, nhưng các anh có thể làm thịt kho mặn, để ăn thì ngon lắm, chứ có sao đâu. Tại vì đầu năm chúng ta chưa mua được bò, nên cô Cai có lòng tốt bán thịt trâu cho các anh..., và chỉ bán có 150 ki-lô thịt với một nửa giá tiền....

T.S. 69 vội-vàng ngắt lời :

— Thưa ông Đồn-trưởng, theo thiên-ý riêng của tôi, thì một con trâu oanh-liệt như con trâu của cô Cai, người ta nên làm cho nó một đám-ma long-trọng hơn là đem xẻ thịt của nó ra để bán hoặc để ăn.

Ông là người Pháp, ông lại là một nhà Binh, ông đã xứng đáng được nhiều mề - đay anh - đứng trong trận Thế-giới Đại-chiến 1914-18, chắc ông cũng phải đau lòng thấy một con trâu rất can-đảm như thế bị mổ thịt bán cho lính và bán cho tù. Anh em T.S. chúng tôi có thể mua thịt con trâu ấy về, rồi đào lỗ chôn, chứ không nở ăn. Nếu ông Đồn-trưởng cho phép...

T.S. 69 quây lại viên đội Y Blil cũng mang súng cầm lưỡi-lê, đứng cạnh đồn trưởng :

— Có phải không, thưa ông Đội ? Giá sử cô Cai có nài ông, và các ông Cai, các anh em binh sĩ, mua cho được thịt con trâu ấy, thì các ông cũng mua về để chôn và dựng một tấm bia trên mộ nó : « Đây là thịt của một con trâu anh dũng ». Chớ chắc chắn là các ông không ăn, và vợ con của các ông cũng không ăn.

Viên đội Y-Blil làm thỉnh-Đồn trưởng Bazia khó chịu, bảo T.S. 69 :

— Anh nói có lý, nhưng tôi đến đây trong cái giờ khuya khoắc và lạnh lẽo này, là tôi muốn cho các anh một bài học khác : các anh cứ tưởng rằng các anh có

quyền sống đời sống để vương. Các anh quên rằng các anh là tù. T.S. cũng là tù. T.S. còn nguy hiểm hơn tù nữa. Từ nay, nếu tôi cho các anh ăn thịt gì, các anh cũng phải ăn, nếu phản đối thì tôi bắn chết hết. Anh nên nhớ rằng tôi có quyền bắn chết bất cứ người T.S. nào cứng đầu, xỏ lá, muốn chống lại trật tự trong trại giam này. Anh biết điều đó chứ, T.S.69?

— Thừa ông Đồn-trưởng, tôi đang đứng trước họng súng của ông đây, chúng tôi tất cả đều đang đứng trước họng súng của ông, ông muốn bắn chúng tôi lúc nào cũng được cả. Nhưng ông đã thấy rằng chúng tôi luôn luôn giữ gìn trật-tự và kỷ-luật trong trại giam.

Chúng tôi chỉ phản-đối việc ăn thịt trâu thúí thôi.

— Ủ. Hề ai rục-rịch, ai phản-đối, sẽ liệu hồn nhé! Avis aux amateurs!

Thế rồi, để khỏi mắc - cở với chúng tôi và cả với lính, luôn tiện đề thị-oai với T.S., lão Bazia đưa tay lấy khẩu súng của đội Y Blil, bắn chỉ thiên kế tiếp 3 phát:

Đoành! Đoành! Đoành!...

15 phút sau. Sân tù Trà - Khê trở lại mật - mù, yên - lặng. Đồn-trưởng, đội, cái, lính, đều đã « rút lui có trật-tự » về đồn...

(Mến tặng 3 anh cựu T.S. Trà-khe: Võ-Như-Ng., Dân-biểu, Huế; Lương Duy U., Tỉnh-trưởng đương-kim; và X., giáo-sư kế-toán, Saigon.)



* BẮT CÁ HAI TAY

Cô Nữ tài tử ciné nói chuyện tâm-sự với cô bạn khác:

— Em chỉ muốn bắt cá hai tay.

— Nghĩa là sao?

— Nghĩa là em muốn lấy một người chồng vừa là tình-nhân vừa là triêu-phú.

SẦU CÀ

Chiều lên lên xuống Tam-Thương
Mây giăng Thiên-Ấn khói vương sông Trà
Sầu tôi chôn tận nẻo xa
Bước chân tôi đặt... đường hoa nát lòng
Khổ đau đi giữa chiều không
Nghe tim ray-rức, nghe cung đàn sầu
Tương tư về chuyện thương nhau
Trán ghi chặt cả hoa màu tuổi thơ
Chừ đôi tay lạnh bơ vơ
Thương người em gái năm xưa mỗi mồn
Tháng ngày khép chặt tim non
Tóc thề vẫn trọn gói hồn người anh.



Từ tôi khép áo thư sinh
Phong trần liệm chết ngày xanh đi rồi
Mang theo trăm chuyện đời tôi
Riêng tư khóc mãi lệ người nhớ thương
Lạnh lùng lối cũ chiều sương
Nghe sầu lên ngáp mà vương chân này
Đón cơn phủ trọn tháng ngày
Tình tôi em nở đôi thay cho đành
Mắt mờ lệ nhớ kinh thành
Trắng đêm nào biết hồn mình về đâu?
Nhà ga, bến nước, con tàu
Giã từ em gái mang sầu ra đi
Hoa niên chết liệm chiều ni
Đàn buồn dạo khúc từ ly cuối trời.

THANH - LỆ - HẢI
(Quảng-Ngãi)

THỜI THỂ...

và

ANH HÙNG

* **PHIẾM - LUẬN**

của **THANH-VÂN**, Giáo-sư Trung-Học

TH Ứ Ợ N G Nghị Sĩ Kennedy vừa đặc cử Tổng Thống Mỹ; dự luận các báo đã âm ý dự đoán về sự định đoạt thời thể của ông về Đông phương và Tây phương. Có kẻ thì cho rằng cuộc diện thế giới sẽ trở nên hòa hoãn hơn; kẻ lại cho là chiến cuộc cục bộ sẽ biến chuyển theo một chương trình đi đến toàn diện. Nhưng sự thật rồi đây sẽ ra sao?

Điều ấy có lẽ chỉ có Tổng-Thống KENNEDY mới dự định được phần nào. Tôi nói « phần nào » là vì tôi không tin chắc Tổng Thống Kennedy có thể xoay thế cuộc theo một chương

trình dự định của mình được mà chỉ có thể dựa theo thời thể mà hướng chương trình của mình mà thôi.

Nói thế tức là nói đến câu « **THỜI THỂ TẠO ANH HÙNG**, hay **ANH HÙNG TẠO THỜI THỂ** ». Xưa nay có biết bao nhiêu người đã luận thuyết câu ấy, nhưng mỗi người một ý, không có gì là thống nhất cả.

Cách đây ngót 40 năm, Ông LUDOVIE NANDEAU đã từng viết nhiều bài ở tạp-chí *Illustration* để bàn về câu ấy với nhiều lập thuyết khác nhau mà cũng không ngã ngũ thế nào cả.

THỜI THỂ VÀ ANH HÙNG

Ông THOMAS CARTYLE, người Anh, thì rõ ràng hơn, ông chủ trương là anh hùng tạo nên thời thể, với luận thuyết rằng : « Lịch sử thế giới là sự nghiệp của mấy Vị anh hùng, do chính bàn tay họ tạo nên. Nó là những kết quả của những tư tưởng mà họ nuôi trong óc từ bao lâu. Anh hùng là một nguồn sáng vô tận thâu suốt mọi việc bằng bạc khắp không gian ».

Trái với thuyết trên, LÉON TOLSTOI, một văn hào Nga, trong cuốn « *guerre et paix* » lại chủ trương : « thời thể tạo anh hùng ». Ông nói : Không ai có quyền điều khiển được kẻ khác, bởi vì ai cũng là người, mà đã là người thì chỉ là đồ chơi của cái sức mạnh âm-u quái dị bằng bạc trong vũ-trụ. Những người mà ta gọi là anh hùng chỉ là những kẻ bị sức mạnh ấy sai khiến mà thôi. Họ là những sản phẩm tất nhiên phải có. Họ có để cho đời thêm ý vị hơn, nhưng chính ra họ là những kẻ lợi nước mà nước là dân chúng; thế tất có lúc nước dâng bổng họ lên thì cũng có lúc chìm sâu họ xuống; ta cứ xem cái gương Hoàng-Đế NA-

POLÉON đủ rõ. »

Hai thuyết ấy đến nay người ta vẫn không cho hẳn thuyết nào là đúng, nhưng cứ cân nhắc kỹ và lấy cái bình tâm mà xét, thì những vị anh hùng trong lịch sử từ xưa đến nay ở bất cứ nước nào cũng vậy không phải là những kẻ để ra để làm có một việc là tạo thời thể.

PHẠM-NGŨ-LÃO, lúc chưa làm tướng cũng chỉ là một gã đàn phen; HITLER khi chưa cầm vận mệnh nước Đức cũng chỉ là một anh thợ sơn; MUS-SOLINI cũng chỉ là ông giáo thôn quê; MUSTAPHA KEMAL chỉ là một quan binh không quyền hành; LÉNINE chỉ là một gã giang hồ lơ vậ; đến như GABRIELLE D'ANNUNZIO, tuy có lừng danh về việc trước tác, nhưng khi bị vây ở thành Fiume cũng bị người ta coi là một tên giặc bất trung bất hiếu. Như thế thì những kẻ tài năng, học vấn, trí hóa, gan dạ sở dĩ làm được những việc kinh thiên động địa, không hẳn là nguyên tài sức họ mà chính ra thời thể đã giúp cho họ những điều kiện thuận tiện vậy. Chỉ có một đặc

điểm đáng chú ý về họ là chính họ có một óc sáng suốt thông minh, họ mang sẵn một tấm lòng cương quyết nên mỗi khi gặp thời thể là họ biết tóm lấy, nắm được sự việc để chiến thắng trong kiên hùng gian khổ.

Bởi đó, tiền nhân ta có câu :
Thời lai đồ diều thành công dị.
Sự khứ anh hùng âm hận đa
tuy chứa đựng một ý khinh bạc để tự an ủi, nhưng cũng chí lý lắm vậy.

Dưới mắt những kẻ ấy, thời thể đối với họ chỉ là một đám bạc vĩ đại mà thôi. Họ là những con bạc có gan dạ, dám liều với sự đỏ đen, mắt còn với cả thân thể họ.

Chính TRUNG - TRẮC đã mang cả dân ra đánh bạc với nhà Đông Hán; ba anh em TÂY SƠN đã đem toàn dân ra đánh bạc với Nguyễn Ánh; HITLER đem cả nước Đức ra đánh bạc với thế giới; LÉNINE đem cả đảng ra đánh bạc với Nga-hoàng, với Giáo hội với nhà Băng, với giai cấp tư bản v.v...

Những con người ấy lúc bày ra bàn đánh bạc, họ cũng như



ta. chắc gì họ nắm vững được sự toàn thắng, nhưng họ chỉ hơn người là có đủ lòng tin tưởng, có đủ gan dạ dám làm, dám chịu; còn sự thành bại của họ đều do thời thể định đoạt cả.

Thời thể đây không gì hơn là lòng người, là hậu quả của một cơ cấu đang hủy thế, là một chân lý cần thiết. Kẻ được thời thể đưa đến thành công là kẻ biết áp dụng chiến thuật hòa hợp ba lẽ trên một cách đúng lúc. sâu rộng thì trở nên anh hùng cái thế. Nhưng nếu sơ hở, vụng về sẽ rước lấy thất bại đương nhiên, thành là kẻ ngụy tặc rồi mai một đi với thời gian

Bởi đó, chính người xưa đã gián tiếp định nghĩa « thời thể và anh hùng » một cách vừa chính xác vừa đơn giản bằng câu « ĐƯỢC LÀM VUA THUA LÀM GIẶC » là vậy.

Ấy đây cái tài trí, cái can đảm, cái siêu quần của các bậc anh hùng là ở đó cả. Họ đánh những ván bạc đời vĩ đại mà cái được thua, cái vui buồn của họ là sông là núi. Họ chiến đấu với bể rộng, non cao chứ không phải mưu đồ

trong cái cảnh một hòn non bộ tí hon để cũng gọi là có đủ sông đủ núi thì mong gì đón được thời thể mà làm nên sự nghiệp anh hùng.

Tóm lại muốn gây nên sự nghiệp không phải là một ông Phỗng ngồi đó để chờ một bàn tay khác xê dịch đẩy theo thời thế hầu đón lấy sự vinh quang với tất cả mọi hư danh mỏng manh bạc nhược như một cơn gió hoàng hôn thoáng qua để rồi tắt hẳn.



* VO VẤN

— Chị đi đâu vậy ?

— Thì đi đám đầy tháng của thằng Đức, con của con Năm chớ đi đâu !

Ừ, nó sanh hồi nào ? bao lâu rồi ?

* CHIÊM BAO

Bệnh nhân. — Tôi nằm chiêm bao hoài và lần nào tôi cũng thấy tôi bị té xuống giường hết...

Bác-sĩ. — Vậy thì cứ xuống ngủ dưới đất.

LIÊU-CHÁNH-QUÍ

?

Ai là nhà Thi-sĩ CHÀM đã họa lại bài thơ

TRÁCH THẦN CHÂU-CHẤU

của
NGUYỄN CÔNG-TRỨ

★ TAM-PHAN

TRONG tuần báo Văn-Đàn, số đặc-biệt Giáng-Sinh vừa xuất-bản, có đăng bài của tác giả Nguyễn-công-Huân viết về "Một bài thơ Chàm họa lại bài thơ trách Thần Châu-Chấu của Nguyễn-công-Trứ, trang số 21.

Trong bài đó có thể chia ra làm hai phần: Văn-chương Việt và Văn-chương Chàm.

Phần lịch-sử và văn-chương Việt nói qua về Tả-quân Lê-văn-Duyệt và Cụ Nguyễn-công-Trứ thì đã có nhiều sách sử ghi chép, tôi không dám lạm bàn — nếu có đúng hay sai — độc-giả cũng có

thể nhận xét được.

Còn riêng về phần Chàm; tương-dối ít có tài-liệu nói đến, hay là chưa có tài-liệu nào nói đến, nhất là bài thơ Chàm họa lại bài thơ trách Thần Châu-Chấu. Có lẽ đây là một tài-liệu mới nhất và lần đầu tiên được tác-giả Nguyễn-công-Huân nêu lên mặt báo Văn-Đàn.

Là một người sống trong vùng người Chàm lâu năm, biết được tiếng Chàm, học được chữ Chàm, hiểu ít nhiều sự tích, lịch-sử, phong-tục Chàm, có thể nói đời sống của tôi gần hoàn-toàn như một người Chàm chính cống vậy,

BÀI THƠ TRÁCH THẦN CHÂU-CHẤU

và hiện nay tôi đang sưu-tầm và nghiên cứu các loại văn-chương Chàm, nên tôi đọc bài của tác-giả Nguyễn-công-Huân viết về thơ Chàm, khiến cho tôi đề tâm nhiều về bài đó và cũng vì tôi quá lưu-tâm nên đâm ra nghĩ ngờ về các điểm sau đây :

A. — CÁCH PHIÊN ÂM TIẾNG CHÀM

Tại cột thứ tư, tác giả viết : « Bài thơ bằng chữ Chàm, viết trên lá cây buong, và tôi xin phiên-âm ra như sau đây ». Câu nói này, chứng tỏ rằng tác-giả đã thông hiểu chữ và tiếng Chàm sâu sắc lắm, nên mới có thể đọc được chữ Chàm viết trên lá cây buong và đã phiên-âm được. Theo tôi biết, chữ Chàm viết trên lá cây buong là một loại chữ rất khó đọc. Nhưng theo sự nhận xét của tôi, lối phiên âm ấy của tác-giả thấy không được nhất luật :

1) Tại cột thứ 2, tác-giả viết : « Cụ (Nguyễn-công-Trứ) ứng khẩu đọc bài thơ trách Bà Thần đã cột Cụ, thơ rằng :

Mụ Thần như rứa rạ thì thôi.
Chút nữa làm Ông thịch cái rồi.
Dầu có thiêng liêng đành phạt gái,
Lẽ nào Châu-Chấu dẫu Ông voi !

Bài thơ ấy được người Chiêm-Thành ghi chép. Một Cụ già Chàm có giữ được bản dịch bài thơ trách Thần Châu-Chấu. Bản dịch ra chữ Chàm được phiên-âm như sau :

Duon jan ja nanh nanh biak jioh,
Xich tra ngá ôn blăp bloh yoh.
Jah biak nich thịch man dray
kamay

Mơ chap lay nah nôm xôm ôn
cyah.»

Lối phiên-âm của bài thơ trên đây, ta thấy có nhiều chữ gần với Việt-ngữ, vì có các dấu sắc ('), dấu nặng (.) và những chữ song-âm không có dấu gạch nối ngang (-).

2) Tại cột thứ 4, tác - giả viết tiếp : « năm 1932, nhân đi qua vùng Hòa-Đa, tôi (tức tác-giả) có gặp một Cụ già Chàm đã cho tôi coi một bài thơ của một văn - sĩ vô danh Chàm đã họa lại bài thơ "Trách Thần Châu-Chấu" mà Uy - Viễn Tư-ông - Công đã làm khi xưa », thơ ấy như sau :

« Gruk ha-get klao bilây bloh ôh
krun

Pa - khot a-theh pa - lao ja - ling
mur-yah a-thieh prun.

Ku-muon ku-muon jiong yang ka-
tot cha-bai lai.

*Thâu a-dat trun a-theh mưng-đik
li-mun.**

*(Truyện chi mà chê trách lời
thôi,*

Vớ kú chùng cương lơ bộ rồi.

*Cháu cháu thánh thần « châu-
chấu » thán :*

*Biết điều xuống ngựa mới lên
voi).*

Bài thơ phiên - âm thứ nhì, thì thấy lỗi phiên - âm gần với tiếng Chăm, nghĩa là không có thêm các dấu sắc, dấu nặng, v.v.. mặc dù có vài chữ, nếu muốn phiên - âm gần với Việt-ngữ, có thể thêm các dấu đó được, và những chữ song-âm đều có gạch nối ngang (trait d'union). Theo bài này thì người Chăm hay một người ngoại quốc đã học tiếng Chăm và chữ Chăm rất có thể đọc và hiểu được nghĩa của bài phiên-âm đó. Chứ còn bài phiên-âm thứ nhất, nếu đem nhờ một người Chăm chính-cống, thật giỏi chữ Chăm và giỏi cả cách phiên-âm tiếng Chăm, cũng không thể hiểu nổi, chẳng những bị bí về lỗi phiên - âm thôi đâu, mà còn không hiểu nổi nghĩa của bài thơ này là cái chi cả !

B. — THỀ THƠ CHÀM

Trong văn-chương Chăm cũng có nhiều loại thơ, tương-tợ như

thề thơ lục bát, song-thất lục bát, ca trù, ca-dao của Việt-Nam, chứ tuyệt nhiên không có một bài thơ nào gieo vần theo thề thơ thất-ngôn tứ-tuyệt như hai bài thơ đã đề cập trên đây, nếu quả thật trong các loại thơ Chăm có cả thề thơ thất-ngôn tứ-tuyệt, âu cũng là một chuyện rất mới lạ !

✱

Vậy, đề cho sáng tỏ vấn-đề, yêu-cầu tác-giả bài « *Một giai-Thoại Văn-Chương Chăm-Việt* » vui lòng nói rõ thêm danh tánh của Cụ già Chăm có giữ được bản dịch và một Cụ nữa, cũng người Chăm, đang giữ bản họa bài thơ, bằng chữ Chăm viết trên lá cây buong, « Trách Thần Châu - Chấu », LÀ HAI CỤ CHÀM NÀO ? Hay là cả hai bài ấy đều do một Cụ giữ ? đồng thời yêu-cầu tác-giả chụp hình làm bản kèm những lá buong và tờ giấy có viết hai bài thơ đó trên mặt báo chí, hoặc trên Tuần báo Văn-Đàn hoặc trên Tạp-chí Phổ-Thông, đề quý vị độc-giả nói chung và người viết bài này nói riêng, thấy rõ sự thật. Nếu không, tôi e rằng độc-giả Văn-Đàn cũng như độc-giả Phổ-Thông, sẽ hoài nghi cho hai bài thơ trên là « Râu Ông nọ cầm cầm Bà kia ! »

Những người đàn bà lừng danh trên Thế-giới

10. — CATHERINE II

(CATHERINE ĐẠI - ĐẾ)

Nữ Hoàng-Đế nước NGA

70 TUỔI VẪN CÒN... XUÂN !



✱ TÂN . PHONG

TRONG Lịch-sử thế-giới, khi nói đến Nữ Hoàng - đế Catherine II, là người ta nghĩ đến một người đàn - bà « kinh-khủng », mà tên tuổi không những nổi bật lên trên một thời - đại, lại còn chói rạng cả mấy thế-hệ sau. Dĩ-nhiên là lịch-sử chỉ chú-trọng đến địa-vị lẫm-liệt của một phụ-nữ trên trường chính-trị quốc-tế, và ảnh-hưởng lớn-lao của bà đối với đời sống của một quốc-gia rộng mênh-mông trên 22 triệu kí-lô-mét vuông, và một khối thần-dân trên 170 triệu người tôn - kính bà và trung-thành với bà trong nửa thế-kỷ

Một bậc phụ-nữ kỹ-tài như thế hẳn là có một đời tư cũng phi-thường, đảo-đề, vượt lên trên tất cả mọi thích-nghĩ của con người và của xã-hội.

Riêng đời sống tình - cảm của Catherine II cũng đã chứng tỏ một cá-tính sôi-nổi đặc-biệt. Tôi đã so-sánh bà với Từ-Hi Hoàng-Thái-Hậu của nước Tàu, về phương-diện tình - dục. Cả hai đều để lại trong lịch-sử nhân-loại cái gương tiêu-biểu của đàn-bà làm chúa-tể đàn-ông!

Catherine II đã tổng hợp trong số - kiếp của bà vừa nhan - sắc, và

tài-hoa, vừa tình-cảm dồi-dào và tự-chủ, kịch-liệt và điệu-hòa, oai-nghi và trụ-lạc.



I. — Hoàng-thân ORLOV

LÊN ngôi Hoàng-đế vừa được bảy hôm thì Catherine II được tin chồng bị ám-sát đã chết. Nhưng dân chúng Nga và các nước trên thế - giới đều không ngạc-nhiên tý nào khi nghe lời hiệu-triệu sau đây của Nữ-Hoàng Catherine :

« Ta lên ngôi nước Nga được bảy hôm thì được tin Cựu Hoàng Pierre III bị bệnh trĩ và bệnh đau bụng kinh-niên tái phát. Lo-lấn theo bốn phần một người Gia-tô-giáo, Ta đã lập-tức truyền lệnh săn sóc thuốc men cần thiết cho Cựu Hoàng. Nhưng, Ta rất buồn

phiền được tin chiều hôm qua, rằng Chúa đã chấm dứt đời sống của Cựu Hoàng. Ta đã ra lệnh đưa linh-cữu của ngài đến an-tàng trong nhà thờ Nevski.

Với tư-cách là Nữ Hoàng-đế và là Quốc-Mẫu của Đế-quốc Nga, Ta mời tất cả thần dân trung-thành của Ta, hãy gác bỏ chuyện cũ, mà lo việc tổng táng cho Cựu Hoàng, thiết tha cầu nguyện Chúa cứu vớt linh hồn của ngài, và tin tưởng rằng cái chết đột ngột này là một quyết-định của Đấng cao-cả vì chỉ có Chúa là sắp đặt vận mệnh của Tổ-Quốc chúng ta theo những đường lối mà chỉ có Ý muốn thiêng liêng của Chúa là biết được mà thôi.

Thủ-đô Petersbourg, tháng 7 năm 1762.

CATHERINE

Người ta không ngạc-nhiên mặc dầu dư-luận trong dân-chúng và cả thế-giới đều biết rõ rằng tuy cựu Hoàng Pierre III chết vì bị ám-sát chứ không phải vì bị bệnh trĩ hay bệnh đau bụng, nhưng Catherine II hoàn-toàn không dính líu gì với vụ ám-sát ấy. Chính bà rất buồn phiền vì cái chết quá đột-ngột của chồng.

Khi Đại-úy Orlov đến báo tin

ấy, bà rất đổi kinh-ngạc và đau-đớn. Bà oà ra khóc nức-nở trước mặt Thủ-tướng Panine, bà té xỉu xuống ghế, rồi bảo : « Thôi rồi ! Lịch-sử sau này sẽ không bao giờ tha-thứ cho Ta vì cái tội-ác mà chính Ta không phải là thủ-phạm ! »

Nhưng, bà cũng che-đậy giấu cho người vì quá yêu bà mà đã ra tay sát-hại cựu Hoàng. Người yêu thủ-phạm ấy chẳng phải một bí mật đối với ai cả : ai mà chẳng biết người đàn-ông đang say-mê Nữ-Hoàng lúc bấy giờ, là Hoàng thân ORLOV ! Hoàng-thân đã sai em ruột, là Đại-úy Orlov, giết Pierre III giữa một bữa ăn, để ông được rảnh tay tư-tình với Nữ Hoàng. Chính ông đã sắp-đặt tất cả với người em trong vụ đảo chính vừa rồi để đưa Catherine lên ngôi Hoàng-đế, và ai cũng biết ông có tham-vọng muốn làm chồng chính-thức của Nữ-Hoàng.

Nhưng Hoàng - thân Orlov tưởng lầm rằng Catherine II là một người đàn bà tầm thường. Nếu bà tầm thường thì cuộc đảo chính vừa rồi đã không thành công. Đó là một cuộc đảo-chính lạ thường, rất lãng-mạn, mặc dầu nhờ sự giúp sức của hai anh em

Orlov và một nhóm người trung-thành với bà, nhưng phải là một người đàn bà có trí, có dũng, có tài hoa đặc-biệt, mới chỉ-huy được một biến-cổ quan-trọng như thế làm đảo-lộn cả lịch-sử của đại đế quốc Nga. trong mấy tiếng đồng hồ, không rơi một giọt máu. Vì thân phận của bà bị đe dọa, bị sỉ nhục. vì chính sách suy đồi và tàn bạo độc tài của chồng bà, vì vận-mệnh và tương lai của nước Nga, nên bà đã gây ra cuộc Đảo chính, nhưng khi nghe chồng bà bị người yêu ám sát thì bà tức giận, đau khổ, lương tâm bị cắn rứt vì một tội-ác mà bà không có chủ mưu. Tuy vậy, nghĩ đến công ơn của Hoàng thân Orlov đã giúp bà thành-công trong vụ đảo-chính, bà lại lấy oai quyền của Nữ Hoàng-Đế mà che đậy giùm tội ác của người yêu đã vì bà mà ám hại Cựu-Hoàng. Lịch-sử đã sáng suốt phê phán thái-độ của Catherine, và vẫn kính-phục bà ở điểm đó. Tha thứ cho Orlov, nhưng bà không yêu chàng nữa. Trong quyền nhậm-ký của bà viết toàn bằng Pháp văn, (bà lại là bạn thân của Thi-hào Voltaire của Pháp), Catherine có ghi rõ những ý-nghĩ thâm kín của bà, ý-nghĩ

của một người vợ đau-dớn vì chồng chết, của một người tình tha thứ nhưng tức giận người yêu thủ phạm, và của một vị Nữ Hoàng-đế đặt danh dự của mình và của Tộc-quốc lên trên tình yêu.

Orlov có tham vọng lớn lao, muốn chính thức làm lễ thành-hôn với Nữ-Hoàng. Catherine không trả lời, và phái ông đi Moscou để trừ bệnh dịch chuột đang tàn sát thảm hại nhân-dân thành phố ấy.



2. — Vassiltchikov

3. — TÊ TƯỚNG POTEMKINE

TRONG Triều-đình, ít người ưa Hoàng thân Orlov, vì tính hách dịch, phách-lối, tự cao, tự phụ. Nhưng nhiều

người ưa Potemkine. Chàng là ai? Buổi sáng sớm xảy ra cuộc Đảo Chính năm 1762, trong sân trại Ismaïlovski, các bạn còn nhớ có một viên Trung-úy hăng hái dắt một con tuần mã tuyệt đẹp đến để Catherine cỡi cho oai. Xong chàng quỳ xuống để suy-tôn vị Nữ-Hoàng diễm-lệ, mà chàng đã thăm mê sắc đẹp. Viên Trung Úy ấy tên là POTEMKINE. Cử chỉ của chàng được Catherine đề ý, và sau khi lên ngôi Hoàng đế, bà tặng chàng 10.000 Nga-kim, đeo thêm cho chàng một lon, cho chàng đi học thêm các lớp Đại học, rồi chàng thi đỗ, được Nữ Hoàng gọi về Triều, thăng lên chức Trung-Tá. Catherine gọi - gả chàng cho Đại-tướng Roumiantsov. Lúc bấy giờ có chiến tranh giữa Turquie và Nga. Đại-úy Potemkine cầm quân ra trận, được nhiều chiến-công rực-rỡ và được lên chức Thiếu Tướng. Được Đại-tướng phái chàng về kinh - đô đề tường trình về chiến-sự, Potemkine vừa đến Pétersbourg thì được biết Nữ-Hoàng đang có một tình-nhân mới, tên là VAS. SILTCHIKOV. Potemkie buồn rầu, chán-nản, liền từ-giã Kinh-đô, để đi tu! Chàng vào trong

nhà Tu-kín Nevski, và chép trong nhật-ký như sau đây:

« Trời ơi! Yêu làm chi cho đau-khổ, yêu Nàng mà ta đau đớn khổ-lộ cho Nàng hay! Nàng không thể là của ta! Trời mọi-rợ, Trời ban cho Nàng một sắc-đẹp diễm-kieu chi vậy? Trời ban cho Nàng một cốt-cách oai-nghiêm vĩ-đại chi rứa? Tại sao lại Trời muốn phải là Nàng, chỉ có Nàng, là ta mới có thể yêu được? Chỉ có Nàng mà cái tên thiêng liêng sẽ không bao giờ thốt ra được khỏi miệng ta, và hình-ảnh khỏi tim ta!... »

Catherine được tin Thiếu-Tướng Potemkine thất-vọng đi tu, liền bảo với Nữ Bá-Tước Bruce: « Không! Trẫm không muốn chàng Thiếu-tướng anh-dũng kia sẽ trở thành một ông Cổ Đạo. » Nữ-Hoàng liền sai Nữ Bá-tước đến nhà tu khuyên-dỗ chàng và bảo chàng nên trở ra chiến-trường để đánh quân thù của Đất Nước.

Thiếu-tướng Potemkine lập-tức vâng-lệnh Nữ-Hoàng, cỡi áo thầy tu bỏ lại nhà thờ, và phi ngựa ra chiến-địa. Sau một chiến-công oanh-liệt trên trận-tuyến Hắc-Hải, được binh-sĩ nhiệt-liệt hoan-hô, Potemkine

được Nữ-Hoàng ký sắc-lệnh thăng lên chức Trung-Tướng. Chàng lật-đật nhảy lên lưng ngựa phi về Kinh-đô đề tạ ơn Thánh-Chúa. Nữ Hoàng-đế Catherine II mở rộng hai cánh tay ngọc-ngà ra đón vị anh-hùng.

Cùng hôm ấy, Nữ-Hoàng đuổi tình-nhân cũ ra khỏi cung-điện, Vassiltchikov cuốn gói ra đi ngày 18-3-1774. Và cũng ngày hôm ấy, bà vợ của Đại-tướng Roumiantsov là thượng-cấp của Potemkine, viết thư cho chồng ở mặt trận :



POTEMKINE

« Em khuyên mình, từ nay các giấy tờ báo-cáo gửi về Nữ Hoàng-Đế, nên gửi thẳng cho Potemkine! » Bà Đại-tướng khuyên chồng như thế, là khôn-ngoa. Vì từ hôm ấy, Potemkine được ở luôn trong Cung-điện, ở cái phòng mà Vassiltchikov vừa từ-giã ra đi. Trung-tướng Potemkine được nhận là người yêu chính-thức của Nữ Hoàng-đế. Potemkine không đẹp trai, nhưng Catherine II thường bảo với các quan hầu-cận : « Potemkine là người đàn ông đẹp nhất của nước Nga ». Potemkine lại có tật ưa cắn móng tay. Catherine cũng âu-yếm phê-bình : « Potemkine là người cắn móng tay vĩ-đại nhất của nước Nga »!

Nghĩ cũng buồn cười! Khi người đàn-bà yêu say mê, cả vũ trụ đều bé nhỏ hơn người yêu của mình!

Trong cung, bà thường gọi Potemkine bằng những danh-từ sau đây :

« Người yêu của Ta... Người bạn quý của ta... Trái tim nhỏ của ta... Tâm hồn của ta... Cưng của ta... Con pu-pê cưng của Ta... Đồ chơi yêu dấu của ta... » Bà dùng cả những danh từ thú vật để gọi chàng :

« Con Chim bồ-câu yêu-quý !... Con Trĩ bằng vàng !... Con Gà cồ bằng vàng !... Con Công !... Con Chó tu-tu cưng !... Con Cọp cưng !... Con Sư-tử được trong rừng thăm !... Con Chó-sói và con Chim của em !... »

Có khi Nữ-Hoàng Catherine yêu Potemkine quá, không còn biết gọi chàng bằng gì nữa, thì bà lại gọi :

« Hạt Nút áo của em !... Viên kẹo của em ! »

Hoặc là :

« Sắc đẹp cảm thạch của Trâm !... Người yêu của Trâm mà không có Vua Chúa nào đẹp bằng !... Hỡi người đàn ông đẹp duy nhất của ta !... Trên trái Đất này không có người đàn ông nào đẹp bằng mình, giới bằng Minh !... » v.v...

Trong quyển nhật-ký của Nữ-Hoàng Catherine II, và trong các quyển Hồi ký của các cung-nữ, các quan hầu cận, ghi chép lại cuộc tình duyên của Nữ-Hoàng Catherine II với Potemkine, đều đầy-rẫy những danh-từ và những câu lý thú, phi-thường như thế.

Tuy chưa chính thức làm lễ thành hôn (có đôi nhà Sư-

học quả quyết đã làm lễ thành-hôn lén lút hồi cuối năm 1774, nhưng không có bằng cớ đích xác), Nữ-Hoàng Catherine vẫn đôi khi gọi chàng là « Chồng yêu quý của ta... chồng cưng của em... Em yêu mình, và sẽ yêu Minh vĩnh-viễn... Em là vợ trung-thành vĩnh-viễn của Minh... » v.v...



- 4 — Zavadovski
- 5 — Zorick
- 6 — Mamonov
- 7 — Yermoloff
- 8 — Arkarov
- 9 — Landskov
- 10 — Zoubov

v. v
v. v . . . và v. v

TÌNH yêu trung thành vĩnh viễn... được 2 năm, (1774-1776) ! Sự đòi hỏi về tình

dục của Catherine mỗi ngày mỗi hăng, mỗi mạnh, mà Potemkine thì mỗi ngày mỗi yếu về sinh-lý, và do đó tình yêu thiết tha của Nữ Hoàng cũng giảm bớt nhiều phần.

Tuy tình yêu tinh-thần vẫn nguyên vẹn cho đến tận đời bà, nhưng tình yêu về thể-xác không còn được thỏa-mãn nữa, và Potemkine cũng tự cảm thấy mình không còn đầy đủ khả-năng để cung-phụng những nhu-cầu quá bùng-bột, quá mãnh-liệt của Nữ Hoàng-Đế.

Catherine ký sắc-lệnh thăng Trung-Tướng Potemkine lên làm Hội-dồng Tư-vấn, Phó Chủ-tịch Hội-dồng Quân-sự, Hoàng-thân Bá-tước Đại-Tướng tư-lệnh, và được bổ nhậm làm Thống-Đốc các tỉnh miền Nam, đóng đô ở Novgorod. Từ đây về sau, Potemkine vẫn triệt-đề trung-thành với Nữ-Hoàng, phụng-sự chính sách cai trị của bà rất đặc-lực. Thỉnh thoảng, ông trở về kinh-đô, đến thăm Nữ-Hoàng và ở một lâu-dài nguy nga trong Cung-diện có đường luồng kín-đáo đi thông qua phòng ngủ của Bà. Tuy không còn là người yêu chính-thức của Catherine II, nhưng Potemkine vẫn

giữ vẹn toàn tình xưa nghĩa cũ, và Bà vẫn coi ông như là người quý nhất trong đời bà. Bà vẫn bàn-bạc với Potemkine, và hỏi ý-kiến của ông về mọi việc Quốc-chính, từ vấn-đề quan-trọng về ngoại-giao, về chiến tranh cho đến những việc vặt-vặt trong cung điện và trong đời sống riêng của Bà. Đối với dân chúng, với Triều-đình, với Thế-giới, Potemkine vẫn tỏ ra là một người thần dân luôn luôn tôn kính vị Nữ-Hoàng để của nước Nga.

Catherine vừa có một cậu tình nhân trẻ tuổi hơn bà nhiều lắm, tên là ZAVADOVSKI. Cậu này cũng được vào ở trong Cung-diện, nơi phòng cũ của Potemkine và của các tình nhân trước. Nhưng Zavadovski chỉ ở được vài tháng rồi bị đuổi. Một người đàn ông khác tên là ZORICK, được vào cung thay thế. Zorick cũng chỉ ở được một tháng rồi bị người khác đổi phiên, tên là MAMONOF. Từ đây, Nữ-Hoàng Catherine cứ thay đổi tình nhân như thay áo sơ-mi. Kế tiếp người này đến người khác, toàn là hạng người vô giá trị, từ một tên gián điệp (ARKAROV) đến một họa-sĩ tầm

thường. Họa sĩ, tên là LANDSKOI, mới có 18 tuổi, đẹp trai, nhưng nét vẽ không đẹp tí nào, mà Nữ Hoàng Catherine đã 60 tuổi. Bà vẫn hết sức chịu chuộng Landskoi và cũng yêu chàng cho đến đổi chàng thanh niên quá yếu sức, mắc bệnh ho lao, rồi chết trong tay Nữ-Hoàng!...

Sau Landskoi, Catherine II lại yêu một chàng lưu-manh 17 tuổi, cũng đẹp trai, tên là Platon ZOUBOV...

Năm 1796 Catherine II đã 67 tuổi. Bà đã chia sẻ tình yêu với Zoubov cho đến khi chàng 24 tuổi. Trong 7 năm, Zoubov đã gây ra bao nhiêu điều tai-hại trong Cung-

điện, vì trẻ tuổi mà tự-phụ, kiêu-căng, thiếu học-thức, lại ngang-tàng, hách-dịch. Cả triều-đình đều oán ghét và khinh-khi chàng. Con trai của Catherine, là Thái-tử PAUL, hết sức can-gián Mẹ mà không được.

Ngày 16-11-1796, Nữ-Hoàng Catherine II đau nặng. Bà đang ngồi viết thư, tự nhiên chảy mồ-hôi, mặt mày xanh-dùn, và kêu đau bụng. Zoubov chạy tới thì Nữ-Hoàng vừa té-xu. Bà chỉ lằm-bằm vài tiếng không rõ, rồi tắt-thở trong tay người tình-nhân cuối-cùng, mà lịch-sử cũng không biết là người thứ mấy!

TÂN PHONG



* NHÀ TIỀN SỞ * DẠCH *

Vợ anh Ba Heo-gạo đau nặng, nằm hấp hối trên giường bệnh. 8 giờ tối anh Ba Heo-Gạo chạy đi báo tin cho bà con biết. Ra cửa anh còn quay lại dặn vợ :

— Trong lúc tôi đi vắng, lỡ Minh có chết thì Minh nhớ tắt đèn cho đỡ tốn điện nhé.

B.T.

Mình Ơi !

Người ăn thịt người

Mình Ơi ! Mình bỏ bút xuống, nghe em đọc cái này...

- Cái gì ?
- Cái này...
- Chốc nữa đã.
- Nhanh lên, mình !
- Thông - thả... Một chút.
- Em muốn đọc cho Mình

nghe cái tin sốt dẻo ngay bây giờ, để chút xíu nữa, sợ nó nguội mất.

— Nếu sợ nguội thì hâm lên cho nóng !

— Em nói thật đấy, chứ không đùa đâu. Trong tờ báo em đang xem, có cái tin

này kinh-khủng, kinh-khủng... Này nhé... Mình nghe không ?..

— Nghe.

— « Tin giờ chót ở Congo cho biết một binh-sĩ của Liên-Hiệp-Quốc vừa bị dân Baluba bắt ăn thịt. Binh-sĩ này là người Irelandais trong Đội quân Quốc-tế do Liên-Hiệp-Quốc phái sang giữ an ninh trật-tự tại thành-phố Léopoldville, ở Congo. Chiều thứ Bảy vừa qua, người lính này đi chơi lang-thang ra ngoại-ô, bị một bọn Mọi Baluba rình bắt sống, đem vào một xóm gần đấy, bỏ vào một thùng nước sôi treo trên một đồng củi cháy phừng-phực. Bọn họ luộc người này thật chín, xong vớt ra, lấy dao chặt từng khúc mình-thịt, chân, tay, để cùng nhau ăn thịt. Khi Quân-đội Liên-Hiệp-Quốc đi tìm kiếm người lính mất tích, đến nơi chỉ còn thấy một đồng xương... » Mình xem, cái chuyện có ghê không !

MÌNH ƠI !

— Không ghê.

— Không hả ? Trời Ơi ! Người ăn thịt người như thế mà Mình bảo không ghê, hả Mình ?

— Chuyện đó cũ rích rồi, em Ơi ! Từ khi có loài người sống trên mặt Đất, thì người ăn thịt người là chuyện rất tầm thường chẳng có gì ai-oán. Ở Việt-Nam ta trong lịch-sử không hề có ghi chép một vụ nào về tục ăn thịt người, nhưng trong Lịch-sử Trung-quốc, hồi đời Thương-Cổ đã có nhiều. Hẳn em còn nhớ chuyện nàng ĐÁT-KỶ là vợ vua TRỤ đã giết CỬU-

HẦU, lấy thịt làm mắm chứ ? Nàng còn giết NGỌC-HẦU lấy thịt làm nem và giết con trai của Văn-vương là BẢ-ẤP-KHẢO để lấy thịt nấu canh cho Văn-vương ăn ! Ở ROMA, dưới triều-đại truy-lạc của Hoàng-đế LUCIUS COMMODUS, (161 - 192 sau J.C.) những nhà quý-phái cũng mua những kẻ-tội-tử để ăn thịt. Họ xẻo những miếng thịt ở đùi và ở cánh tay, ghim từng ghim để nướng trên lửa và ăn ngon lành như chúng ta ăn thịt bò nướng vậy.

— Eo ôi !

— SAINT JÉRÔME, (321-420 sau J.C.) một vị Thánh của Gia-tô-giáo, có chép rằng năm 369 Ngài đi truyền giáo sang xứ GAULE (nước Pháp hồi xưa) Ngài có trông thấy « một lũ người Bretons đang ăn thịt bắp đùi của những người đàn ông Gaulois chân cừu, và ăn vú của đàn bà ». Đó là chỉ kể từ khi loài người đã vượt qua thời đại ăn lông ở lỗ, có thể gọi là đã văn-minh rồi. Còn hồi xưa hồi xưa, xưa thật là xưa, thời kỳ loài người chưa có chút xíu « văn minh », nào cả, thì sự người ăn

thịt người không phải là một « tin giật gân » như ngày nay đâu. Chắc Em còn nhớ một vài chuyện cổ tích như chuyện hung-thần bên Âu-châu (OGRES) chuyên môn ăn thịt con nít, như chuyện chàng ÁC LAI của Ấn-Độ chỉ thích ăn thịt người và một vài vị Thần Hy-Lạp ưa ăn thịt đàn-bà con gái.

— Nhưng ngày nay, loài người đã văn-minh, sao lại còn chuyện ăn thịt người nữa nhỉ ?

— Ngày nay văn-minh đâu đã tràn khắp hết năm Châu ! Hồi Thế-kỷ XIX, các nhà Sử học đã tính ra trên Quả địa cầu còn 5) TRIỆU NGƯỜI ĂN THỊT NGƯỜI : đó là những giống dân còn dã man ở TRUNG PHI CHÂU, nhất là ở ĐÔNG SOUDAN, ở MÃ-LAI, ở ÚC-CHÂU, ở vài đảo Thái-Bình-Dương, như NOUVELLES HÉBRIDES, NOUVELLE GUINÉE và ở Tây-bộ MEXIQUE Văn-minh càng tiến sâu vào các nơi rừng-rú hiểm trở, thì cái tục ăn thịt người được bỏ dần, nhưng chưa hết hẳn. Hiện nay, ở giữa Thế kỷ XX này, người ta tính ra trên trái đất này còn chừng HAI TRIỆU người ăn

thịt người, ở Trung-bộ Phi-châu, Tây-bộ Mỹ-La-tinh, và các vùng rừng núi thâm-u của vài hòn đảo Úc-châu, hầu hết là ở vùng nhiệt-đới. Trong các sách hồi-ký của các nhà thám-hiểm Âu-châu, còn ghi chép nhiều vụ ăn thịt người ở các nơi nói trên. Năm 1775, có 20 người trong đoàn thám-hiểm của JAMES COOK (người Anh), bị dân Papous bắt ăn thịt tại Tây-bộ Guinée Hollandaise, dọc theo sông Ewta. Năm 1887, hai thủy-thủ của chiếc tàu Pháp *Idaho* đi thám-hiểm ở cù-lao Aura (Nouvelles Hébrides), cũng bị dân Mọi ở đây giết chết, và ăn thịt. Những giống người chuyên môn ăn-thịt người ở các đảo này đều hoàn toàn còn dã-man, nhất là những giống dân ASMATS, MANNÉ, TJITAK, MAPPI, MANDOBOS, v. v... Thường thường người ta gọi chung là giống người PAPOUS. Các giống người này thường cắm trên đầu những lông con kết rừng, xanh đỏ, mặt họ bôi một thứ bột vỏ hến trộn với đất sét, than và mỡ heo. Dĩ nhiên là họ ở truồng, cả đàn ông lẫn đàn bà, hoặc chỉ

che sơ-sài bằng những sợi giây dúi.

— Nhưng tại sao những giống người ấy lại thích ăn thịt người thế, hả Minh ?

— Theo những cuộc điều-tra của các nhà thám-hiểm còn ghi lại trong các sách hồi-ký của họ, thì hầu hết các giống người ăn thịt người không phải vì lý-do « ăn ngon », hay vì đói, mà vì các tục mê-tín tôn-giáo, hoặc vì « vệ-sinh » và « sức khỏe ».

— Trời ơi ! Ăn thịt người mà « vệ-sinh » !

— Thí dụ như giống mọi da đen TUPINAMBAS ở một vùng núi khô-khan không có chất muối, chúng đi tìm bắt những người ở vùng đồng-bằng để ăn thịt, vì thịt người ở đây mặn, có chất muối. Giống mọi CHIRIGUANOS ở miền Cao-nguyên Bolivie cũng thế.

Còn tụi Mọi ở đảo NOUVELLES HÉBRIDES bắt người chỉ ưa móc hai con mắt và quả tim ăn cho đã, vì chúng tin rằng ăn con mắt và tim của địch-thủ thì mắt chúng được thêm sáng suốt và lòng dạ được thêm can đảm. Đó là một vị thuốc bổ. Cũng như nạng ĐẤT-KỶ, vợ

Vua TRU bên Tàu hồi xưa, ăn gan của Tử-Cang để hết bệnh đau bụng vậy mà ! Trái lại, giống dân ASMATS ở NOUVELLE GUINÉE, chỉ ăn cái đầu, còn cái xương sọ thì đeo trước ngực như cái mẽ-day vậy. Răng thì cột lại một chuỗi để cho đàn-bà đeo làm đồ nữ-trang. Tụi Mọi RHINDERWAS ở Tây-bộ Ấn-độ, mỗi lần cúng-tế vị Nữ-thần KALI của họ, họ phải giết những kẻ tạt-nguyên để ăn thịt, uống rượu rồi múa hát say sưa. Ở đảo SUMATRA (Indonesia) giống Mọi BAT-TAS có những tòa-án công-cộng kết tội làm thịt những người tù-binh, những kẻ trộm và những đàn-bà ngoại-tình. Thịt của thủ-phạm được dọn ra ăn ngon lành và các « quan-tòa » cũng chủ-tọa những buổi nhậu-nhẹt long trọng ấy. Có điều đặc-biệt, là luật-pháp của họ cấm phụ-nữ ăn thịt người. Không biết vì lý-do gì. Ở Mỹ-la-tinh, giống dân CAPAGNAGAS không bao giờ chôn người chết, vì sợ oan-hồn ma-quỷ sẽ về phá-phách. Cho nên họ có một phương-pháp « thủ-tiêu », những xác chết một cách giản-dị hơn cả, là đem vô

lửa nướng xác chết cho thật chín, rồi cả họ hàng làng-xóm đều xúm lại ăn ! Đừng nói đâu xa làm chi, ngay ở vùng Cao-nguyên Việt-Nam, các cụ ta kể chuyện rằng bọn Mọi « có đuôi », ở Núi ĐÁ-VÁCH, Cao-nguyên Quảng-Ngãi, hồi đời các vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị, vẫn rình bắt các người Việt đi đồn củi trên rừng, đem về sào-huyệt của chúng để làm thịt.

— Sao gọi là « Mọi có đuôi » ?

— Vì xương sống của chúng dài độ một đốt ngón tay ở nơi hậu-môn, như cái đuôi vậy. Tụi Mọi này bắt người Việt-Nam đem về núi cao hiểm hóc của chúng. Chúng nhốt trong một cái chum một vài ngày, rồi chúng nấu nước sôi đổ vào chum. Chúng để nửa tháng cho xác chết rục rồi đánh phèn la, đánh trống, thổi tù và kêu gọi cả làng Mọi của chúng, độ vài trăm đứa, tụ hội lại ăn...

— Ghê quá ! Em nghe em sợ quá, Mình ơi !

— Giống Mọi Waffi và Mam dobos ở Tây-bộ Guinée lại có một môn gia-chánh tế-nhị hơn. Tụi nó bằm thịt người nhét đầy trong các ống tre tươi, rồi d-

trên lửa. Chừng nào tre cháy đến nứt ra, tức là thịt người đã chín. Chúng nó ăn ngon lành như ta ăn nem vậy. Còn bọn Mọi MOM-BOTTUS ở Đông-Soudan, và Trung-bộ Congo, thì thích làm gỏi hơn là làm nem. Chúng đào một cái lỗ sâu độ một thước, đường kính độ 5 tấc. Bọn đàn bà kiếm những tảng đá bằng-phẳng nung trong lửa cho đến chừng nào đá đỏ hực thì họ hất xuống lỗ. Đàn ông thì xắt thịt người rồi bỏ thịt xuống lỗ, trên mặt những hòn đá đang cháy ấy và bỏ cả củ mì, khoai lang xắt nhỏ để trộn như ta trộn gỏi, rồi xúm nhau lấy những khúc cây thực xuống, quây thật lâu cho đều, lấy lá tú lên vài tiếng đồng hồ, đến khi nguội, thì bắt lên ăn. Tụi Mọi này cho rằng thịt người mà làm nem làm gỏi như thế, thì ngon tuyệt. Cho nên chúng nó có câu tục ngữ rằng : « *thịt của anh tôi cũng ngon bằng thịt con heo của anh tôi* ».

— Mình ơi, sao Mình kể những chuyện ăn thịt người mà em nghe bắt rùng mình ! Nhưng đó là chuyện đời xưa đấy chứ ?

— Chuyện hiện tại. Cái tin kinh-khủng mà em đọc cho anh nghe

lúc này, về vụ một người binh-sĩ của Đội-quân Liên-Hiệp-Quốc ở Congo bị bọn dân Baluba bắt sống để ăn thịt hôm vừa rồi, mà tất cả các báo trên Thế-giới đều có loan tin, chỉ là một trường hợp rất thường xảy ra ở xứ Congo, cũng như ở Soudan. Chứ em không nhớ các vụ ăn thịt người mà các báo đều có đăng ở Mỹ, ở Phi, và ở Nhật sao ? Năm 1957, một người nông dân ở WISCONSIN (Huê-Kỳ) đã ăn thịt 15 người đồng-hương của y ; năm 1952, 5 người tù vượt ngục ở VENÉZUELA đã làm thịt người thứ năm là người trẻ nhất để ăn cho đỡ đói vì trốn tránh trong rừng hoang lâu ngày. Cũng năm 1952, một người chủ tiệm ăn Maroc ở CASABLANCA đã nấu thịt người làm ra-gu dọn cho khách hàng ăn. Và mới năm 1960 đây, một người thợ Nhật-bổn đã bị bắt về tội ăn thịt người, các báo đều có đăng rõ ràng, chắc em còn nhớ chứ ! Nhưng đó là những trường hợp đặc-biệt, hi-hữu. Cũng như ở Hà nội, vào khoảng năm 1936-37, người ta đồn rùm lên rằng một tiệm ăn đất khách

nhất của Hoa Kiều ở phố Hàng Buồm đã làm thứ bánh-bao ngon nhất bằng .. thịt người !

— Hồi đó, Mình ở Hà-nội, chắc Mình cũng có ăn thứ bánh bao ấy phải không ?

— Lúc đầu có vài người bạn nghe nói bánh bao ở đấy ngon có rủ anh đến ăn, nhưng từ khi nghe dư luận đồn lên là bánh Bao ở đấy làm bằng thịt người, thì anh hết hồn biệt có dám bước chân tới tiệm ấy nữa !

— Ghê quá ta ! Lúc Mình ăn thứ bánh bao ấy, Mình có nghĩ thấy mùi thịt người không ?

— Không. Anh nghĩ là dư-luận đồn tào-lao, nhưng mặc dầu vậy, anh vẫn không dám đến ăn nơi tiệm Hoa-kiều ấy nữa. Dù sao, vụ người lính « Mũ Xanh » của Liên-Hiệp-Quốc bị dân Congo ăn thịt vừa rồi, chứng tỏ cho mọi người thấy rằng, tuy loài người đã rất văn-minh, nhưng cũng còn có những nơi rừng núi thâm u man rợ, mà người vẫn còn ăn thịt người ! Một nhà thám hiểm Anh kể chuyện rằng khi ông gặp một ông già Papou ở đảo Nouvelle Zélande, ông già mọi rợ này cứ rờ mó bụng ông và cánh tay của ông một cách thêm

thường khả nghi lắm. Ngày nay các nhà Địa-lý học cho rằng TRÊN TRÁI ĐẤT CÒN ĐẾN 2 TRIỆU NGƯỜI ĂN THỊT NGƯỜI nhưng văn minh sẽ tiến sâu lần lần vào các tạp quán ngu-muội, và qua thế kỷ sau chắc là sẽ tiêu diệt hết cái thêm thường dã man ấy. Trình độ kinh tế càng lên cao, đời sống vật chất càng dồi dào, lương thực đầy đủ cho mọi người, thì tự khắc người không còn ăn thịt người nữa. Nhà văn PRUDHON đã viết trong quyển *Contradictions Economiques* (1846) « Tính ăn thịt người, và lòng thương người như anh em, là hai thái cực của sự tiến-tiến kinh tế » (L'anthropophagie et la fraternité sont les deux extrêmes de l'évolution économique).

— Minh nói chuyện, làm em cứ sợ-sợ là ! Chắc từ nay em

không dám ăn bánh Bao ở các tiệm Hoa-kiều nữa.

— Anh thì anh nghi rằng không có thịt người trong bánh Bao nhưng có thịt chuột...

— Thật, hả Minh ?

— Vì có lần anh nhặt được một sợi lông chuột trong nhơn bánh Bao.

— Eo ôi !... Eo ôi !...

Bà Tú nhắm riết mắt và rút cổ lại, đưa hai tay ôm siết chặt ông Tú vào ngực bà, như mỗi lần bà trông thấy một con Chuột chạy ngang qua phòng...

Bà cứ lẩm-bẩm trong miệng, không dám nói to :

— Eo ôi ! Eo ôi !...



★ TIẾT KIỆM

Con của nhà triệu phú. — Với chiếc xe hơi mới của con, con tiết kiệm được 10 phút trong chuyến đi Cáp vừa rồi.

Cha. — Vậy chớ con làm được gì trong 10 phút ấy ?

LIÊU-CHÁNH-QUÍ

LOUIS LUMIERE



★
NGƯỜI
ĐÀ
PHẬT
MINH
RA



★
Cinéma

CẬU HỌC TRÒ CHỤP HÌNH

CÁC bạn thích xem chớp bóng, các bạn thuộc gần hết tên tuổi các đạo kép màn ảnh từ trước đến giờ, nhưng các bạn có biết Nghệ thuật Chớp bóng đã xuất hiện trên nền Văn minh nhân loại từ hồi nào, năm nào, ngày nào không? Và ai là người đầu tiên đã phát minh ra nghệ thuật xi-nê? Một nghệ-thuật lại vừa là một khoa-học tối tân, và một kỹ-nghệ càng ngày càng phát-triển phi-thường.

Tôi xin ghi vào đây những ngày tháng lịch-sử của Cinéma, để rồi sẽ xin nói đến những bước đầu của Khoa Chớp Bóng đã làm kinh-ngạc cả Thế giới từ phòng tối dưới hầm một tiệm cà-phê ở Paris hồi cuối Thế-kỷ XIX. Và bậc nhân tài đã phát minh ra nghệ-thuật ấy là một người thợ chụp hình mới 31 tuổi!

✱ Cấp-bằng phát-minh Cinéma được Hàn-lâm-Viện khoa-học

Pháp chính thức nhìn nhận, cấp ngày 16.11-1895 (nghĩa là cách nay 66 năm).

✱ Buổi chớp bóng đầu tiên cho công chúng xem, dưới hầm tiệm Grand Café ở Đại lộ Capucines, Paris : ngày 28-12-1895.

● LOUIS LUMIÈRE, người phát-minh ra Cinéma, đã chết ở Pháp năm 1948, cách nay mới 13 năm, thọ được 84 tuổi. (Ông sinh năm 1864).

THÂN-sinh của ông, tên là ANTOINE LUMIÈRE, người Pháp, có 5 người con mà hai người con trai đầu lòng, anh tên là AUGUSTE LUMIÈRE, em là LOUIS LUMIÈRE. Nguyên làm nghề thợ mộc, nhà nghèo, ông Antoine hồi 14 tuổi đã mồ côi, lên Paris kiếm việc làm và học nghề chụp hình, vì nghề chụp hình do Niepce và Daguerre vừa mới phát-minh được công chúng nhiệt liệt hoan nghênh, và phong trào chụp hình đang rất thịnh hành ở Âu-Mỹ. Hai mươi tuổi đã lành nghề, Antoine cưới vợ, cô JEANNE JOSÉPHINE COSTILLE, rồi hai vợ chồng

son dất nhau đến ở thành phố Lyon (Pháp), mở tiệm chụp hình. Đồng khách hàng, nhưng không đủ tiền sở hụi, ông Antoine nhờ có tiếng hát hay, phải xin làm ca-si tại một rạp hát để kiếm thêm tiền, Dành giùm được một số vốn kha khá, lại nhờ được nhiều phần thưởng trong các cuộc triển lãm nhiếp ảnh, năm 1875 ông tậu được một ngôi nhà rất đẹp ở Lyon, và xây cất ngay bên cạnh nhà một phòng nhiếp ảnh riêng biệt. với ý chí mở-mang rộng lớn thành một kỹ-nghệ mới.

Chính nơi đây hai cậu con trai của ông, Auguste et Louis Lumière, bắt đầu làm quen với nghề nhiếp ảnh. Hằng ngày cặp vợ đến trường, hai anh em đều có khiếu đặc biệt về Toán và Vẽ, và cùng giỏi cả về hai môn này. Về nhà cả hai đều thích xem cha chụp hình cho khách hàng và rửa hình trong buồng tối. Auguste 16 tuổi, Louis 14 tuổi, đã thành những tay thợ chụp hình rất tinh xảo.

Trong một kỳ nghỉ hè năm 1880, cậu học sinh Louis Lumière, 16 tuổi, đã nghĩ cách làm tiền các nhà du lịch đến thăm thành

phố Lyon. Cậu chế ra một phương-pháp nhiếp ảnh mới, gọi là « Chụp hình theo kiểu Nhật Bản » : Một phòng tối có 12 ống kính nhỏ, chụp ngay được một lúc 12 tấm ảnh positif 15 ly, lấy ngay được liền trong mấy phút đồng hồ. Giá tiền 12 tấm chỉ 2 đồng francs.

Lúc bấy giờ, các hiệu ảnh ở Pháp còn phải mua kính-thuộc ảnh (plaques) của nhà kỹ sư Menkhoven ở Belgique (Bỉ). Hai anh em Lumière bàn tính riêng với nhau phải làm sao chế tạo ra kính ảnh để khỏi mua của nước ngoài. Mười tám tuổi, Auguste phải nhập ngũ, một mình Louis ở nhà vừa đi học vừa nghĩ ra phương-pháp khoa-học chế-tạo loại kính nhạy hơn. Và Louis Lumière đã thành công, nghĩa là đã làm ra được những tấm kính khô có chất *gélatine bromure d'argent*, nhạy hơn và bền hơn những tấm kính của nhà kỹ sư Menkhoven.

Ngay trong nghề chụp hình, và mới 17 tuổi, cậu học trò LOUIS LUMIÈRE đã tỏ ra một trí óc phát-minh kỳ tài. Nhờ cậu con trai, tiệm Nhiếp ảnh Lumière của ông bố đã mở được

một nhà máy lớn sản xuất và bán ra thị trường Âu-châu những tấm kính thuốc ảnh mới, rất tốt và các thứ giấy, các thứ thuốc dùng rửa ảnh và in ảnh.

Đến khi Auguste được giải ngũ, hai anh em lại cùng nhau mở mang kỹ nghệ nhiếp ảnh càng ngày càng phát đạt, do ông thân sinh cai quản.

Hai anh em Auguste và Louis Lumière kết hôn với hai chị em Marguerite và Rose Winckles, con gái của một nhà kỹ-nghệ giàu. Hai người em ruột của hai cô

này lại kết hôn với hai cô em gái của Auguste và Louis.

Bốn gia-đình cột kèo ở chung với nhau rất là êm đềm thuận thảo, và nhờ sự đồng tâm hiệp lực của họ giúp đỡ lẫn nhau mà sự nghiệp của Auguste và Louis Lumière được phát triển mạnh mẽ.

Về sau, ông Antoine Lumière giao lại cả xí nghiệp lớn lao cho hai người con trai, và ông du lịch an nhàn các nước cho đến khi ông chết, năm 1911.

CINÉMA ĐÃ PHÁT-SINH TRONG MỘT ĐÊM KHÔNG NGỦ

MỘT vấn đề cứ khiến Louis Lumière băn khoăn suy nghĩ mãi : Có THỂ LÀM THỂ NÀO CHO CÁC HÌNH ẢNH LINH ĐỘNG ĐƯỢC KHÔNG ? Trong 14 năm trời, với trí thức hóa học mà ông đã hấp thụ được ở Trường Trung học « La Martinière » ở Lyon, Louis Lumière cứ tìm cách cải thiện nghệ thuật nhiếp ảnh. Trước đó

năm chục năm, một nhà vật-lý-học ở Belgique, JOSEPH PLATEAU đã chế ra được một cái máy gọi là « phénakisticope ». Một đĩa tròn bằng các-tông cứng, chung quanh mép bìa có đục một vòng lỗ. Trên mặt bìa vẽ các thứ hình nhỏ. Để đĩa ấy trước một tấm kiến, rồi xoay tròn cái đĩa chung quanh trung tâm của nó, và ngó vào vòng lỗ thì thấy trong tấm kiến các hình nhỏ kia linh động.

Nhà Bác học Mỹ, THOMAS EDISON, cũng có chế ra một kiểu máy tương tự, gọi là « Kinetoscope », Nhà Bác học Pháp, EMILE REYNAUD, sáng chế một « Graxinoscope » đại khái cũng như hai cái kia. Theo nguyên tắc trên, LOUIS LUMIÈRE quyết tìm cho ra phương pháp làm cho hình ảnh linh động trên một bức màn vải.

Mãi đến một đêm cuối năm 1894, Louis Lumière vì bị cảm nên không ngủ được. Chính đêm thao thức trằn trọc ấy, ông đã nghĩ ra một kiểu máy có đủ khả năng thực hiện điều ông thường mơ tưởng. Ông đã phát minh được máy CINÉMATOGRAPHE.

Lập tức, sáng hôm sau, cái máy Chớp Bóng đầu tiên được làm tại xưởng Chụp hình Lumière.

Ngày 13-2-1895 Louis Lumière đem trình tòa để lãnh cấp bằng chế tạo. Ông mới 31 tuổi.

Chín tháng sau, ngày 16-11-1895, ông trình cái máy trước Hàn-lâm-Viện khoa-học Pháp, nhóm tại trường Đại-học Sor-

bonne. Toàn thể Hàn-lâm-Viện đều hết sức ngạc nhiên và rất thỏa thích được xem Louis Lumière chớp thử một cuộn phim trên vách tường của Viện Đại học.

Ngày 28-12-1895, Louis Lumière tổ-chức buổi chớp bóng đầu tiên cho công chúng coi, bán vé mỗi người là 1 đồng franc, trong một Phòng tối dưới hầm tiệm *Grand Café*, 14 Đại lộ Capucines thủ đô Paris. Đề tài phim là một buổi tan sở của 800 thợ trong hãng Lumière. Cuộn phim có 900 cái hình, độ 18 mét bề dài và 35 ly bề rộng. Những lỗ thủng hai bên bìa phim cách khoảng nhau 20 ly. Mỗi cái hình chiếu ra tia sáng trên bức màn trong 2/45 giây đồng hồ.

Mặc dầu quảng cáo rầm rộ « Cinématographe Lumière » ở ngay giữa kinh đô Paris, buổi chớp bóng công khai đầu tiên ấy chỉ bán được 35 cái vé, tổng cộng 35 đồng. Tất cả số khán giả chỉ có 35 người, không hơn, không kém 1. Vì công chúng chưa biết cinéma là gì cho là một trò chơi con nít hoặc là trò quỳ-thuật lãng-nhãng.

Một giai thoại rất tức cười, là chính 35 người hiểu kỳ đi

xem thử buổi chớp Cinéma khai trương lần thứ nhất ấy, lúc đầu vẫn chưa tin là sự thật. Họ tưởng rằng đó là một trò quỷ thuật bịp bợm do một mảnh lời bí mật nào đó làm mà con mắt của họ. Hay là một kiểu « đèn kéo quân » của người Tàu chăng ? Nhưng ngồi xem một lúc cuộn phim « *giờ tan sở của Thợ thuyền hãng Lumière* », khán giả nhìn thấy rõ ràng nhiều mặt quen trong đám thợ của hãng Lumière và rõ ràng là đám thợ mần giờ làm việc đang đi, nói, cười, vui vẻ rộn rịp từ trong sân hàng kéo ra cổng, rồi đi về tận mác hai bên đường phố. Đến khi một chiếc xe ngựa do hai con ngựa kéo từ trong sân chạy ra, tất cả 35 khán giả đều hoảng hồn đứng dậy né ra một bên phòng, tưởng chiếc xe ngựa chạy thẳng tới họ. Không khác nào ngày nay các em bé được mẹ ẵm đi coi xi-nê, thấy chiếc xe

hơi trên màn ảnh chạy vụt tới em, em hoảng hồn ré lên khóc, và úp mặt vào vú mẹ, không dám ngó lên màn ảnh nữa...

Buổi chớp bóng dưới hầm tối tiệm cà phê đường Capucines và phim « *giờ tan sở của Thợ thuyền hãng Lumière* », đã hiến cho 35 vị khán giả đầu tiên của Cinéma một hứng thú mới lạ và nồn-nao rạo-rực vô cùng. Tiếng vỗ tay khen ngợi nổ dậy trong phòng không ngớt...

Kỳ sau tiếp :

- Những phim xi-nê đầu tiên.
- Những lời phê bình đầu tiên của Báo chí Pháp.
- Cinéma từ Pháp, truyền sang Espagne, Anh, Belgique, Suède, Đức, Ý, Mỹ.
- Cả Thế-giới xôn-xao và nhiệt liệt hoan hô Nghệ thuật thứ bảy.

TÂN PHONG



Sầu Xuân



Đêm về man-mác thoảng hương hoa
Đổi bóng nghinh xuân hồ phận ta.
Thân đã ngộ-ngàng ăn đất nước
Đời còn đồn-dập sóng đào ba.
Đường mây vất-vã, tay hoàn trắng
Gió bụi long-đong, tóc trở ngà
Biết mấy xuân rồi ôm mộng ước
Xuân hòa trong gió khúc hoan-ca.

VÕ-HUYỀN-TRÂN



m ộ t

Cách một giong sông, một đoạn cầu
Ta, người, cùng giống hận thương đau
Phân chi tổ-quốc, xây nên một
Nghe nước thề non giữ một màu ?



Đất mẹ ngàn xưa lặng mãi trông
Đó, đây, cách trở cháu Tiên-Rồng
Lạ gì ngôn-ngữ, màu da tóc
Yêu nước, ta, người, có khác không ?

CHIỀU-THIÊN-THƯƠNG
(An-Giang)

NHỮNG ÂNG THƠ HAY

• Bức tranh quê

CHIỀU BA MƯƠI TẾT

Trời lún phún mưa xuân, đường
các ngõ

Lầm những bùn và đây những
người đi.

Trong vườn đào đã nhiều bông
nở đỏ

Và đã nhiều nêu dựng khánh
khua thi.

Và rất nhiều ông già ngồi lau
quét

Trước bàn thờ thành kính thấp
tuần nhang.

Trong khi ấy tiếng lợn kêu eng
éc

Khắp xóm làng lẫn tiếng chửi
nhau vang.

Trên sông nước trong khoang
thuyền chở vịt,

Giữa bọn người về tết chuyện ba
hoa,

Một lũ khách lạnh-lùng ôm khăn
gói,

Mắt mơ-màng theo tiếng pháo xa
xa.

ĐÊM BA MƯƠI TẾT

Trời tối quá ! Bên ngoài trời tối
quá !

Những cây nêu tiếng khách khê
khua thềm,

Những cung vôi trong sân như
mờ xóa,

Những giấy điều trước cửa dán
đen thẫm.

Quanh bếp ấm, nồi bánh chưng
sùng sục,

Thằng cu con rụi mắt cố chờ ăn.

Đĩ nhón mớ chiếc váy sồi đen
rúc.

NHỮNG ÂNG THƠ HAY

Bà lão năm tính tuổi sắp thêm
năm.

Bỗng tiếng pháo deton xa nổ,
báo

Ngoài đình trung làng đã tế giao-
thừa.

Cả nhà vội giặt mình không ai
bảo

Cùng đứng lên thăm bánh chín
hay chưa.

Ngoài đường ngõ bùn lầy theo
nước chảy,

Thằng cu con quần đỏ cưỡi
lưng bà.

Các cô gái đội vòng hương ô
váy,

Miệng tươi cười mừng tuổi
những người qua.

ANH-THO

NGÀY TẾT

Trước cổng làng chòm nêu vừa
thức gió,

Bụi mưa phùn đã đổ xuống sân
vội.

Tràng pháo chuột đua nhau đi
đeton nổ,

Xác giấy hồng bản cả cánh hoa
rơi.

Trong nhà đồ bàn thờ nghi-ngút
khỏi,

Những đàn-bà tíu-tít chạy bùng
mâm.

Lũ con trẻ vui mừng thay áo
mới,

Bên ông già hương nến quá
chuyên tâm.

BA bài thơ trên đây rút
trong tập thơ *Bức Tranh*
Quê của nữ-sĩ ANH THO, đã
được giải thưởng khuyến khích
của Tự-Lực Văn-Đoàn, do nhà
Đời Nay xuất bản năm 1941.

Ba bài thơ, mà cũng là ba bức
tranh tả cảnh tết ở miền quê Bắc-
Việt.

● Bài thứ nhất tả cảnh người
quê sửa soạn đón xuân về. Ngay
trong bốn câu đầu, cái không khí
tết ở thôn quê đã được gọi ra
khá đầy đủ với mưa xuân lất-
phất, đường ngõ lầy bùn, hoa đào
đua nở và khánh sành khua động
trên nêu cao.

Trong đoạn thứ hai, không khí
vật trở nên tưng bừng rộn rịp với
những bàn thờ khói hương nghi-
ngút, với tiếng lợn bị chọc tiết
kêu eng-éc họa cùng :

*Khắp xóm làng lẫn tiếng chửi
khua vang.*

Những « tiếng chửi nhau vang » ấy là tiếng cãi lộn do những đám đòi nợ tất niên, một nét đặc biệt của cảnh Tết nơi thôn dã. Một cảnh chiều ba mươi « nợ hỏi út mù » khiến xưa kia nhà nho Nguyễn-Công-Trứ đã có lần bực tức muốn « co cẳng đạp thằng bần ra cửa » ! (1). Giữa lúc mọi người chăm lo sửa soạn đón tết ấy, giữa lúc những người đi xa vội vã trở về nhà cho kịp đón giao-thừa, lòng người lữ - thứ không khỏi se lại khi nghĩ đến cảnh gia-đình êm ấm thân yêu :

*Trên sông nước trong khoang
thuyền chở vợ.*

*Giữa bọn người về tết chuyện ba
hoa,*

*Một lũ khách lạnh-lùng ôm khăn
gói,*

*Mắt mờ-màng theo tiếng pháo xa
xa.*

Cảnh khép lại, nhưng tình đã được gợi ra trong hai câu cuối tràn trề cảm-xúc.

● Bài thứ hai tả cảnh đêm ba mươi tết. Cái đặc biệt của đêm ba mươi tết là cảnh đen tối lạnh-lẻo bên ngoài tương phản với cảnh

sáng sủa, ấm cúng, xum họp trong nhà. Anh Thơ đã thành công, vì đã làm nổi bật được cảnh tương phản ấy.

Mấy câu tả cảnh trong đêm tối thật là khéo :

*Trời tối quá ! Bên ngoài trời tối
quá !*

*Những cây nêu tiếng khánh khẽ
khua thăm,*

*Những cung vôi trong sân như
mờ xóa,*

*Những giấy điều trước cửa dán
đen thăm.*

Trong đêm đen dày đặc, tiếng khánh « khẽ khua thăm », những cung vôi trắng toát trong sân chỉ còn lờ-mờ như bị xóa và những giấy điều dán cửa chỉ là những miếng thăm đen. Phải có trí quan sát tinh vi mới nghe và nhìn được đúng như vậy.

Bên ngoài càng lạnh-lẻo thì trong nhà càng ấm áp. Cái thú của đêm ba mươi tết ở thôn quê

(1) *Chiều ba mươi nợ hỏi út mù, co cẳng đạp thằng bần ra cửa ;*

Sáng mồng một rượu say túy lúy, giờ tay bồng ông phúc vào nhà.

(Nguyễn-Công-Trứ — Câu đối Tết).

là cái thú cả gia-đình vây quanh bếp lửa ấm, ngồi cạnh bánh chưng, đợi giao-thừa. Và nỗi mơ ước của người quê mới dễ-dàng, giản-dị làm sao :

*Quanh bếp ấm, nôi bánh chưng
sùng sục,*

Thằng cu con dụi mắt cố chờ ăn.

*Đi nhón mớ chiếc váy sồi đen
rức,*

*Bà lão năm tính tuổi sắp thêm
năm.*

Rồi giao-thừa chợt đến trong tiếng pháo nổ ran hàng xóm. Cả nhà không ai bảo ai cùng đứng lên một lượt như cùng bị xúc động bởi giây phút thiêng liêng :

*Bỗng tiếng pháo deton xa nổ,
báo*

*Ngoài đình trung làng đã tế
giao-thừa.*

*Cả nhà vội giật mình không ai
bảo*

*Cùng đứng lên thăm bánh chín
hay chưa.*

Đọc câu :

*Bỗng tiếng pháo deton xa nổ,
báo...*

Ta như nghe thấy tiếng pháo nổ ran ran rộn-rã và cuối cùng chấm dứt bằng mấy tiếng rìi-rạc

lẻ loi.

Đặc điểm của Anh Thơ là chỉ tả những cái tai nghe mắt thấy mà không thêm cảm nghĩ của mình, mặc cho sự việc tự nó gợi cảm lấy.

● Trong bài thứ ba, bằng vài nét đơn sơ, tác-giả đã phác họa ra cảnh tết tung bừng vui vẻ ở thôn quê với những chi tiết khá đầy đủ. Đoạn đầu tả cảnh ngoài sân, có những câu khá đặc sắc :

*Trước cổng làng chòm nêu vừa
thức gió,*

*Bụi mưa phùn đã đổ xuống sân
vội.*

Những chữ « thức gió » và « đổ » là những chữ đáng khuyên son.

Đoạn thứ hai tả cảnh trong nhà, có những nhận xét rất đúng như « đàn bà tíu-tít chạy bưng mâm », « con trẻ vui mừng thay áo mới » và « ông già hương nến quá chuyên tâm ».

Đoạn thứ ba tả cảnh ngoài đường xóm lũy lợ với những hình ảnh rất linh động như :

*Thằng cu con quần đỏ cưỡi lưng
bà.*

Và :

NHỮNG ÂNG THƠ HAY

Các cô gái đội vòng hương
ôm váy,

Miệng tươi cười mừng tuổi
những người qua.

Tôi khuyên mấy chữ « cười
lưng bà » và « đội vòng hương
ôm váy » vì giá trị gợi hình của
chúng.

Nhiều người chê thơ Anh-
Thơ khách quan quá nên ít rung
cảm. Cả đến Hoài-Thanh cũng
cho là « Anh-Thơ không nhà
quê một tí nào. Anh-Thơ là một
người thành-thị đi du ngoạn,
nên chỉ thấy cảnh quê... Anh-
Thơ có khi nhìn cảnh không
mến cảnh v...v... » (1) Tôi thì tôi
nghĩ trái lại rằng : Một người
không yêu cảnh quê không thể
nào có được cái nhìn tinh tế, đi
sâu vào cảnh vật tỉ mỉ như thế,
và phải trải qua bao nhiêu rung
cảm mới có được cảm-xúc
mà đạt tới mức khách quan truyền
cảm như Anh-Thơ.

Song lẽ ta phải thành thực nhận
rằng tác giả Bức Tranh Quê tuy
có tài quan sát tinh tế, nhưng còn
hơi non nớt về kỹ-thuật và tỏ ra
phần nào dễ dàng câu thả trong
cách dùng chữ đặt câu ! Đã thế,
trong suốt cả tập thơ, cô dùng

toàn một lối thơ tám chữ và lồng
mỗi bài thơ vào một khuôn
khô nhất định (3 đoạn 12 câu). Về
thế, toàn tập thơ có một vẻ đều
đều buồn tẻ ; và nhiều câu — cho
được đủ số chữ hạn định — đã
mắc lỗi rườm rà, trong khi nhiều
câu khác lại mơ hồ tối nghĩa. Tôi
xin đan cử một thí dụ :

Trời tối quá ! Bên ngoài trời
tối quá !

Mặc dầu tác giả nhắc đi nhắc
lại mấy chữ « trời tối quá », ta
vẫn không ý niệm được trời tối
như thế nào, vì đó chỉ là những
lời « nói » suông không « tả » gì hết !
Tác giả đã phải dùng mất tám chữ
mà không tả được cái « tối như
mực » của đêm ba mươi, nếu
không có mấy câu sau tả cảnh đặc
sắc.

Anh Thơ dường như cũng nhận
thấy nhược điểm ấy sau khi cho
ấn hành Bức Tranh Quê, nên cô
đã thay đổi lối viết cùng cách
trình bày trong tập thơ sau. Tập
này lấy nhan đề là *Thị Thành*, vì
đề tài ngược hẳn với Bức Tranh

« Thi-nhân Việt-Nam » của
Hoài-Thanh và Hoài-Chân, xuất
bản lần đầu năm 1942.

NHỮNG ÂNG THƠ HAY

Quê và cũng thiên về tả cảnh,
nhưng không quá khách quan và
không hạn chế số câu số chữ như
tập trước. Tập này đang viết dở
thì cuộc chính biến 1945 xảy ra
nên tác giả ngừng lại. Vì làm
được bài nào tác giả lại đưa cho
tôi xem đề hỏi ý kiến, nên tôi còn
nhớ được ít câu : Vẫn cái trí
quan sát tinh tế đáng khen như ở
Bức Tranh Quê. Chẳng hạn như
tả cảnh « Sáng hè » ở thị thành,
tác giả đã ghi rất đúng :
Mái ngói nhà ai nắng lợp đều.



Trước khi chấm hết, tôi tưởng
cũng cần nói thêm rằng : Sở dĩ
tôi chọn ba bài thơ trên để phê
bình không phải vì mấy bài này là

những bài đặc sắc hơn cả trong
thi phẩm *Bức Tranh Quê* mà chỉ
vì tác giả đã nhận xét đúng và ghi
lại khá đầy đủ những nét đặc biệt
về cảnh Tết ở thôn quê Việt-Nam
một cảnh mà tôi rất ưa mến, nhưng
hiện đang mất dần thi vị cùng tính
chất dân tộc thuần túy vì tập tục
và nếp sống của nhân dân đã đổi
thay nhiều qua các cuộc chính biến
lớn lao.

Tôi tin rằng rồi đây những bài
thơ tả cảnh quê của Anh-Thơ
sẽ được người sau gìn giữ như
những tài liệu quý báu về phong
tục và nếp sinh hoạt của một thời
đại.

Giá trị Bức Tranh Quê phần lớn
chính là ở chỗ đó.

Xưởng cửa máy NAM-HƯNG

190 Đại-lộ Nguyễn-văn-Học

(Cầu Bông-Ky) GIA-ĐÌNH

Chuyên môn mua bán các sắc gỗ sặc,
gỗ xẻ đủ cỡ để kiến-trúc.

— Bán sỉ và bán lẻ. Giá phải chăng.



Chủ-nhân sẵn sàng phục-vụ quý-vị khách hàng.



TRUYỆN DÀI NGOẠI QUỐC
RÚT NGẮN 4 KỲ ĐĂNG HẾT



Người lữ hành
C Ô Đ O C
(l'homme qui
voyagea seul)

Constant-Virgil Gheorghiu

★ HOÀNG-THẮNG lược-dịch

(Tiếp theo P.T. 51)

Tám ngày sau khi viết chúc-thư, vào hồi hai giờ sáng, mọi người xuống tàu. Đoàn thủy thủ gồm có 44 người. Viên chỉ huy mới có 28 tuổi nhưng lại là người già nhất bọn. Giường ngủ đặt dọc theo thân tàu và có nhiều tầng nom giống như những ô đựng sách. Trong lòng tàu ngăm rất hiểm chỗ rộng nên nơi nằm ngủ của người lính cũng hẹp, khi đã nằm ngủ thì không trở lưng được và

cũng không đủ chỗ để ruỗi thẳng chân. Khi chưa tới lượt mình làm việc, mọi người phải luôn luôn nằm trên giường để dành chỗ đi lại cho rộng rãi. Đường-khi được dành trong những ống bằng thép và được thả ra điều đặn bởi những vòi nước để cho 44 người thở. Mọi người đều mặc quần áo bằng da và đi ủng cao xu.

Chiếc tàu ngăm có nhiệm vụ, khi trời hừng sáng thì lặn sâu xuống nước và nếu nghe thấy có

NGƯỜI LỮ HÀNH CÔ ĐỘC

tiếng động cơ của tàu địch thì nó bắn ngư-lôi vào tàu địch. Khi chiều tối, nếu không có tàu địch hoặc không có trăng, chiếc tàu ngăm lại trôi lên mặt nước chạy như những tàu nổi cho tới sáng để rồi lại lặn sâu xuống nước.

Đêm đầu tiên, chiếc tàu ngăm không nổi lên mặt nước để tránh sự dòm ngó của gián-điệp nơi hải-cảng. Hôm sau, chiếc tàu vẫn lặn sâu dưới nước. Mọi người đều ăn đồ hộp và uống cà phê lạnh. Khi tàu lặn, tuyệt đối cấm dùng lửa cũng như hút thuốc lá. Chỉ một tia lửa nhỏ cũng đủ làm cho tàu nổ tung. Traian được xem phong cảnh dưới biển sâu qua một chiếc cửa kính. Anh thấy nước biển đen như mực, ngoài ra anh không nhìn thấy gì cả. Ánh sáng mặt trời không đủ soi sáng dưới sâu,

Đêm thứ nhì chiếc tàu nổi lên mặt nước. Từng người thủy thủ một được lên boong tàu, tha hồ hút thuốc lá. Trong lúc đó mọi người khác vẫn phải nằm trên giường để chờ đợi tới lượt mình. Traian được viên chỉ huy cho hay " Nếu gặp trường hợp báo động, trong 30 giây thì tàu phải lặn ngay, như vậy không đủ thì giờ chờ đợi mọi người chui xuống tàu được ". Chiếc tàu

ngăm nếu bị tấn công chỉ còn có cách là lặn vội xuống nước sâu mà thôi. Khi tàu lặn, những luồng sóng của máy phát thanh không thể thâm nhập vào được. Muốn bắt liên lạc với nơi tổng chỉ huy hoặc nhận mệnh lệnh, chiếc tàu lặn phải trôi lên mặt nước. Như vậy cuộc chiến tranh dưới biển sâu luôn luôn đều đều, mệt nhọc, buồn nản. Mỗi ngày, mỗi giờ người ta chỉ có làm một việc.

Sau năm ngày hoạt động, mọi người chợt nghe thấy có tiếng động mạnh trên đầu, giống như tiếng hòn đá cuội ném vào mặt kính vậy. Đó là những tiếng bom nổ do phi cơ Nga ném xuống. Tiếng bom nổ không ngớt trong vòng nửa tiếng đồng hồ rồi ngưng bặt. Mọi người thở phào yên tâm, nhưng chỉ ít phút sau lại có tiếng tàu chiến chạy tới. Lần này chiếc tàu ngăm phải lặn thật sâu xuống, tắt hết máy, im lặng. Cả con số 44 người cũng im lặng. Tất cả cùng chú ý lắng nghe những tiếng nổ kinh hồn trên đầu. Một trái bom nổ trúng vỏ tàu. Mọi người sợ hãi ngước nhìn nơi bị rung chuyển, rồi lại ngước nhìn bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh đặt nơi bàn của viên chỉ huy. Rồi mỗi lần có tiếng bom-nổ, họ lại ngước nhìn nơi trần chiếc tàu để rồi sau

đó lại nhìn bức tượng.

Sau một hồi phóng ngư lôi tới tấp đoàn tàu Nga bỏ đi. Mọi người tưởng thoát nạn thì họ lại nghe thấy tiếng chuông trở lại. Lần này may mắn chiếc tàu không bị đe dọa nữa vì, sau một hồi quần trên mặt nước bọn chúng đã bỏ đi. Lúc đó vào khoảng 4 giờ chiều. Người đầu bếp rí tai từng người xem có cần ăn uống gì không nhưng tất cả đều lắc đầu kêu không đói.

Lúc này Traian mới biết rõ đời sống của người lính thủy dưới tàu ngầm. Nếu chiếc tàu chẳng may bị hư hại, không thể nổi lên được tới mặt nước, mọi người chỉ còn khoanh tay chờ cái chết tới lần lần khi mà kho dự trữ dưỡng-khí hết dần.

Ngay lúc đó lại có tiếng tàu địch chạy tới, rồi những tiếng bom nổ. Chảo chảo nơi chứa dầu của chiếc tàu ngầm bị hơ, dầu nổi lên mặt nước và tổ cáo nơi ăn núp của nó. Lần này bom nổ đến như pháo Tết. Traian ngược nhìn viên chỉ huy cùng những thủy thủ. Mọi bộ mặt đều bình thản đến lạnh người. Không ai muốn chờ đón cái chết quá ư lâu đến muốn phát điên. Riêng Traian, anh cũng cảm thấy như vậy. Lúc đầu anh cũng có sợ, nhưng con người không thể chờ chết trong sự sợ hãi kéo

dài được nên anh cũng bình thản chờ đợi nó đến, hiên ngang như một kẻ sắp bị xử-tử, tay chới chặt, mắt bịt băng kín, chỉ còn chờ đợi một loạt đạn nổ để kết liễu cuộc đời. Nhưng cái chết đã không đến nữa... khi mọi người được viên đội cho hay tàu phóng ngư lôi của Nga đã bỏ đi. Không bao giờ chúng tôi chịu sống cho tới khi hết lương thực, hết dưỡng-khí. Không ai có thể chịu đựng được khi người này nhìn thấy người khác chết. Chúng tôi sẽ chết tập thể bằng cách tự phá hủy tàu.

Tám-rưỡi tối, trời tối đen như mực, viên chỉ-huy hạ lệnh cho tàu nổi lên. Giây thần kinh mọi người đều căng thẳng, một là sống hai là chịu chết ngạt dần dần. Nhưng đến khi chiếc tàu đã nổi lên bình bình trên mặt nước rồi thì mọi người cũng không cảm thấy xúc động. Năm giờ đồng hồ chờ đợi cái chết, giờ đây được sống lại, mọi người vẫn chưa hết bần thần. Có nhiều người nghiền thuốc lá mà cũng không muốn lên boong tàu để hút. Matasi cũng chỉ hút được nửa điếu là vứt bỏ xuống biển. Anh có cảm tưởng như mình đã chết và giờ đây sống lại.

Viên thuyền trưởng cho hay hay phải cho tàu vào cảng Sé-

bastopol để sửa chữa lại. Ông khuyên Traian đừng bao giờ nên xuống ở một chiếc tàu ngầm nữa.

— Tôi có thể nói đề anh được rõ số phận mọi người khi mà chiếc tàu không còn nổi lên được nữa: Không bao giờ chúng tôi chịu sống cho tới khi hết lương thực, hết dưỡng-khí. Không ai có thể chịu đựng được khi người này nhìn thấy người khác chết. Chúng tôi sẽ chết tập thể bằng cách tự phá hủy tàu.

Viên chỉ huy nói thêm : « Những người lính lục-quân có thể bắn tới viên đạn cuối cùng, sau đó bằng lưỡi lê, bằng súng. Riêng những người ở trong tàu ngầm phải chết trước quân thù bằng cách khoanh tay. Bởi thế muốn trở thành một người thủy thủ tàu ngầm thật rất khó khăn ».

CHIẾC tàu ngầm tiến vào hải cảng Sébastopol. Thành phố giống như một chiếc pháo đài rộng lớn, hiện do lính Đức chiếm đóng. Phải mất nửa ngày mới sửa xong chỗ hư hại trên tàu. Traian đặt chân lên đất liền một cách trịnh trọng. Khi người ta từ

biển lên, nhất là từ dưới biển lên, đất đối với họ quý hết sức.

Traian vào trong thành phố một mình. Tất cả đều bị phá hủy. Anh lại nhìn thấy những chiếc xe cút-kít như anh đã gặp nơi đồng cỏ hoang miền Ukraine và Nogay, cũng vẫn những người Nga di-cư với bộ mặt xám-xịt, những bộ quần áo màu xám, những đôi ủng bằng cao xu. Họ tiến về phía bờ biển Crimée để tránh chiến tranh những chiến tranh đã theo kịp họ tới đây. Ở Sébastopol, họ ngủ trong những đồn canh đồn nát, nhưng rồi họ cũng không được ở đây nữa vì lính Đức sắp cho nổ tung hết những chiếc đồn đó.

Traian trở về hải-cảng. Anh nghĩ một khi trở lại Constantza, anh sẽ không bao giờ đi đâu nữa, dù trên mặt đất, trên mặt biển, dưới biển sâu hay trên không. Anh cảm thấy mệt nhọc quá. Anh muốn về Isvor nghỉ ngơi và viết một cuốn sách nói về chiếc tàu ngầm.

Khi lính Đức sửa soạn cho nổ tung trái đồi san sát đồn lũy, họ nhìn thấy một người Nga từ trong một lỗ cốt chui ra, thân nhiên đứng tựa lưng vào tường rồi châm lửa hút thuốc lá. Đội

lính tuần tiễu trông thấy vội kêu bằng máy phóng thanh cho y hay sự nguy hiểm sắp đến. Người này vẫn im lặng hút thuốc lá.

Tới giờ nổ mìn, từng tảng đá lớn, những công-sự bằng bê-tông nổ tung lên trời cùng với người Nga kia, Những người lính Đức không hiểu tại sao người này lại không muốn sống. Cách đây 48 tiếng đồng hồ, họ đã càn quét, xua mọi người di-cư Nga ra khỏi nơi họ định phá hủy mà sao lại còn sót một người, và hẳn ta lại muốn chết.

Riêng Traian biết rõ tâm trạng của người này. Họ là người di cư, đã đi hàng ngàn cây số tới đây chỉ mang theo có một chiếc xe kéo, cốt tìm một chỗ trú ẩn, tìm khoai tây để ăn. Họ đã tạm trú nhiều nơi rồi, giờ đây họ đang ở trong những chiếc lô cốt đồ nát bên bờ biển lại bị xua đuổi, họ không biết đi đâu nữa nên họ đành tìm cái chết hơn là đi nữa rồi bị xua đuổi nữa.

Traian Matisi thăm nghĩ « Mình cũng thế », Thỉnh thoảng anh muốn chết cho xong hơn là nghe lệnh xuất phát. Nhiều khi cái chết còn dịu ngọt hơn là một cái lệnh lên đường. Một giừon

đã mệt nhọc quá sức thích chết hơn là ra đi..»

Ngay lúc đó Traian được viên đội cho hay trong một tiếng đồng hồ nữa chiếc Dauphin lại lên đường, vì đã sửa xong.

« Lần này là chuyến đi chót của mình, Traian tự bảo, nhất định là chuyến đi chót ».

C UỐN sách mà Traian tả về đời sống dưới tàu ngầm phát hành vào mùa đông. Anh tặng cho các bạn thủy thủ mỗi người một cuốn. Anh cũng mang một cuốn đặc biệt để tặng riêng Đô-đốc chỉ huy hải quân ở Constantza. Mọi người đều thích thú khi thấy cuốn sách được phát hành cả bên nước Hongrie và nước Đức.

Traian được viên Đô-đốc cho hay anh được lệnh gọi về Buca, để rồi đi Odessa tổ chức một tờ báo quân đội. Đô đốc nhận thấy cần có anh ở tại đây và có yêu cầu Nha Báo chí và tuyên truyền chọn người khác để tổ chức tờ báo. Ông cho anh coi công điện gọi anh cùng công văn phúc đáp.

— Tôi tin rằng Nha Báo chí sẽ chấp nhận lời yêu cầu của tôi, Đô đốc nói. Chỉ có riêng anh là người hiểu rõ đời sống của người thủy thủ, anh phải ở lại đây với chúng tôi.

— Nhưng nếu nha Báo-chí từ chối ? Traian đáp. Nghĩ tới việc

phải trở lại nước Nga, anh thấy hoảng sợ. Anh yêu cầu Đô đốc cho anh nghỉ phép mười ngày để trở về Bucarest vận động khỏi phải sang Nga.

Ngay chiều hôm đó anh đã ở trong nội-trú đường Họa-sĩ Grigoresco. Vừa tới nơi, anh đã được ông giám đốc cho anh hay bộ chỉ huy hải quân tại Constantza có nhân khi anh tới nơi nhớ gọi điện thoại về đó cho họ hay tin. Traian linh cảm có điều không hay cho mình. Đúng vậy, nơi bộ chỉ huy hải quân cho anh biết Nha báo chí không chấp nhận lời yêu cầu của Đô đốc và buộc anh phải cấp tốc về Bucarest ngay để đi Odessa. « Đô đốc đã thảo luận công văn yêu cầu lần nữa. Độ ba hôm nữa, Đô đốc sẽ tự thân chinh tới Nha báo chí để nói về chuyện đó. Ông có dặn tôi nói cho anh hay và riêng về phần anh, anh cũng tìm cách đi. Trong khi đó anh cứ bình tĩnh ở Bucarest cho hết phép nghỉ mười ngày ».

Bốn ngày liền Traian xin gặp các ông bộ-trưởng, các tướng lãnh cao cấp. Anh được tiếp đãi niềm nở vì anh là một nhà văn có tiếng tăm.

Một buổi chiều, khi trở về chỗ

ở anh được Ông giám đốc trao cho một lá thư bảo đảm. « Tôi rất hân hạnh báo tin để ông được rõ, Ông đã được cử làm tùy-viên văn-hóa tại sứ-quán Roumanie ở Zagreb. Ông hãy tới trình-diện tại phòng nhân-viên bộ Ngoại-giao ».

Traian đã chiến thắng. Dù anh không được ở lại với Hải-quân nhưng anh đã khỏi bị sang nước Nga lần nữa. Đã bốn năm rồi, giờ đây anh mới được trở lại dân thường.

Traian định khi tới bộ Ngoại-giao, anh sẽ xin phép nghỉ ít hôm để về Isvor thăm gia đình nhưng nơi đây, sau khi trao cho anh tờ thông hành ngoại giao, giấy tờ, vé xe lửa đã dục anh đi vào bữa mốt. Ông bộ trưởng có hứa khi anh tới nơi nhận việc ít hôm sẽ cho anh nghỉ phép.

Ba hôm sau, Traian khởi hành. Khác với những lần đi trước, lần này anh đi về hướng Tây. Anh thăm mong khi tới Zagreb, anh sẽ được ở đó nhiều năm. Anh không còn ở nhà binh nữa để bị cấp trên thuyên chuyển luôn luôn tùy sở thích của họ.

ĐỜI sống của nhân viên sứ-quán hoàn toàn khác hẳn. Nó không giống như đời sống của sinh-viên, đời sống của người phóng-viên, của thi-sỹ hay đời sống trong quân-đội. Ngay đến những bộ quần áo mặc cũng khác hẳn. Traian phải cắt hết xuống đáy rương những chiếc sơ-mi màu mà anh ưa mặc hồi làm phóng-viên. Anh cũng phải cắt hết những chiếc cà-vạt màu tươi sáng, những bộ quần áo thể thao để mặc những bộ quần áo màu xanh nước biển, đôi chiếc mũ đen, đi những đôi tất đen và thắt cà-vạt thường.

Traian đã ở Zagreb được một năm. Nơi đây anh có một chiếc xe hơi riêng, rất lớn để sử-dụng. Anh thường ao ước có một chiếc Topoline hoặc một chiếc Fiat nhỏ nhưng ông bộ trưởng không chấp thuận. «Thật là lý bịch khi gán bản «CD» trên một chiếc xe nhỏ xíu, ông bộ trưởng nói».

Mỗi ngày, cứ sáu rưỡi sáng Traian lái xe tới sứ-quán nơi trung-tâm thành phố để làm việc. Tại đây, cũng như hồi ở nội-trú sinh-viên, anh cũng có một chiếc chìa khóa riêng. Các nhân viên trong sứ-quán mãi mười giờ mới tới.

Traian mở máy phát thanh để nghe. Có tiếng gõ cửa. Anh phải ra mở lấy vì chín giờ người tùy-phái mới tới. Cô Borislava, thư ký của Traian bước vào. Cô ngồi ghi ngay bản tin tức của đài phát thanh bí mật của Thống-chế Tito. Mười phút sau cô trao bản tin ghi bằng tiếng Pháp cho Traian để anh dịch ra tiếng Roumaine. Đó là công việc buổi sáng của anh.

Cô Borislava là nữ-sinh viên ở Zagreb. Cô có nhiệm-vụ nghe những tin tức trong máy phát thanh cùng đọc các thứ báo rồi dịch sang tiếng Pháp. Sau đó Traian lại dịch sang tiếng Roumaine để trình ông Đại-sứ cùng gửi về cho chính-phủ.

Buổi tối anh phải đi dự những buổi tiếp tân, hoặc do các lãnh-sự, sứ-quán bạn mời hoặc do chính-phủ địa-phương tổ-chức. Đêm khuya, khi anh ở nhà, anh sáng-tác văn-ngệ. Không lúc nào anh viết nhiều như lúc này. Anh hồi hã viết như chỉ sợ có người dợt bút khỏi tay anh.

Khi cô Borislava ra về, Traian lại tiếp tục đánh máy những bản tin của nước Đức do cô đệ-nhị thư-ký Hedwiga đọc bằng tiếng Pháp.

11 rưỡi, cô Hedwiga về. Traian mang bản tin tức đệ-trình ông Đại-sứ. Hai người ngồi uống cà-phê, bàn chuyện thời-sự.

Khi trở về phòng làm việc, anh viết thư gửi về Isvor cho cha mẹ. Anh có thói quen hễ viết là dùng máy chữ, nhưng viết thư cho người thân anh phải viết bằng tay. Anh tả qua đời sống của anh hiện tại nơi thủ đô, những thắng lợi về vang về văn-ngệ. «Trong phòng làm việc của con, mọi vật đều tồi tàn quá. Thảm đã ngả màu. Ghế ngồi cũng hư hỏng. Con đã đề nghị với ông Đại-sứ để sắm đồ mới, nhưng ông Đại-sứ lại từ chối. Ông nói : «Không phải lúc để nghĩ tới đồ đẹp để. Nước chúng ta còn đang ở thời chiến tranh, hãy chờ đợi hòa-bình trở lại đã».

Con lại gửi giấy yêu cầu về tận Bucarest. Ông bộ-trưởng cũng từ chối. Nhưng con không hiểu tại sao lá đơn của con lại lọt vào

tay Thống-chế Antonesco. Người đã cười lớn khi đọc xong và ghi vào góc tờ giấy giòng chữ «hãy cấp cho người thanh niên này mọi thứ hần cần», và Thống-chế còn ghi thêm, để trong dấu ngoặc «không phải những thứ hần xin mà thôi». Thế là, con có một phòng làm việc rất đẹp, đẹp hơn cả của ông Đại-sứ. Con mong rằng, độ vài tháng nữa con sẽ được nghỉ ít hôm để về thăm nhà. Hiện tại thì không thể được vì không có ai thay thế con cả».

Nhiều tuần lễ trôi qua. Traian không hề nhận được thư của gia-đình mặc dầu anh vẫn gửi luôn mỗi khi có kỳ thư chuyển về nước. Rồi một hôm, anh nhận được một lá thư gửi trả lại với lời ghi chú của nhà bưu-điện Roumanie : Người nhận đã tản cư khỏi Isvor. Không biết địa-chỉ mới.

(Còn nữa)

HẰNG NGÀY GIA-ĐÌNH TÔI CHỈ ĐỌC :

nhật báo TIẾNG DÂN

Vì : báo này nói thẳng, viết mạnh bài vở, tiểu thuyết rất hấp dẫn.

LANG THANG

THƠ CỦA CÔ MINH-ĐỨC (PARIS)

THÁNG chạp, tôi có nhận được tập thơ *Lang-Thang* xuất-bản tại thủ-đô nước Pháp, của cô Minh-Đức, do ông Du-Tân trình bày và Linh-Bảo minh-họa, in trên giấy Ruyscher và bìa normande —

Gặp lúc quá bận việc, chưa có thì-giờ xem kỹ quyển ấy cũng như những quyển khác, tôi đã tự hứa sẽ xử-dụng mấy hôm Tết nơi bãi biển xa vắng để đọc các tập thơ mà quý Bạn đã có nhã ý gởi biếu trong vài tháng nay, — 13 quyển tất cả.

Nằm xem thơ trên tảng đá dưới bóng cây thù-dương, tôi rất vui thích được để tâm-hồn cảm - thông với muôn điệu tơ lòng của Thi-nhân bốn bề.

Tập Thơ nào cũng có vài ba bài khả-ái. Mặc dầu có một tác-giả hình như quá lỗ-lãng mà tự mình không biết, (họ không biết rằng sự lỗ - lãng có thể tự giết hại mình ?) mặc dầu có vài ba tác-giả khác có lẽ còn non-nớt mà quá ưa tự - cao tự-phụ, chúng ta vẫn thích-thú tìm được trong số mười-mấy quyển thơ xuất-bản hồi cuối năm qua, nhiều bài đặc-sắc, đẹp cả lời lẫn tứ. Chỉ năm mười câu thơ súc-tích, và duyên-dáng trong mỗi tập thơ cũng đủ gọi cho chúng ta một rung-cảm dịu-dàng, thanh-thoát, cho ta quên hết những phở-trương quá tầm-thường trắng-trợn.

*
Quyển *Lang - Thang* của cô Minh-Đức đã khiến tôi chú-ý

hơn cả. Tôi không dám nói đây là một kiệt tác, tất cả những bài thơ trong tập này không phải đều là hoàn-toàn, nhưng tôi đã tìm thấy nơi đây nhiều bài thật cảm-động, nhiều câu thơ rất đẹp, nhiều ý-tưởng chân thật, được diễn-tả khéo-léo, thâm-trầm, tế-nhị.

Cô thiếu-nữ Việt-Nam du-học ở ngoại-quốc, trong một đêm tiệc trưng bưng bỗng nhớ mẹ già tóc bạc cô-độc nơi quê hương, ngời viết như sau đây :

.....
Những đêm như đêm nay
Ta muốn lòng ta say thật say
Men rượu nồng trong màu khói thuốc.
Quanh mình rộn-rã nhạc cuồng quay.

Pha lê tan tác vỡ
Tàn thuốc tả tơi bay
Ta muốn cười lên trong nức nở
Thả tâm-hồn mơ đến một bàn tay...
Có ai về xứ Việt
Đừng quên ngừng nơi đây
Cho ta nhận một lời khi tiễn-biệt,
Ta nhận rằng ta nhớ mẹ hôm nay...
(Paris, 56)

Tôi tin rằng khi Minh-Đức viết ra những câu thơ trên kia, cô đã say rồi, say rượu, say nhạc, say khói thuốc thơm, và chính trong lúc "say thật say"

ấy cô đã nhớ đến bà Mẹ già hiu-quạnh nơi quê-hương. Một đoạn trên, cũng trong bài này, cô đã viết :

.....
Xa xôi lắm, có ai về xứ Việt,
Nhấn hộ rằng ta hận dưới trời tây
Đâu những giờ yên tiệc
... Mẹ mở nồi cơm nóng khói hương bay...
.....
Ngoài mưa gió như không ngừng rên siết
Mà lòng ta nắng sớm vẫn hây hây
Nhưng còn đâu nữa
Nắng bên ngoài lòng vẫn chớm heo may !
(Ai về xứ Việt)

Thiếu-nữ tâm-hồn đang trong trắng, tình-cảm đang rào-rạc, đi xa nhớ mẹ là lẽ thường ; nhớ Mẹ già cô-độc ngay giữa tiệc cuồng say ở một nơi hoa lệ trên đất khách, đã là một lẽ không thường rồi. Nhớ Mẹ mà viết ra những câu thơ ảo-não làm-ly trong lúc "quanh mình rộn-rã nhạc cuồng quay" thì hẳn là một tài-hoa đáng quý mến.

Đến khi thiếu-nữ biết yêu, tình yêu đầu-tiên cũng được diễn-tả với những nét chân - thật, tha-thiết, hồn-nhiên :

Cầm tay em nữa đi anh

Bên ngoài ngợp nắng xanh xanh
hoa đời

Bình minh tung ánh nhạc
Say duyên-tình, say mãi nhé anh ơi
Cứ nhìn em nữa đi anh
Thơm gió rung rung nhé mấy cành
Có tiếng chim cười khoe cánh biếc
Hãy nhìn em, nhìn em nữa đi anh
Cười với em đi anh

Vì tiếng cười là hoa xang
Vì nét cười là nhạc nắng
Khi nhịp đời trong nhịp thở lên
nhanh
Hát em nghe đi anh

Nói nhiều hơn nữa đi anh

Ái tình có đẹp mãi không anh
Người bảo tình đời sao mỏng-
manh

Ta hứa tình ta trên nhân loại
Trời xanh, xanh mãi ánh trăng
xanh
(của anh)

Chúng ta cầu mong mấy vầng
thơ xanh này sẽ xanh mãi, và
hồn thơ xanh mãi, tình thơ xanh
mãi. Nhưng rồi than ôi, phút
êm-đẹp vừa qua, trời vẫn còn
xanh, xanh mãi, mà khách tài-
hoa đã lã-chã mấy giòong châu
hạ !

Người mơ ơi, người mơ ơi
Từ thuở chưa mơ, đã hận rồi !
Xuân sắc từng đêm ôm gối lẻ
Nằm nghe sương giọt lệ rơi rơi...

Người mơ ơi, người mơ ơi,
Đã biết yêu nhau để hận đời.
Sao nỡ đưa vào vòng lệ thảm
Ngoài kia chim bướm sánh từng
đôi

Người mơ xa, người mơ xa
Duyên nợ hay tình đôi chúng ta
Là nợ vì nhau xin xóa bỏ
Là duyên sao chẳng được tình ca.

(Hân)

Phải chăng cuộc đời có hai đôi
chân vẫn nghịch nhau mà vẫn
giống nhau ? Cái gì tuyệt đẹp,
cũng như cái gì tuyệt xấu, sợ
không được bền. Có sinh viên
du học, còn là một thiếu-nữ hồn
nhiên thuở nọ, đã chắm ngòi bút
trong giọt lệ của Nàng Thơ, và
trên tờ giấy trong trắng của
tâm hồn bây giờ đây đã ghi đầy
những nét tuyệt vời thiêng liêng
của Đau khổ.

Thì ra Thơ là Đau khổ !
Những ngăn-lệ nào-nùng của cô
Sinh viên Minh-Đức đã biến hóa
cô thành một Thi-nhân.

Thế cho nên, khi « người em
gái ở tận trời Nam » viết thư
sang Pháp trách chị sao vắng tin,

nữ-sĩ tài hoa nhẩn về :

Tim em không nào nỡ

Chân chưa dẫm, bước vào vườn
tội lỗi,

Cành mới non chưa nếm trái sầu tẻ
Em làm sao biết được

Những khi thư vắng về
Là những buổi thuyền không xuôi
bến nước

Và khắp trời bão tố ngập sơn khê
Em như tờ giấy trắng

Chưa hề vương mực đời,
Ai nỡ viết lên những mằn cay đắng
Đêm xuống buồn tôi sẽ gọi Em ơi !
(Em ơi)

Câu thơ cuối này là cả một
Mea-culpa (1) vô cùng ảo-não !
Tôi cũng phải thú thật rằng khi
tôi đọc đến câu này, tự dưng
tôi gắp sách lại mà rung rung
hai ngăn lệ.

Tài hoa, cái lụy nghìn đời.
Nữ Thi-sĩ Minh-Đức đã mang
cái lụy tài hoa vào trong sổ kiếp,
nàng thuộc về dòng dõi của
Tương-Phổ, của Nữ Bá tước
de Noailles, của Yosano, của
những tâm hồn siêu đẳng kết
cắm với Thượng-Đế trong Vỹ-
đại Cô-đơn.

Mặc dầu yêu, rồi lại yêu ; nhớ
rồi lại nhớ ; đau khổ cứ liên-tục

trong định-mệnh thiêng liêng,
Giọt lệ không bao giờ ngừng
rơi : một nụ cười chỉ là một
đóa phù dung tằm chút nhụy
vàng trong sương gió.

Đã reo lên làm chi :

Tình đẹp như bài thơ
Tình say như hương mơ
Tình vang như ánh nhạc
Tình êm như khung tơ

(Mars 56)

Tác em xóa xuống trán
Mắt người vui long lanh
Đêm ấy nhiều sao quá
Trời xanh hơn áo xanh...

Để rồi phải chan - hòa bao
nhiều nước mắt trên vầng thơ
lai-láng ? Để rồi :

Mỗi khi trời chết ánh sao
Lòng ta thức-mắc nhớ đêm nao
Cô độc tình ai gieo thốn-thức
Tình ta muôn kiếp lặng xôn-xao !
(Paris 59)

Thế mà vẫn còn mơ tưởng :
Người ơi bao giờ sang Tây-
phương ?

Ai đang mơ gì nơi phương xa

(1) Tiếng latin rất thông dụng,
có nghĩa là lời thú tội.

Một cánh đồng trăng vàng bao la
 Một mái nhà tranh vàng ngụy nga
 Mơ bàn tay người trong tay ta
 (Paris 60)

Và đây là hai câu thơ chót
 trong tập «Lang-Thang» :

Mong mãi nhưng người yêu chẳng
 đến
 Trời buồn tình đất không lên
 hương

(Người ơi bao giờ Paris —
 1960)

Minh-Đức quá thật là khiêm-
 tốn. Cả vườn thơ của nàng đã

ngào-ngạt lên hương. Trời càng
 buồn, hương thơ càng tràn
 ngập trong tim người và tim
 hoa.

Người yêu chẳng đến, hay có
 lẽ người yêu sẽ đến chẳng, đó
 không phải là quan-trọng. Chúng
 ta chỉ biết, dù mùa xuân hay mùa
 đông, dù thương nhớ ánh nắng
 miền Nam hay mơ sâu bão-
 tuyết ở Paris, tình yêu của nàng
 Thơ Việt-Nam vẫn rạo-rực dậy-
 men, tinh - khiết và nồng-nàn,
 thơm-tươi bát-ngát, trên ngọn
 bút đơm hoa sắc-sở muôn màu,
 ngây-ngất muôn hương l...

N.V.

CHỈ CÓ THUỐC

Mồ hôi trộm HIỆU KIM ĐIỀN

là đặc biệt chuyên trị bệnh con nít đổ mồ hôi trộm lúc ngủ.
 Rất hay.

Và sau khi hết bệnh nên bổ dưỡng thêm bằng

PHÌ NHỊ BÁ BỔ KIM-ĐIỀN

Thuốc bổ tỳ vị, ăn ngủ ngon mau mập, lên cân, tiêu
 cam sài.

Sản lần trẻ em. Mỗi chai 28\$.00.

Bán khắp nơi và 361 Phan-đình-Phùng Saigon.

Đồng dược-sĩ DÀO-PHI-PHÙNG

Sách báo mới

★ **Văn-Nghệ.**

● Tập-chí xuất bản hàng tháng. Số 1 đã ra ngày 1-2-1961, có
 những bài của Kiêm-Minh, Anh-Oanh, Tô-thùy-Yên, Song-Hồ,
 Viên-Linh, Trữ-Vũ, Trần-dạ-Từ, v.v...

Chủ-nhiệm, Lý-hoàng-Phong, Thư ký toà-soạn : Ngọc-Dũng.
 Tòa-soạn 554, Trương-minh-Giang, Saigon.

★ **Le Hoa-Tiên** de **Nguyễn-Huy-Tự.**

Transcription de Nguyễn-văn-Tổ, d'après la copie manuscrite de
 J.E.F.E.O. Quyển I và II.

Có bài nghiên-cứu và bình-luận của Nguyễn-văn-Tổ bằng Pháp-
 văn, và bản diễn-âm, của Nguyễn-huy-Tự, và Nguyễn-Thiện nhuận-
 sắc.

Dur-Tân trình-bày, PARIS.

★ **Đêm Xuân trăng sáng**, tiểu-thuyết của Võ-Phiến.

Nhà xuất bản Nguyễn-doãn-Vượng. Saigon.

★ **Mỹ-Thuật.**

Tập-san Mỹ-thuật, Chủ-nhiệm Lê-văn-Lắm. Bài vở : Đỗ-đình-
 Hiệp, Nguyễn-hữu-Ba, Lê-văn-Đệ, v.v... Nghiên-cứu, phê-bình và
 bình-luận về Hội-họa, điêu-khắc, kiến-trúc, âm-nhạc, kịch-nghệ, mỹ-
 nghệ. Số 1 đã phát-hành tháng 1-1961. Giá 12 đồng.

★ **Hà-nội ngày nay** (1954 - 1960).

Tác-giả : Người Thăng-Long.

Xuất-bản : Nam-chi Tùng-thư — Giá 80 đồng.

★ **Asia, France-Asie.**

Tập-chí Văn-hóa, viết bằng Pháp-ngữ và Anh-ngữ, Chủ-nhiệm :
 René de Berval,

Chủ-bút : Koji Iizuka và Shuichi Kato.

Tòa soạn : 18,2-chome, Tomisaka-cho, Bunkyo Ku, TOKYO,
 (Japan).

Số đầu bộ mới có rất nhiều bài có giá-trị, của R. de Berval,

Hoàng-thân Souvanna Phouma, Takchiko Nishiyama. R. Ghirshman, Narada Maha Tesa, Shuji Takashima, v.v...

Tạp-chí Phở-Thông thân mến gửi lời chào mừng bạn đồng-nghiệp ở Tokyo, và chúc Bạn năm mới được phát-triển mạnh mẽ trên trường văn-hóa quốc-tế.

★ **Tiếng-Thầm** (in lần thứ hai) — **Lời-Thiên** (in lần thứ nhất).

Thi phẩm của PHẠM-ĐÌNH-TÂN, trong Tinh-Việt Văn-đoàn. Ấn-loát rất đẹp. Sẽ có bài phê-bình sau.

★ **Đặc-Lộ.**

Cơ-quan của Câu-Lạc-Bộ Sinh-viên Đặc-Lộ.

175B, Đường Yên-Đỗ, Saigon.

Số 1, Đặc-san mùa Xuân, có nhiều bài hay. Xin thành thực chúc các bạn mạnh tiến.

TÁC-PHẨM KHAI-BÚT NĂM TÂN-SỬU NÀNG ÁI CƠ TRONG CHẬU ÚP

Một câu chuyện lịch-sử kỳ-bí

Một câu chuyện văn-chương tao-nhã

Một câu chuyện diễm-tình cao-thượng bị mai-một hơn hai thế-kỷ, nay mới được phơi bày theo dòng mực lưu-loát DƯỚI MÁI TRẮNG NON

CỦA MỘNG-TUYẾT THẤT-TIÊU-MUỘI

Một tác-phẩm dự-bị xây-dựng từ hơn 20 năm, phải chờ khai-thác đầy đủ sử-liệu mới khởi thảo để :

ĐIỀM SINH SẮC CHO LỊCH-SỬ TƯƠI MÀU
TRUYỀN LINH ĐỘNG CHO CỒ NHÂN SỐNG LẠI

MỒ HỒI LƯỚC MẮT



TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI

Tóm tắt kỳ trước : Cô

Năm Minh - Tú, em ông giáo Ngọc - Minh, cứ khăng-khăng buộc ông phải kết duyên với Thanh - Kiều, con gái rất lãng mạn của một ông Bộ-trưởng, và là bạn thân của cô. Ngọc-Minh từ chối, chỉ muốn thành-hôn với Ánh. Ánh lại không dám nhận một tình yêu quá chênh-lệch vì giai-cấp.

★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. số 51)

— Thôi, thích chơi với Tú hơn. Tú đi Cap không? Hay là hôm nay chúng mình đi Cap chơi, đi!

Nói thầm vào tai Tú, Thanh-Kiều tiếp :

— Rủ anh Năm và anh Ngọc-Minh cùng đi cho vui nhé!

Hai người cười toe toét. Minh Tú bảo :

— Thanh-Kiều ngồi chơi một chút xiu. Anh của Tú đi có chút việc sắp về bây giờ.

Một lát sau, Ngọc-Minh về. Ông đi Charner mua hoa lê-dơn trắng, là thứ hoa ông thích nhất, đem về chưng phòng khách. Minh-Tú

THANH - KIỀU đã ngồi trên ghế phòng khách, chỉ gật đầu, không đáp. Minh-Tú xuống. Hai người cười dòn dã, nắm tay rất thân mật. Thanh-Kiều vui vẻ nói :

— Mình đã hẹn với Tú thì mình đến, chớ tụi con Lộc con Trung rủ mình đi Cap sáng nay đây.

— Sao không đi với tụi nó ?

lạnh mồm khen anh :

— Chà ! Anh Hai mua hoa đẹp quá xá !

Trông thấy Thanh-Kiều, ông rất tự nhiên :

— Chào cô.

Con gái ông Bộ - trưởng, mà cũng là học trò cũ của ông Ngọc-Minh, nhoeo một nụ cười rất tình tứ :

— Ông giáo yêu hoa glaiêul lắm nhĩ ?

Ngọc-Minh chỉ mỉm cười nhả nhặn, không đáp. Minh Tú kéo tay bảo anh ngồi xuống ghế, gần cô Thanh - Kiêu. Xong cô gọi xuống bếp :

— Ánh ơi !

— Dạ.

— Đem nước sôi lên pha trà.

— Dạ.

Ánh đứng đỉnh lên phòng khách, bưng một mâm chén đĩa và bình trà, đặt trên bàn. Xong Ánh trở xuống bếp, xách ấm nước sôi lên. Nàng chế nước sôi vào ấm rồi trở xuống bếp. Một lát sau, Minh-Tú lại gọi :

— Ánh !

— Dạ.

Ánh trở lên. Minh - Tú nhìn chồng chọc Ánh :

— Mày để cái ấm đó chớ không châm trà hả ?

— Dạ, thưa bà, con để cho

ra trà.

— Bây giờ châm được rồi.

— Dạ

Ánh rót trà ra ba chén nhỏ, xong nàng xuống bếp. Ánh đi chun không, dịu dàng lễ phép. Toàn thân của nàng thướt tha yêu kiều tuy là giản-dị, nghèo nàn, không một chút điểm trang nào. Thanh-Kiều ngó theo nàng và khẽ hỏi Minh-Tú :

— Con ở này hồi trước làm gì ? Tú thuê nó ở đâu ?

Minh-Tú trả lời :

— Trước nó đi bán hàng rong và đi gánh nước mướn.

— Coi mùi đó chớ !

Thanh-Kiều nói tiếp :

— Nè, đứa ở có nhiều đứa coi cũng ngộ chớ há ?

Minh - Tú nghiêm-nghị đáp :

— Ngộ thì cũng là đứa ở !

Thấy ông Ngọc-Minh ngồi hút thuốc bình như không chú-ý đến câu chuyện của hai cô, Thanh-Kiều tủm-tủm cười hỏi ông :

— Ông Giáo thấy con ở như thế nào ?

Ngọc-Minh nhún vai đáp :

— Nó cũng là một cô gái đẹp như các cô gái đẹp khác.

Minh-Tú chau mày làm thinh, nhưng Thanh-Kiều cười rủ-rủi :

— Hèn chi mấy cô Nữ-sinh đồn rằng ông giáo ưa bình - vực tụi con-ở có đôi chút nhan-sắc !

Ngọc - Minh không trả lời.

Minh-Tú vùng đứng dậy :

— Ôi ! Nói làm chi những chuyện ấy ! Tụi em mời anh Hai đi Cap chơi chiều về. Sửa soạn đi, anh Hai !

— Anh ở nhà.

— Ở nhà làm gì, anh Hai ! Đi Cap chơi có vui hơn không ! Anh với nhà-em đi bên xe anh, còn em với hai cháu đi xe Thanh-Kiều. Em muốn coi Thanh-Kiều lái xe có giỏi không. Xuống Cap, tụi mình tắm biển và chụp hình chơi rồi 6 giờ về.

— Anh ở nhà.

— Anh Hai không chịu em gái của anh một chút nào hết ! Chúa nhứt cứ cu-rú ở nhà hoài ! Em ghét quá !

— Thì em cứ đi với cô Thanh Kiêu không được sao ?

— Đi có anh mới vui chớ, nói gì tụi em !

— Đi với anh không vui đâu.

— Có cả nhà-em với mấy cháu nữa mà !

— Có dựng Năm với hai cháu đi với em đủ rồi. Anh ở nhà coi nhà.

Minh - Tú tức giận anh lắm. Nhưng không biết nói sao, cô bèn gọi lên lầu :

— Minh ơi !

Chồng Minh - Tú từ trên lầu mặc áo pyjama, tay cầm quyền sách, bước xuống mấy bậc cầu

thang, hỏi :

— Em gọi anh hả ? À, cô Thanh Kiêu... chào cô.

Thanh-Kiều cười :

— Em đến mời anh chị và các cháu đi Cap. Em mời ông Giáo, ông Giáo từ chối không đi, em buồn quá đây nè.

Minh-Tú tiếp lời :

— Anh sửa soạn lẹ rồi xuống đi. Tụi em chờ.

Chồng cô Minh-Tú lại hỏi :

— Anh Hai đi không, anh Hai ? Ở nhà buồn chết !

Ngọc-Minh cười :

— Buồn thì chắc là buồn rồi đấy, nhưng chết thì chưa chắc ! Dựng cứ đi đi, để tôi ở nhà coi nhà cho.

— Ồ, coi nhà thì đã có con Ánh.

Hai tiếng con "Ánh" do chồng cô Minh-Tú vô-tình quăng xuống phòng khách trong lúc này, chẳng khác nào một hòn đá quăng xuống mặt nước ao hồ còn đang dợn sóng. Ai nấy đều im lặng, khó chịu.

Ngọc-Minh đứng dậy, nói một mình :

— Tôi đi dạo phố.

Ông ra khỏi phòng khách, đi thẳng, không chào ai cả. Ông đi một lát thì Minh - Tú cũng đứng dậy, ngó lên cầu thang, chồng cô đã trở lên lầu. Cô gọi :

— Rồi chưa, anh ? Xuống đi !

Cô lại gọi xuống bếp :

— Anh! Lên tao biểu.

Từ dưới bếp, Anh: “Dạ”.

Anh vẫn đi chầm không, điềm nhiên và dịu dàng, lên phòng khách. Minh-Tú với giọng câu kinh, bảo:

— Hôm nay cả nhà đi vắng, mầy ở nhà phải lau nhà, lau bàn ghế, tủ, giường, rửa bếp, lau sạch cầu thang, rồi giặt, ủi, soạn hết các đồ đạc của mấy đứa nhỏ, coi cái nào đứt khuy và rách thì khâu vá lại, nghe chưa?

— Dạ.

— Với lại chùi hết các đồ đồng đồ sứ ở phòng khách và trên lầu. Lau sạch các cửa kiếng trên lầu và dưới nhà, nghe hông?

— Dạ.

— Nhớ xay cà-phê, nghe hông?

— Dạ.

— Mầy đã cọ sạch bề nước chưa?

— Dạ, thưa bà, con đã cọ hôm qua rồi.

— Bữa nay có thì giờ rảnh nhiều đó, thì tháo lù ra, cọ lại cho thiệt sạch nghe hông? Mầy nói cọ sạch rồi sao sáng nay tao còn thấy có mấy con bọ quăng?

— Dạ thưa bà..

— Thôi đừng có chối bậy bầy! Mầy làm biếng lắm! Đạo này tao thấy mầy hay coi tiều-thuyết lắm

đá! Liệu hồn mầy!

— Thưa bà, con có bao giờ coi tiều thuyết đâu.

— Thôi, cầm cái miệng đi mầy.

Không coi tiều - thuyết sao coi bộ mầy mơ mộng quá xá vậy? Tao gặp mầy mấy lần ngồi mơ mộng ở dưới bếp, mầy còn chối gì! Hay bây giờ mầy muốn theo phong trào làm tài-tử xi-nê, vũ-nữ, ca-si, chớ không muốn rửa chén rửa bát nữa?

Chồng cô vừa bước xuống cầu thang, hai tay dắt hai đứa con:

— Đi chưa?

Thanh-Kiều nắm tay Minh-Tú:

— Thôi, anh và hai cháu đã xuống kia. Đi, “toa”!

Minh-Tú lấy bóp trên bàn khách, còn ngó chồng chọc vào mắt Anh:

— Chiều tao về, mà mầy không làm hết các công việc tao đã dặn, thì mầy đừng trách tao, nghe hông? Làm cơm sẵn, 7 giờ tao về hăng dọn cơm.

Quay lại Thanh-Kiều, Minh-Tú bảo:

— Chiều về thẳng đây, Thanh-Kiều dùng cơm với Tú nhè? Có anh Hai của Tú, tụi mình ăn cơm nói chuyện cho vui.

Thanh-Kiều gật đầu:

— Cũng được.

Quay lại Anh, Minh-Tú bảo:

— Chiều nay có cô Thanh-Kiều dùng cơm nữa đó? Nè, tao đưa tiền chợ, chút nữa đi chợ mua 1 kí thịt filet, 1 bắp cải choux-fleur, nửa kí đậu petit pois, 1 con gà về làm gỏi, với lại bún tàu, mộc nhĩ, nấm, đề nấu canh, nhớ hông?

— Thưa bà..

— Mua một kí củ cải trắng và một trái đu đủ về rửa sạch sẽ, gọt ra phơi để mai mốt tao làm dưa. À quên, nhớ mua cà-rốt và củ hành nữa nghe?

— Dạ.

Chồng cô vỗ vai, bảo:

— Thôi, đi kéo trưa, 10 giờ hơn rồi.

Minh-Tú còn bảo thêm Anh:

— Tao đi vắng, mầy ở nhà không làm hết các công việc tao dặn, mà ngồi ở bếp mơ mộng, thì chiều tao về, mầy biết tao. Chút trưa, ông Hai đi chơi về, mầy phải dọn cơm dâng hoàng, lễ phép, nghe hông? Mầy mà nhí nha nhí nhảnh, tao đánh bẻ mặt! Coi chừng tao đá!

Hình như cô Minh-Tú còn muốn nói nữa với Anh, nhưng chồng cô và Thanh-Kiều nắm tay kéo cô đi. Hai đứa nhỏ đã

hí hờn chạy ra chiếc xe Huê-ký từ trước, ngồi trong xe gọi ầm ỉ:

— Đi, má! Đi cho rồi, má!

Ra xe, Thầy Năm ngồi sau với 2 con, Cô Năm Minh-Tú ngồi trước, cạnh Thanh-Kiều. Con gái ông Bộ-trưởng có vẻ hãnh diện, mở contact, kéo démarreur, rồi đưa cánh tay mềm mại ra làm dấu hiệu cho xe từ từ lăn bánh ra đường..



Anh đi chợ, về làm cơm, xong lui cui làm các công việc bà chủ đã dặn.

Anh vừa làm, vừa khóc.

Anh buồn vì thân phận cô gái nghèo phải đi ở mướn, bị chủ nhà day-nghiến và hạch-sách đủ điều.

Anh càng buồn vì chuyện ông giáo muốn dấn - diu với nàng, sanh ra nhiều chuyện nghi - ngờ lời thôi trong nhà, mà chính nàng không muốn. Bây giờ Anh biết chắc rằng ông giáo không phải là một người xảo trá diêm-dàng cố ý lợi dụng hoàn cảnh nghèo khổ trợ trợ của Anh. Những lời lẽ ông nói với Anh nhiều lần đã để cho Anh tin tưởng nơi ông. Anh nhận thấy ông có ý nghĩ đứng đắn, cao thượng và quả thật là ông yêu Anh, quyết muốn cưới Anh làm

vợ, chứ không phải chọc ghẹo lăng - loàng như nhiều người đàn ông chỉ háo sắc vờ - vờ. Ông không có thành kiến phân chia giai cấp, ông thật lòng thương Anh và tha-thiết với Anh lắm. Đã nhiều lần, ông tỏ rõ thái độ thành thật, rất lịch-sự, khiêm tốn, không bao giờ có ý khinh khi Anh, hoặc đùa bỡn cợt nhả. Anh công nhận là Ông Giáo Ngọc-Minh rất tốt, rất đàng - hoàng, chân - thật. Anh đã nghe được những mẩu chuyện cãi lẩy giữa cô em gái của ông và ông, và do đó Anh càng thấy rõ mối tình thâm-kín say mê của ông Ngọc - Minh đối với Anh. Anh cảm-dộng, rồi bỗng dưng cũng nảy nở tình yêu âm - thầm, tha - thiết với ông. Nhưng Anh vẫn thấy mối tình mai mỉa làm sao ! Chưa chát làm sao ! Vô lý làm sao ! Anh không ngờ ông Giáo có thể yêu Anh đến như thế và Anh không thể nào tin tưởng rằng cuộc tình duyên chênh lệch ấy có thể thực hiện được. Dù có thực hiện được chăng nữa cũng chưa chắc đã lâu bền !

Anh không có tham vọng cao xa. Anh không ham danh lợi, tiền tài. Con nhà lao động, sống bằng mồ hôi nước mắt từ thuở bé

đến giờ đã chịu bao nhiêu cam khổ, cực nhọc, Anh có bao giờ dám mơ màng đến cảnh xa hoa tráng lệ đâu. Biết thân phận nghèo nàn côi cút, nhưng cố giữ lấy tiết hạnh trong trắng của người con gái Việt-Nam, xứng đáng với nề nếp luân lý của Nước nhà, Anh đã thoát được những cám dỗ bi đật của người cha ghê tội bại, nay Anh chỉ mong sao làm thuê ở mướn dành dụm chút ít tiền để sau này có vốn đi buôn bán sinh nhai. Tất cả ước vọng của Anh chỉ có thể thôi.

Lấy chồng ? Anh chỉ mong lấy một người chồng nghèo và tử tế như Hoàng, người bạn học cũ đã tỏ tình thân mến Anh trước kia. Anh nhớ Hoàng, muốn gặp lại Hoàng, muốn đáp lại mối tình thâm kín từ lâu, e dè nhưng tha thiết của chàng trai thất nghiệp, cùng chung một cảnh ngộ. Nhưng Anh không biết Hoàng ở đâu, và hiện đang làm gì. Anh nán chờ người bạn tốt ấy, với lòng tin tưởng bền bỉ nơi cuộc tái ngộ vui mừng và âu yếm sau này. Không ngờ, hoàn cảnh xui khiến nàng gặp ông giáo Ngọc-Minh, và than ôi, cả một mối tình rạo rực, lại là mối tình đầu tiên của một người đàn ông thồ lộ với nàng.

tặng nàng trong một trường-hợp éo le đau đớn !

Nàng không dám nhận. Nàng không muốn nhận. Nhưng dù sao nàng không thể không thấy lòng nàng rung động trước cử chỉ chân thật, dấm say, của một bậc trí thức thượng lưu, giàu sang, danh giá, dẫu vì yêu nàng mà gây ra trong gia đình cô em gái một không khí bất hòa, rối loạn. Cũng vì tình yêu chênh lệch bất ngờ ấy, mà nàng đã phải chịu bao nhiêu dằn vò cay đắng của cô chủ nhà ngạo nghễ khinh khi nàng. Nàng thấy ông Ngọc Minh dạo này hay buồn bã, ít nói, ít cười, thường lén lút kiếm cơ hội để tỏ riêng cùng nàng tình yêu xót xa, thăm vụng, của ông. Anh thành - thật cảm động và đã bắt đầu thương mến ông Ngọc-Minh nhiều lắm.

Nhưng, dù sao, Anh cũng cho rằng chẳng qua số phận của nàng hẩm hiu đau-dớn. Anh không thể nào nhận lãnh tình-yêu quá tốt đẹp ấy. Địa vị và hoàn cảnh của Anh không cho phép Anh được hưởng hạnh phúc tuyệt vời mà ông Ngọc Minh đã muốn tặng Anh. Anh phải cương-quyết từ chối ngay để khỏi phải đi sâu vào một con đường tình duyên

muôn phần trắc-trở. Tốt hơn là Anh nên ra khỏi gia đình này. Anh chờ ông Giáo về dùng cơm trưa để thưa rõ câu chuyện với ông. Hôm nay gia-đình Cô Năm đi ra Cap, là một cơ hội tốt để Anh được thồ lộ hết tâm sự của mình để ông Ngọc Minh thông cảm. Nếu ông khẩn khoản thiết tha với Anh nữa, Anh sẽ thú thật với ông ý nghĩ của Anh và cho ông biết quyết định của Anh đợi đến cuối tháng sẽ xin thôi việc.

Anh vừa giặt đồ, vừa suy-nghĩ, buồn tủi cho thân - phận mình. Hai giòong lệ cứ chảy ràn rụa trên đôi gò má hồng mơn-mỏn. Anh đau khổ quá, bỏ chạy vào buồng ngủ, nằm gục đầu xuống gối khóc nức nở.

Mãi đến 1 giờ, ông Ngọc-Minh mới về. Nghe tiếng gõ cửa, Anh vội vàng lau nước mắt, lấy khăn ướt lau mặt, đợi ông gọi cửa ba lần Anh mới ra mở. Anh tưởng ông Giáo không trông thấy những vết lệ trên mặt nàng. Nhưng vừa bước vào, ngó Anh, ông hỏi ngay với giọng hiền lành cảm động của ông.

— Sao Anh khóc, vậy Anh ?
Mắc cỡ, Anh không trả lời.

đi thẳng xuống bếp, sửa soạn dọn cơm. Nhưng ông Ngọc - Minh đi theo sau. Đến bếp, ông bảo :

— Tôi ăn cơm ngoài tiệm rồi. Anh ạ. Tôi chỉ về nhà lấy một quyển sách rồi tôi đến nhà một người bạn ở Thủ - Thiêm, tối tôi mới về. Chiều tôi cũng không ăn cơm nhà. Cô Năm và gia-dình đi Cap rồi hả Anh ?

— Dạ.

— Chiều cô Năm về, Anh nói là tôi ở chơi bên Thủ-Thiêm, ăn cơm bên ấy, 8 giờ đêm tôi mới về nhà.

— Dạ.

— Anh khóc vì Anh buồn lắm, phải không? Tôi tin đề Anh biết rằng đầu tháng này tôi dọn đi ở riêng nhà khác. Tôi thấy tôi ở trong nhà này thì khổ cho Anh. Thôi, nếu từ trước đến giờ tôi đã làm khổ Anh điều gì, thì Anh quên

hết đi, đừng nghĩ tới nữa. Anh coi như không có xảy ra chuyện gì cả.

Anh rưng rưng nước mắt, không nói lại được một lời. Ông Giáo khẽ bảo :

— Tôi xin lỗi Anh nhé.

Xong, ông vội đi lên lầu. Anh đứng một mình dưới bếp, lấy khăn ướt lau lại một lần nữa, cố nén lòng và giữ điềm tĩnh đừng để ông Giáo thấy sự xúc động của nàng. Nhưng nàng cố nén bao nhiêu, hai ngón lệ càng tuôn ra bấy nhiêu, nàng không sao ngăn được.

Ông Ngọc-Minh trở xuống, tay cầm một quyển sách. Nét mặt buồn rầu, ông đứng nơi phòng khách gọi Anh :

— Tôi đi đây. Anh ra đóng cửa giùm.

(Còn nữa)

Xin Bạn đọc lưu ý.—

Thỉnh-thoảng trong truyện dài này, có một đôi lần lạc nho-nhỏ do sự lãng quên của tác-giả viết rồi không kịp xem lại. Những lầm lỗi không quan trọng ấy sẽ được điều-chỉnh lại khi bộ truyện sẽ in ra thành sách. Vậy xin quý Bạn đọc vui lòng thông cảm cho. Tác-giả xin cảm tạ.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ ĐIỀU-HUYỀN

★ Ông Đỗ-dinh-Nguyên, kbc 4.640

- Huỳnh-thúc-Kháng hay là Hoàng-thúc-Kháng, cũng như nhau.
- Việc xin cấp phó bản văn-bằng Trung-học, ông nên thân hành đến Bộ Giáo-Dục, hỏi các chỉ dẫn đầy đủ và rõ ràng hơn.

★ Cô Võ thị Kiều-Nga, Huế.

Theo ý kiến hẹp hòi của tôi, thì khi cụ Nguyễn-Du viết truyện Kiều, cụ không có thâm ý tự so sánh thân thế của mình với thân thế của nàng Kiều.

Tác giả theo một bộ truyện của Tàu mà viết ra truyện Đoạn trường tân thanh chứ không có chủ đích mượn cốt truyện một nhân vật trong đó để ký-thác tâm-sự của mình. Sẽ có một bài dài bình luận trong một số khác.

— Ông Nguyễn-Bá-Tòng, giáo-viên trường Tân-Hiệp — Kiên-Giang.

Sao Hôm và Sao Mai, theo các sách xưa thì hai ngôi sao khác hẳn nhau, nhưng theo Thiên-văn-học ngày nay thì chính là một.

- Sách Thần-thoại Tàu, có kể diên tích như sau đây : Cao-Tân có hai người con tên là Yêu-Bá và Thực-Trầm. Hai anh em cứ hay cãi lộn hoài, cả ngày lẫn đêm, làm phá giấc ngủ của Ngọc-Hoàng. Ngọc-Hoàng tức giận, đẩy Yêu-Bá ở hướng Đông làm Sao Thương (tức là Sao Hôm) và đẩy Thực-Trầm ở hướng Tây làm sao Sầm (tức là Sao Mai), để hai anh em không bao giờ nhìn thấy mặt nhau. Vì vậy mà

trong Văn-chương Tàu, khi hai người nào không gặp nhau thì ví như sao *Sâm* và sao *Thương*.

● Theo Thần-thoại Hy - Lạp La-Mã lúc đầu, sao *Vesper* Hy-Lạp gọi là *Hesperos*, (tức là sao *Hôm*), là một vị Thần, con của Nữ-thần *Eos* (Binh-Minh) và thần *Cephalos*, và ông nội của các Nàng Tiên Ban Đêm (*Hesperides*). Còn sao *Mai* là *Lucifer*, tên một con quỷ sứ, Thần *Ánh Sáng* ở địa ngục. Cũng có tên là *Phosphoros*.

★ Nhưng rồi về sau người ta nhận thấy sao *Vesper* (Sao *Hôm*) và sao *Lucifer* (sao *Mai*) vẫn là một sao, nên gọi chung một tên là sao *Vénus*. Tàu gọi là *Kim-Tinh*. Trong văn-chương Tây-Âu, các nhà thơ còn gọi sao *Venus* là *Etoile du Matin* (Sao *Mai*), hay là *Etoile du Berger* (Sao của người Chăn Chiên). Sao *Vénus* buổi tối còn gọi là *Etoile du Soir* (Sao *Hôm*) : nhưng gọi khác nhau như thế chỉ trong Văn-chương mà thôi. Về Thiên-văn, vẫn gọi một tên khoa-học là *Vénus*. Sao này cách mặt trời độ chừng 108 triệu kilômètres. Trong Thái-dương-hệ, nó là hành-tinh gần Mặt Đất nhất (khoảng cách Kim-Tinh — Địa cầu : 41.000.000 km, lúc nó ở giữa Mặt Trời và Mặt Đất). Nó cũng to gần như Trái Đất, đường kính của Kim-Tinh : 12.373 kilômètres ; đường kính của Trái Đất : 12.756 kilômètres).

★ **Bà Nguyễn-thị-Mỹ, 286 Tôn-thất-Đạm Saigon.**

● Về việc học cấp bằng Luật, bà nên hỏi thẳng nơi Trường Đại-học Luật-khoa,

★ Những cấp bằng của thời-kỳ V.M. hiện nay không có giá trị.

★ **Em Quế.Thảo, Đà-nẵng.**

Tần-thị-Hoàng, hay Tần-thủy-Hoàng, *thĩ* chung hay *thủy* chung, đều như nhau. Có người đọc *thĩ*, có người đọc *thủy*.

★ **Bạn Thi, Huế.**

Nhà Bác-học EINSTEIN là người Đức, sinh trưởng tại Đức, nhưng lại thuộc về dòng dõi Do-Thái.

★ **Nguyễn-ngọc-Chánh, Nha-Trang.**

R.A.F. : Royal Air Force (Lực-lượng không quân Vương-quốc Anh).

H.M.S. : His (Her) Majesty's Ship (Tàu của Anh Hoàng).

S.E.A.T.O. : South East Asia Treaty Organization (Tổ-chức Hiệp-ước phòng thủ Đông Nam Á).

N.A.T.O. : North Atlantic Treaty Organization. (Tổ-chức Hiệp-ước phòng thủ Bắc Đại Tây Dương).

U.N.O. : United Nations Organization (Tổ chức Liên Hiệp Quốc).

(Pháp : O.N.U. (Organisation des Nations Unies).

UNESCO, (United Nations Educational Scientific and Cultural Organization.

(Tổ-chức Văn-hóa Khoa-học, Giáo-dục của Liên-Hiệp-Quốc).

★ **Bạn Ngô-thành-Điệu, Qui-Nhơn.**

Muốn có Phở-Thông từ số 1 đến số 30, bạn viết thư hỏi nhà sách Khai-Trí đường Lê-Lợi Saigon. . . . , hoặc nhà sách Nam-Cường, đường Nguyễn-thái-Học.

Từ số 30 đến bây giờ, có thể gửi nơi tòa Báo, bằng tem bưu-diện.

ĐÍNH CHÍNH

Trong tập « Xuân Dạ Sầu Ngâm », phụ trương của Phở-Thông Xuân (51), bài XXI của Bà Trương-Phổ, trang 10, câu thứ tư :

Chín chục thiên quang chẳng đậm đà.

Xin đọc : *Chín chục thiên quang chẳng đậm đà.*

● Ở Phở-Thông Xuân, bài thơ *Chơi với* của Hoài Nam Tử — xin sửa là *Hoài Tâm Tử*.

● Ngoài ra còn nhiều lỗi nhỏ, mong bạn đọc vui lòng tự sửa lại giúp và xin cáo lỗi các tác-giả.

PHỞ-THÔNG TẠP-CHÍ

CHIA BUỒN

Được tin Ông Võ-Đức-Diên, kiến trúc sư, Giám-đốc Hành-chánh tại Nha Tổng Giám-đốc Kiến-thiết và Thiết-kế Đô-thị, đã mệnh chung ngày 6-2-1961 tại nhà riêng số 4-c đường Hiền-Vương Saigon, hưởng thọ 55 tuổi.

Chúng tôi xin cảm động chia buồn cùng tang quyến và cầu chúc hương hồn Bạn Võ-Đức-Diên sớm tiêu điều miền cực lạc.

NGUYỄN-VỸ



* HỘI CHỢ NỘI HÓA

(Của Cô Nguyễn ngọc Ánh — Di An)

... Thừa Chi, em khó chịu quá, mỗi lần đi học tập chính-trị là nghe thuyết trình viên gọi cử tọa là *Thưa quý Hội Trường* có khi là *Quý vị Hội trường*. Theo em thì ta có thể gọi là *Quý vị* thôi có phải dễ nghe hơn không? Chị nghĩ thế nào, chị cho em biết ý kiến nhé! Chúng ta có thể gọi bằng một danh từ nào khác để khỏi làm chướng tai người nghe không.

Còn một điều nữa, là hôm rồi em có đi xem Chợ nội Hóa. Em rất ngạc nhiên không hiểu, đã gọi là *đờ Nội Hóa* do người Việt-Nam mình làm ra, đem trưng bày trước mắt người Việt và người ngoại-quốc để chứng tỏ những khả năng thủ-công và kỹ-nghệ của người Việt-Nam, thế mà hầu hết các món đồ « nội hóa » đều đặt nhãn hiệu tên ngoại quốc!

Xà-phòng đánh răng thì tên là *Perlon, Sécurité, Bliss*! Rượu thì tên là *Martial*! Nước hoa là *Reina*! v.v... và v.v... Hầu hết các món đồ gọi là « nội hóa » của ta đều đặt tên Tây, sao không dùng những tên như dầu thơm HOA-HỒNG, kem đánh răng BẠCH-TUYẾT có hay hơn không?

Em mong *Phổ - Thông* là một tạp - chí có nhiều uy - tín hiện nay, đề cập đến vấn-đề ấy trong một số báo. Và thưa chị theo như em biết, thì hầu hết các đồng-bào ta đi xem *«Hội-chợ Nội-Hóa»*, đều có chung một thắc mắc như trên...

TRẢ LỜI NGÀY THẮNG ÂM DƯƠNG-LỊCH

* Cô Thiên-Kim — Cholon

— Ngày 6 tháng giêng năm 1901 nhằm ngày 16 tháng 11 âm lịch năm Canh-Tý, tháng Mậu-Tý, ngày Giáp-Thân.

— Ngày 5-10-1940 là ngày mồng 6 tháng 10 âm lịch năm Canh-Thìn, tháng Đinh-Hợi, ngày Nhâm-Tý.

* Bạn Giáng Thuyền — Phan Rí

— Ngày 1-1 âm lịch năm Canh-Tý = Jeudi 8-2-1940

— 17-10 — Nhâm-Thìn = Mercredi 3-12-1952

— 10-7-1942 là ngày 27-5 âm lịch năm Nhâm-ngũ, tháng Bính-ngũ, ngày Canh-Tý

— 12-6-1944 là ngày 22-4 (nhuần) âm lịch, năm Giáp-Thân, tháng Kỷ-Tỵ, ngày Đinh-Vị.

* Một độc giả ở Saigon

Ngày 1-3-1945 là ngày 1 tháng Giêng âm lịch năm Ất-Dậu, tháng Mậu-Dần, ngày Kỷ-Tỵ

* Bạn Hà Lê Phú K.B.C. 6067

Ngày 25 tháng 11 âm lịch năm Bính-Tý = Jeudi 7-1-1937

* Em Hồng Hoa — Mỏ Cày

Ngày 25-6-1937 là ngày 17 tháng 5 âm lịch năm Đinh-Sửu, tháng Bính-ngũ, ngày Quý-Vị

* Bạn T.H.Q. Cholon

Ngày 29 tháng 10 âm lịch năm Kỷ-Tỵ = Vendredi 29-11-1929

* Em Nguyễn Hoa Mai — Saigon

Ngày 19-10-1943 nhằm ngày 21 tháng 9 âm lịch năm Quý-Mùi, tháng Nhâm-Tuất, ngày Canh-Tuất.

* Bạn Nguyễn Hảo Hồ — Saigon

1) dl 23-3-1939 là 3 tháng 2 âm lịch năm Kỷ-Mạo tháng Đinh-Mạo ngày Kỷ-vị,

2) . 18-5-1940 « 12 « 4 « « Canh-thìn « Tân-tỵ ngày Tân-dậu,

3) dl 26-10-1941 là 7 tháng 9 âm lịch năm Tân-Tị tháng Mậu-tuất ngày Đinh-Vị,

- 4) dl 23-1-1943 là 18 tháng chạp âm lịch năm Nhâm ngũ tháng Quý-Sửu ngày Tân-Tỵ ;
 5) dl 22-10-1944 là 6 tháng 9 âm lịch năm Giáp Thân tháng Giáp-Tuất ngày Kỷ-Vị ,
 6) dl 6-5-1945 là 25 tháng 3 âm lịch năm Ất-dậu tháng Canh-Thìn ngày Ất-Dậu ;
 7) dl 25-5-1949 là 28 tháng 4 âm lịch năm Kỷ-Sửu tháng Kỷ-Tỵ ngày Ất Mão.

★ **Bạn Thanh Cao Lan — Saigon**

— Ngày 24-7-1938 là ngày 27 tháng 6 âm lịch năm Mậu-Dần, tháng Kỷ-Tỵ, ngày Đinh-Vị.

— Ngày 17-5-1941 là ngày 22 tháng 4 âm lịch năm Tân-Tỵ, tháng Quý-Tỵ, ngày Quý-Hợi.

★ **Ông Đỗ Văn Mỹ — Thù y sĩ, Ban-mê-thuật**

- 1) dl 14-9-25 ; âm lịch 27 tháng 7 năm Ất-Sửu tháng Giáp Thân ngày Tân Sửu ;
 2) dl 16-12-59 : âm lịch 17 tháng 11 năm Kỷ-hợi tháng Bính-Tý ngày Nhâm-Thân ;
 3) dl 14-9-45 : âm lịch 28 tháng 7 năm Ất-Vị tháng Giáp-Thân ngày Mậu-Dần ;
 4) dl 16-4-54 : âm lịch 14 tháng 3 năm Giáp ngũ tháng Mậu-Thìn ngày Nhâm-Dần
 5) dl 31-1-51 : âm lịch 24 tháng 12 năm Tân-Mão tháng Kỷ-Sửu ngày Tân-Vị
 6) dl 16-11-49 : âm lịch 26 tháng 9 năm Kỷ-Sửu tháng Giáp-Tuất ngày Canh-Tuất.

LUYỆN THI T.H.Đ.N.C. 1961

Một nhóm sinh-viên VĂN-KHOA và KHOA-HỌC, đứng đầu, nhiều kinh-nghiem, chuyên luyện thi THĐNC, giải tất cả các đề thi từ trước đến giờ ; nhận dạy tại các tư-thực hay tư-gia, từ đệ Tứ trở xuống. điều kiện dễ-dàng.

Xin thư cho TRANG-HỒ-ĐIỆP, sinh-viên trường ĐẠI HỌC VĂN-KHOA, Saigon.

Công-ty TRẦN-V-TÁNH (Tévété)

Nhập-cảng và Sản-xuất dược-phẩm

136, Yên-Đỗ — SAIGON

Đại-lý 2 viện Bào-chế :

— LABAZ

{ Bicarnésine
 { Citroflavonoïdes
 { Mérinax
 { Pyridoxine

— DIAMANT

{ Actidilon
 { Marzine
 { Néomycine
 { Hexacycline

— SẢN-XUẤT

{ Tévéthiazol
 { Hépatomiel
 { Polyvit. Ca
 { Pulmotan
 { Carditan
 { Glucocé

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Sắp xuất bản :

ĐỜI THỨC GIÀ

THƠ

của cụ UNG BÌNH Thúc giọ thị

*

Sưu tập và trình bày :

Cô TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG (Huế)

Ấn loát và xuất bản :

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

Nhà thuốc **VAN-XUAN**

Phát hành lại THUỐC BỔ

HUYET-SON-DUONG

Sở thích Đại lý
và khách hàng tại

Nhà thuốc **VAN-XUAN**

4 - Đường THUAN-KIEU CHOLON

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN

Rất cần cho

SÂN PHỤ, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU MƠI MẠNH

HEPATANA



Pharmacie **TANA**

42-44 NGUYEN-TRAI CHOLON